

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 24/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 12 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
và kế hoạch đầu tư công năm 2019**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2231/QĐ-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020;



Xét Tờ trình số 8958/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; báo cáo tiếp thu giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nguyên tắc điều chỉnh hạn mức kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020

1. Thực hiện điều chỉnh giảm hạn mức kế hoạch trung hạn đã giao tại Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với các trường hợp sau:

a) Các dự án, công trình trong quá trình quyết toán hoặc phê duyệt dự án giảm giá trị so với tổng mức đầu tư được duyệt tại chủ trương đầu tư làm thừa hạn mức so với kế hoạch trung hạn giao.

b) Các dự án, công trình đã được bố trí vốn từ ngân sách huyện, xã hoặc huy động các nguồn vốn hợp pháp khác (nguồn vượt thu, kết dư...) làm thừa hạn mức so với kế hoạch trung hạn giao.

c) Do thay đổi nhu cầu sử dụng hoặc khả năng triển khai thực hiện của các dự án và các lý do khác. Cơ quan chuyên môn thẩm định và kiểm soát việc điều chỉnh, chỉ thực hiện điều chỉnh giảm trong trường hợp không gây nợ đọng xây dựng cơ bản và đảm bảo phương án đưa vào khai thác, sử dụng được phần vốn đã đầu tư không gây lãng phí.

2. Việc điều chỉnh tăng, giảm hạn mức kế hoạch đầu tư công trung hạn phải đảm bảo trong phạm vi tổng mức kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Mức tăng vốn của từng dự án đảm bảo theo cơ cấu nguồn vốn đã được xác định của cấp có thẩm quyền.

3. Việc điều chỉnh đảm bảo theo nguyên tắc quy định và đối tượng đầu tư của Luật đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP về kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm, Quyết định 40/2015/QĐ-TTg về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn Ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 và Nghị quyết 33/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh. Việc bổ sung vốn cho các dự án không để phát sinh thêm công trình dở dang và nợ xây dựng cơ bản sang giai đoạn tới, ưu tiên bố trí các dự án trả nợ, vốn đối ứng các công trình đã triển khai và sắp hoàn thành sử dụng vốn chương trình mục tiêu, trái phiếu chính phủ của ngân sách trung ương, các dự án trọng tâm, trọng điểm, các dự án chuyển tiếp cần tăng vốn để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành và phải đảm bảo đầy đủ hồ sơ thủ tục theo quy định của Luật đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn.



Điều 2. Nguyên tắc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2019

1. Kế hoạch đầu tư công năm 2019 phải nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu và các định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; phù hợp với Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020. Gắn việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2019 với việc thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020 và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ.

2. Việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2019 phải phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước sửa đổi năm 2015, các Nghị định của Chính phủ số: 77/2015/NĐ-CP, 136/2015/NĐ-CP, 120/2018/NĐ-CP và các Nghị định khác hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg, Chỉ thị số 13/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 4028/BKHĐT-TH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 63/2015/QĐ-UBND, Chỉ thị số 08/CT-UBND của UBND tỉnh và khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch của ngành Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính.

3. Dự án được bố trí kế hoạch vốn năm 2019 phải có kế hoạch đầu tư công trung hạn. Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp và không được vượt quá kế hoạch trung hạn 2016 - 2020 sau khi trừ đi số vốn đã bố trí trong kế hoạch các năm 2016, 2017 và 2018.

4. Trong từng ngành, lĩnh vực thực hiện việc phân bổ vốn phải bảo đảm theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Ưu tiên bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01/01/2015 trong kế hoạch theo cơ cấu nguồn vốn đã được phê duyệt tại quyết định phê duyệt dự án. Đối với nợ đọng phát sinh sau ngày 31/12/2014, giao chủ đầu tư huy động các nguồn vốn hợp pháp khác thanh toán cho nhà thầu theo quy định; vốn đầu tư công (bao gồm tất cả các cấp ngân sách) không bố trí thanh toán phần nợ này theo quy định của Luật đầu tư công.

b) Ưu tiên bố trí vốn để thu hồi các khoản vốn ứng trước thực hiện đúng quy trình, quy định tại Nghị quyết 33/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt, bảo đảm huy động các nguồn lực bố trí vốn hoàn thành dự án theo đúng thời gian quy định tại Điều 13 Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ; theo khả năng nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí, định mức, ưu tiên bố trí theo quyết định phê duyệt đầu tư ban đầu và phân tổng mức điều chỉnh tăng do tăng giá các chế độ chính sách của nhà nước trong thời gian hợp đồng. Trong trường hợp điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư của dự án so với tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư trung hạn, các đơn vị phải tự cân đối vốn bổ sung từ các nguồn vốn hợp pháp khác để hoàn thành dự án đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng. Đối với các dự án được bố trí hạn

mức đầu tư công giai đoạn 2016-2020 thấp hơn so với tổng mức đầu tư tại quyết định phê duyệt dự án, các ngành, các cấp, các chủ đầu tư phải rà soát, trình phê duyệt quyết định đầu tư điều chỉnh tổng mức đầu tư hoặc xác định điểm dừng kỹ thuật hợp lý phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã được giao hoặc huy động các nguồn vốn hợp pháp khác (nguồn vượt thu, kết dư hàng năm, nguồn ngân sách huyện, xã, huy động xã hội hóa...) để đảm bảo hoàn thành các công trình, hạng mục công trình đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả trong kế hoạch trung hạn 2016-2020.

d) Chỉ được bố trí khởi công mới khi ngành và địa phương đã bố trí vốn để xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ và hoàn thành các dự án chuyển tiếp theo tiến độ. Các dự án mới phải thật sự cần thiết và đáp ứng đủ các điều kiện: (i) Có kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và đảm bảo cân đối đủ nguồn để hoàn thành dự án theo đúng tiến độ quy định của Luật đầu tư công và Nghị định số 77/2015/NĐ-CP của Chính phủ và kế hoạch của những năm tiếp theo; (ii) Đến ngày 31 tháng 10 năm 2018 có quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công; (iii) Không bố trí vốn kế hoạch đầu tư công cho các dự án không thực hiện trình tự lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành.

e) Không bố trí vốn kế hoạch nguồn ngân sách nhà nước năm 2019 cho các dự án không thuộc nhiệm vụ chi đầu tư nguồn ngân sách nhà nước quy định tại Quyết định 40/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Việc bố trí vốn cho các dự án theo cơ cấu nguồn vốn đã được xác định của cấp có thẩm quyền và theo kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã được điều chỉnh tại Nghị quyết này.

5. Đối với vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức: thực hiện phân bổ cho các ngành, lĩnh vực, các huyện, thành, thị theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 63/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời phải đảm bảo chi cho các công trình trọng điểm và các khoản chi cho giáo dục đào tạo - giáo dục nghề nghiệp và khoa học công nghệ theo cơ cấu Trung ương giao.

6. Đối với Nguồn thu sử dụng đất: đối với nguồn thu sử dụng đất phần tỉnh phân bổ đưa vào đầu tư tập trung, bố trí cho các công trình trọng điểm theo kết luận của Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với phần thu sử dụng đất cấp huyện, cấp xã hưởng theo phân cấp định hướng cơ cấu chi giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, trả nợ, đối ứng các dự án thuộc chương trình mục tiêu, trái phiếu chính phủ, chương trình mục tiêu quốc gia (nông thôn mới, giảm nghèo bền vững) trên địa bàn huyện, xã để đảm bảo cơ cấu Trung ương giao. Trong đó đối với giáo dục đào tạo- giáo dục nghề nghiệp

tập trung đầu tư các phòng học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, nhà bán trú dân nuôi..., khoa công nghệ tập trung ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao năng suất cây trồng (mía, chè, cam, chanh leo, gấc...).

7. Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: Bố trí cho các công trình y tế, giáo dục.

8. Đối với chương trình mục tiêu: bố trí theo nguyên tắc, phạm vi và đối tượng hỗ trợ quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

9. Gắn xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2019 với việc rà soát điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2018 để đảm bảo giải ngân hết nguồn vốn kế hoạch 2018.

Điều 3. Nguồn vốn điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020, kế hoạch đầu tư công năm 2019 và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2018

1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020:

a) Điều chỉnh giảm hạn mức kế hoạch trung hạn 2016 - 2020: 504.780 triệu đồng.

b) Điều chỉnh tăng hạn mức kế hoạch trung hạn 2016 - 2020: 504.780 triệu đồng.

2. Tổng vốn đầu tư công năm 2019: 5.617,907 tỷ đồng. Chi tiết các nguồn vốn như sau:

a) Vốn ngân sách Trung ương: 1.920,867 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 881,951 tỷ đồng (trong đó chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 501,45 tỷ đồng; chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 380,501 tỷ đồng)

- Vốn chương trình mục tiêu: 653,91 tỷ đồng.

- Vốn Trái phiếu Chính phủ: 118,436 tỷ đồng.

- Vốn nước ngoài: 266,57 tỷ đồng, trong đó chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh: 114,356 tỷ đồng.

b) Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: 3.697,04 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức: 1.309,04 tỷ đồng.

- Nguồn thu sử dụng đất: 2.360 tỷ đồng (Trung ương giao là 1.500 tỷ đồng, tỉnh giao bổ sung: 860 tỷ đồng). Trong đó: Phần ngân sách tỉnh hưởng bố trí kinh phí GPMB, trả nợ vay, phí, lãi vay: 715,25 tỷ đồng, đưa vào đầu tư tập trung cho các công trình trọng điểm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn: 130 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện, xã hưởng theo phân cấp: 1.514,75 tỷ đồng.

KQM

- Nguồn thu xổ số kiến thiết: 28 tỷ đồng (bố trí cho lĩnh vực y tế giáo dục).

Tổng cộng vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương đầu tư tập trung là: 1.467,04 tỷ đồng.

3. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2018:

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công năm 2018: 5.970 triệu đồng.

b) Điều chỉnh tăng kế hoạch đầu tư công năm 2018: 5.970 triệu đồng.

Điều 4. Phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020, phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2019 và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2018

1. Nguồn cân đối ngân sách địa phương đầu tư tập trung: (bao gồm điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020, phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2019 và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2018). *(Có biểu số 1 kèm theo)*.

2. Vốn giải phóng mặt bằng, trả nợ vay, lãi vay: *(Giao chi tiết trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2019)*.

3. Phân phân cấp ngân sách huyện, xã trực tiếp phân bổ từ nguồn thu sử dụng đất.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh định hướng cơ cấu chi giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, trả nợ, đối ứng các dự án thuộc chương trình mục tiêu, trái phiếu chính phủ, chương trình mục tiêu quốc gia (nông thôn mới, giảm nghèo bền vững) trên địa bàn huyện, xã để đảm bảo cơ cấu Trung ương giao. Trong đó đối với giáo dục đào tạo - giáo dục nghề nghiệp tập trung đầu tư các phòng học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, nhà bán trú dân nuôi..., khoa học công nghệ tập trung ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao năng suất cây trồng (mía, chè, cam, chanh leo, gấc...).

4. Nguồn Ngân sách Trung ương

a) Đối với nguồn chương trình mục tiêu (bao gồm cả dự phòng 10% kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020):

Thống nhất thông qua các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Khi có quyết định giao chính thức của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh giao chi tiết theo đúng danh mục và mức vốn được Trung ương giao.

b) Đối với nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia:

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (chương trình 135). *(Có biểu số 2 kèm theo)*

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (chương trình 30a). *(Có biểu số 3,4 kèm theo)*



- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. (Có biểu số 5 kèm theo).

Điều 5. Các giải pháp triển khai thực hiện

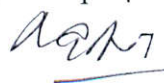
Tiếp tục thực hiện các giải pháp Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua tại Nghị quyết số 33/NQ-HĐND, Nghị quyết số 15/NQ-HĐND trong đó tập trung một số giải pháp sau đây:

1. Triển khai kế hoạch 2019 gắn với việc rà soát đầu tư để đánh giá kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 và chuẩn bị xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo quy định của Luật đầu tư công.

2. Rà soát phân loại nợ xây dựng cơ bản, giải pháp trả nợ cụ thể. Các cấp, các ngành làm rõ trách nhiệm của cá nhân, tổ chức có liên quan trong việc đề phát sinh nợ. Đối với phần nợ phát sinh đề nghị báo cáo rõ phương án xử lý với Ủy ban nhân dân tỉnh và có chỉ đạo quyết liệt trên địa bàn để từ năm 2019 không còn tình trạng phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản theo đúng quy định của Luật đầu tư công. Đồng thời yêu cầu các ngành, các cấp, các chủ đầu tư tiếp tục rà soát các dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn chưa bố trí đủ vốn so với tổng mức đầu tư để điều chỉnh tổng mức đầu tư, xác định điểm dừng kỹ thuật hợp lý phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã được giao và khả năng huy động các nguồn vốn hợp pháp khác (nguồn vượt thu, kết dư hàng năm, nguồn ngân sách huyện, xã, huy động xã hội hóa...) đảm bảo hoàn thành các công trình, hạng mục công trình đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả.

3. Đẩy nhanh việc thực hiện cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, giảm các khoản chi thường xuyên để tăng tỷ trọng cho đầu tư phát triển. Thực hiện tiết kiệm trong từng dự án theo quy định của Chính phủ tại Nghị quyết 89/NQ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 và Công văn số 8836/BKHĐT-TH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Tập trung cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước, tăng cường quản lý nợ công. Cải thiện cân đối ngân sách nhà nước, từng bước tăng tích lũy cho đầu tư phát triển và trả nợ vay. Hàng năm sử dụng nguồn kết dư và phần đầu tăng thu để trả nợ vay, không bố trí nội dung chi mới ngoài dự toán đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt khi chưa trả nợ vay. Thực hiện nghiêm nguyên tắc vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước chỉ được sử dụng cho đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên; Bội chi ngân sách nhà nước chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo đúng quy định của tại khoản 5 điều 7 Luật ngân sách nhà nước; Siết chặt nợ vay, chỉ thực hiện vay khi đã xác định phương án vay và nguồn hoàn trả nợ vay. Việc sử dụng nguồn vốn vay được thực hiện theo đúng quy định tại khoản 5 điều 63 Luật đầu tư công; Đối với nguồn trả nợ vay thực hiện theo đúng quy định tại khoản 2 điều 5, khoản 2 điều 7, khoản 2 Điều 59 và khoản 1 Điều 72 Luật Ngân sách nhà nước. Định hướng cơ cấu lại các khoản vay, ưu tiên vay dài hạn nhất là vay ODA để giảm áp lực



trả nợ ngắn hạn và chi phí vay vốn nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay đầu tư. Đối với các địa phương (cấp huyện) khi xây dựng phương án vay để đầu tư hạ tầng phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội và an ninh của địa phương thì phải có phương án đảm bảo trả nợ vay từ nguồn ngân sách của địa phương là chủ yếu.

5. Tăng cường kiểm soát chi ngân sách theo hướng phù hợp với khả năng thu và trả nợ, thống nhất quy trình, tập trung đầu mỗi kiểm soát chi. Hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới. Tập trung các giải pháp tăng thu ngân sách như xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đẩy mạnh hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu, qua đó tạo động lực và cơ sở để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu bền vững cho ngân sách. Phấn đấu thu sử dụng đất để đảm bảo cân đối kế hoạch đầu tư công trung hạn trong đó có hoàn trả tiền trả nợ vay năm 2017, 2018 từ nguồn chi đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức.

6. Các ngành, các cấp chịu trách nhiệm trong việc quyết định chủ trương đầu tư, bảo đảm chất lượng lập báo cáo đề xuất, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án nhằm khắc phục triệt để tình trạng chuẩn bị dự án sơ sài, không bảo đảm theo quy định của pháp luật, quyết định chủ trương đầu tư dàn trải, không hiệu quả, phê duyệt tổng mức đầu tư thiếu chính xác; chỉ quyết định chủ trương đầu tư những dự án thật sự cần thiết khi đã thẩm định, làm rõ hiệu quả của dự án, nguồn vốn, khả năng cân đối, bố trí vốn cho từng dự án, bảo đảm dự án được phê duyệt có đủ nguồn lực tài chính để thực hiện hoàn thành dự án. Tăng cường chỉ đạo rà soát tình hình quyết toán các công trình, hạng mục công trình hoàn thành do huyện, xã làm chủ đầu tư. Chấn chỉnh tình trạng tồn đọng quyết toán kéo dài. Đồng thời, rà soát các chủ đầu tư chậm thực hiện thủ tục hoàn tạm ứng để có giải pháp xử lý kịp thời.

7. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc huy động, quản lý, sử dụng vốn vay; xử lý nghiêm cá nhân, tập thể vi phạm pháp luật về đầu tư công đã được Quốc hội, Chính phủ và các cấp có thẩm quyền quyết định. Quán triệt và thực hiện các kết luận, kiến nghị của đoàn thanh tra, kiểm toán, giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh.

8. Tập trung khai thác các nguồn lực bổ sung cho đầu tư phát triển, tăng cường làm việc với Bộ, ngành Trung ương để ưu tiên hỗ trợ đầu tư các công trình trọng điểm theo Nghị quyết 26-NQ/TW, Thông báo số 49-TB/VPTW ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết quả chuyển thăm và làm việc của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại tỉnh Nghệ An và công văn số 12441/VPCP-QHDP ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về một số kiến nghị của tỉnh Nghệ An.



Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Căn cứ vào danh mục và mức vốn đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết này để giao chi tiết cho các đơn vị triển khai thực hiện kịp thời.

b) Tổ chức thực hiện và chỉ đạo các sở, ban, ngành, các huyện, thành, thị triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp nhằm hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2019 và kế hoạch trung hạn 2016 - 2020, tổ chức kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế và Ngân sách, các Ban, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị xã hội tỉnh giám sát và động viên mọi tầng lớp Nhân dân thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khoá XVII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày được thông qua./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Sơn

Biểu số 1

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
NGUỒN CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐẦU TƯ TẬP TRUNG

(Kèm theo Nghị quyết số 24 /NQ-HDND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH trung hạn 2016-2020		KH 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó đã điều chỉnh tăng/giảm	Tổng số	Điều chỉnh KH 2018 tăng/giảm		
	Tổng cộng		5.658.185		1.102.885		1.467.040	
	Chuẩn bị đầu tư và Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo Nghị định 57/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ		92.800	22.800	20.700		47.130	
A	Thực hiện dự án		5.565.385	-22.800	1.082.185		1.419.910	
	NÔNG NGHIỆP		729.729	2.700	166.341		216.875	
	Công trình trả nợ		26.011	19.011	1.141		7.870	
1	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Hòa Mỹ, xã Thanh Mỹ, huyện Thanh Chương.	UBND huyện Thanh Chương	3.170	-730	800		370	Kết thúc 2019;
2	Xây dựng khu tái định cư để di dân khẩn cấp ra khỏi vùng có nguy cơ lũ quét và đặc biệt khó khăn xã Nhôn Mai, huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	1.500				500	Kết thúc 2019
3	Hệ thống tiêu úng vùng màu huyện Diễn Châu	UBND huyện Diễn Châu	5.000	5.000			2.000	Thanh toán nợ Trái phiếu Chính phủ
4	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đình Dừ xã Diễn Lâm huyện Diễn Châu	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc NA	1.341	-259	341			
5	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đê biển Diễn Trung, Diễn Thịnh, Diễn Thành, huyện Diễn Châu	UBND huyện Diễn Châu	15.000	15.000			5.000	Đổi ứng Chương trình Chính phủ
	Công trình chuyển tiếp		693.718	-26.311	165.200		204.005	
1	Sửa chữa, nâng cấp đập tràn Khe Sừng, xã Hoa Sơn, huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	9.000		1.500		1.500	

(Chữ ký)

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH trung hạn 2016-2020		KH 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó đã điều chỉnh tăng/giảm	Tổng số	Điều chỉnh KH 2018 tăng/giảm		
2	Kè chống sạt lở kết hợp bến cá nhân dân và san nền khu tái định cư phường Nghi Tân, thị xã Cửa Lò (Gói thầu: Kè lát mái từ C0 đến C44 và công thoát nước mặt loại A)	UBND thị xã Cửa Lò	4.500	4.500			4.500	Đổi ứng Chương trình Chính phủ
3	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng Khe Tran và hệ thống kênh tưới, xã Hoa Sơn, huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	6.200		1.500		1.700	Kết thúc năm 2019
4	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cây Lim, xã Cẩm Sơn, huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	500	-200			500	Kết thúc năm 2019
5	Nhà làm việc Trạm khuyến nông huyện Anh Sơn	Trung tâm khuyến nông tỉnh Nghệ An	1.400				400	Kết thúc năm 2019
6	Xây dựng đập dâng Khe Phi, xã Thạch Ngàn, huyện Con Cuông	UBND xã Thạch Ngàn	6.500		2.000		2.000	
7	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc, nhà đón tiếp khách, nhà ở cán bộ nhân viên, nhà ăn và hệ thống điện, nước sinh hoạt của Vườn quốc gia Pù Mát	Vườn quốc gia Pù Mát	6.100		2.000		2.000	
8	Xây dựng Hệ thống điện phục vụ bơm nước tưới cho khu vực trồng cam tại xã Yên Khê, huyện Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	7.300	-1.500	2.700		1.600	
9	Nhà làm việc Trạm khuyến nông huyện Con Cuông	Trung tâm khuyến nông tỉnh Nghệ An	2.400				1.400	Kết thúc năm 2019
10	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Hiêng, xã Châu Khê, huyện Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	5.970	970	2.000		970	Kết thúc năm 2019
11	Xây dựng đập dâng Phai Hịa, xã Lục Dạ, huyện Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	7.930	530	1.500		530	Kết thúc năm 2019
12	Khắc phục cấp bách thiệt hại cơ sở hạ tầng bờ biển đoạn từ đảo Lan Châu đến Quảng trường Bình Minh, thị xã Cửa Lò	UBND thị xã Cửa Lò	4.000	4.000			4.000	Kết thúc năm 2019
13	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh tưới, tiểu Bàu Ganh, xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu	UBND huyện Diễn Châu	20.000		10.000		5.000	
14	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bàu Gáo và Khe Rọ, xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu	UBND huyện Diễn Châu	11.000		2.500		2.500	
15	Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm Cầu và Trạm bơm 3/2 xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu	UBND huyện Diễn Châu	10.000		4.500		4.047	Kết thúc năm 2019
16	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến kênh vùng muối Vạn Nam, xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu	UBND huyện Diễn Châu	12.000		3.000		3.954	Kết thúc năm 2019

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH trung hạn 2016-2020		KH 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó đã điều chỉnh tăng/giảm	Tổng số	Điều chỉnh KH 2018 tăng/giảm		
17	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm số 02, xã Diễn Tháp, huyện Diễn Châu	UBND xã Diễn Tháp	6.700		1.000		3.500	Kết thúc năm 2019
18	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Ao Bù, xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu	UBND xã Diễn Thọ	5.000		1.000		705	
19	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh tiêu Ngọc Thành, xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu	UBND xã Diễn Minh	5.000		1.500		700	Kết thúc năm 2019
20	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Quán Đồn, xã Đại Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	8.000		2.000		1.000	
21	Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm xã Ngọc Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	8.400		2.900		1.000	
22	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Động Trếch, xã Bắc Sơn, huyện Đô Lương	UBND xã Bắc Sơn	7.900		2.000		3.900	Kết thúc năm 2019
23	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng Vũng Tròn, xã Hồng Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	5.000		2.500		1.000	
24	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đồng Cày, xã Lam Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	4.400		1.000		1.000	
25	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bàu Nại, xã Mỹ Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	8.000		2.000		1.000	
26	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Chợ Mái, xã Nam Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	5.000		1.000		1.000	
27	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng và trạm bơm Phú Cường, xã Đặng Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	5.000		1.100		1.900	Kết thúc năm 2019
28	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Tích Tích, xã Thượng Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	8.000		2.000		1.460	Kết thúc năm 2019
29	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh tưới xã Tân Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	5.780		1.000		1.355	Kết thúc năm 2019
30	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Trọt Luy, xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	2.329	-321				
31	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh tiêu T4 thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên	UBND thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên	10.000		3.000		2.000	
32	Hệ thống cấp nước xã Hưng Thông	UBND huyện Hưng Nguyên	4.000		1.000		1.000	
33	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh N24, xã Hưng Yên Bắc, huyện Hưng Nguyên	UBND xã Hưng Yên Bắc	4.500	-1.000	2.500			

Nguyen

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH trung hạn 2016-2020		KH 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó đã điều chỉnh tăng/giảm	Tổng số	Điều chỉnh KH 2018 tăng/giảm		
34	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cửa Ông, xã Nam Nghĩa, huyện Nam Đàn	Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Nghệ An	27.000		5.000		8.000	
35	Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm Rú Cụp, xã Nam Lĩnh, huyện Nam Đàn	UBND xã Nam Lĩnh	6.300		2.000		2.000	
36	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đá Hân, xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn	UBND huyện Nam Đàn	12.900	2.000	5.000		4.552	Kết thúc năm 2019
37	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh tiêu xã Nghĩa Khánh, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	14.000		2.500		1.689	
38	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Trúc Đồng, xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn	Công ty trách nhiệm hữu hạn thủy lợi Phú Quỳnh	7.500				3.000	
39	Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Khe Yếu, xã Nghĩa Lâm, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	3.100		100		1.000	Kết thúc năm 2019
40	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh mương loại III của các hồ đập và trạm bơm huyện Nghi Lộc	UBND huyện Nghi Lộc	26.800		5.000		10.000	
41	Nạo vét, tu sửa tuyến kênh khe Cái và nâng cấp, cải tạo trạm bơm Hà Thanh, trạm bơm 18 thuộc hệ thống thủy lợi Nam Nghệ An	Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Nghệ An	20.000		10.000		10.000	Kết thúc năm 2019
42	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống đê lưu vực sông Cả, tỉnh Nghệ An (đoạn Cát Văn- Phong Thịnh)	Sở Nông nghiệp và PTNT	20.000	20.000			15.000	Đổi ứng chương trình chính phủ (thanh toán nợ khối lượng hoàn thành)
43	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bầu Gà, xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Văn	10.000		3.500		6.500	Kết thúc năm 2019
44	Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm Trường Xuân, xã Nghi Mỹ, huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Mỹ	10.300		3.000		4.500	Kết thúc năm 2019
45	Xây dựng trạm bơm số 02, xã Nghi Thái, huyện Nghi Lộc.	UBND xã Nghi Thái	7.000		2.500		500	
46	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng Huồi Púng, xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	10.000		2.500		3.500	
47	Xây dựng kè tuyến đê và kè bờ Tả suối Nậm Tôn, đoạn qua thị trấn Quỳnh Hợp và xã Châu Quang; Kè bờ Tả sông Dinh, đoạn qua xã Tam Hợp, huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	4.500	-4.500	1.000			
48	Dự án di dân khẩn cấp vùng thiên tai sạt lở đất xã Châu Tiên và xã Liên hợp huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	8.000	8.000			4.000	

NGA

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH trung hạn 2016-2020		KH 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó đã điều chỉnh tăng/giảm	Tổng số	Điều chỉnh KH 2018 tăng/giảm		
49	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Mây, xã Quỳnh Tân, huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	9.800		2.000		2.615	
50	Xây dựng Trạm bơm Cồn Ngang và Trạm bơm kênh N17, xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Lưu	8.100		1.500		1.500	
51	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đông Hồng, xã Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Tam	8.390		1.500		2.000	
52	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng Bàu Xả, xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	3.709	3.709			3.709	Kết thúc năm 2019
53	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh tiêu úng liên xã Quỳnh Giang - Quỳnh Diễn, huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	8.600		2.000		3.600	Kết thúc năm 2019
54	Đường giao thông từ xã Tân Thắng đi tổng đội TNXP - XDKT Quỳnh Lưu (Đường nội vùng nguyên liệu dứa, mía).	Tổng đội TNXP - XDKT Quỳnh Lưu	6.000		1.000		1.500	
55	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Hồ Trung, xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu.	UBND huyện Quỳnh Lưu.	9.800		3.500		1.300	Kết thúc năm 2019
56	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước bản Bắc Thắng, xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu.	UBND huyện Quỳnh Lưu.	3.200		400		800	Kết thúc năm 2019
57	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng bản Tín Pù, xã Quang Phong, huyện Quế Phong.	UBND huyện Quế Phong.	9.300				3.580	
58	Đường giao thông vào vùng nguyên liệu chè của Xí nghiệp chế biến dịch vụ chè Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương	Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển chè Nghệ An	15.000		2.000		2.000	
59	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bãi Bàng, xã Thanh Thịnh, huyện Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	12.000		3.000		5.000	Kết thúc năm 2019
60	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh tưới, tiêu Bàu Đức Nhuận xã Thanh Liên, huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Liên	11.300		3.500		3.600	Kết thúc năm 2019
61	Nâng cấp đường giao thông nguyên liệu chè tại Xí nghiệp chế biến dịch vụ chè Ngọc Lâm	Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển chè Nghệ An	10.000		4.000		1.000	
62	Xây dựng kè chống sạt lở bờ hữu sông Lam, đoạn thị trấn Hòa Bình, huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	5.000	5.000				
63	Nâng cấp hệ thống kênh tiêu Dấu, huyện Quỳnh Lưu.	UBND huyện Quỳnh Lưu.	5.410	-1.390	1.000		410	Kết thúc năm 2019
64	Dự án làng thanh niên lập nghiệp biên giới Tam Hợp tỉnh Nghệ An	Ban Thường Vụ Tỉnh đoàn Nghệ An	3.180	180			680	Kết thúc năm 2019

Ngân

TT	Danh mục dự án	Chú đầu tư	KH trung hạn 2016-2020		KH 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó đã điều chỉnh tăng/giảm	Tổng số	Điều chỉnh KH 2018 tăng/giảm		
65	Khoản bố trí thu hút các dự án đầu tư chuyển phần bỏ cho ngành nông nghiệp để trả nợ			-75.259				
66	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Thống Nhất, xã Tây Hiếu, thị xã Thái Hoà.	UBND thị xã Thái Hòa	9.300		2.000		1.000	
67	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đồng Lợi, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	10.400		3.000		3.000	
68	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bãi Quyền, xã Nghĩa Phúc, huyện Tân Kỳ.	UBND huyện Tân Kỳ	10.800		3.000		1.500	
69	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi Khe Lá, xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	9.200		3.000		2.000	
71	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước khe Ngang, xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	7.200		2.500		1.500	
72	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Trung Lương, xã Tân Xuân, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	7.200	6.700			4.000	
73	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cây Tàng, xã Sơn Thành, huyện Yên Thành.	UBND xã Sơn Thành	19.200		5.000		4.000	
74	Nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ sông Bàu Chén - Trung Long, đoạn từ xã Công Thành đến xã Long Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	15.000		5.500		1.000	
75	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Lim, xã Đồng Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	9.750		3.000		3.950	Kết thúc năm 2019
76	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đập Bàu, xã Tăng Thành, huyện Yên Thành.	UBND huyện Yên Thành	5.200		1.000		2.200	Kết thúc năm 2019
77	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Nốc, xã Sơn Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	5.000		3.000		2.000	Kết thúc năm 2019
78	Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt xã Liên Thành, huyện Yên Thành.	UBND xã Liên Thành, huyện Yên Thành	5.000		2.500		1.500	Kết thúc năm 2019
79	Xây dựng đập Na Cây, xã Chi Khê, huyện Con Cuông	UBND xã Chi Khê	5.899	1.699	200		1.699	Kết thúc năm 2019
80	Xây dựng trạm bơm Cồn Ròi xã Hồng Sơn, huyện Đô Lương	UBND xã Hồng Sơn, huyện Đô Lương	2.321	321	750			
81	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Quánh, xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc	Sở Nông nghiệp và PTNT	5.550	-3.450	2.050			
82	Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm Đò Gành, xã Phong Thịnh, huyện Thanh Chương.	UBND huyện Thanh Chương	2.500	-500	500			

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH trung hạn 2016-2020		KH 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó đã điều chỉnh tăng/giảm	Tổng số	Điều chỉnh KH 2018 tăng/giảm		
83	Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn để phát triển sản xuất các vùng nguyên liệu ở huyện Anh Sơn tỉnh Nghệ An	UBND huyện Anh Sơn	20.000				3.000	
84	Hồ chứa nước Bán Chiềng xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	10.200	4.200			5.000	
	Công trình khởi công mới		10.000	10.000			5.000	
1	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Cầu Bàn, huyện Hưng Nguyên	Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Nghệ An	10.000	10.000			5.000	
B	NGÂN HẠCH GIAO THÔNG VẬN TẢI		2.337.196	45.829	446.109		572.110	
	Công trình trả nợ		42.000	18.000	11.000		24.500	
1	Cầu treo Đò Rồng, huyện Anh Sơn	Sở Giao thông Vận tải	5.000		2.000		3.000	Kết thúc năm 2019
2	Đường vào TT hành chính xã Hội Sơn	UBND huyện Anh Sơn	4.000	1.000	1.500		1.000	Kết thúc năm 2019
3	Cầu treo Bãi Oai, huyện Con Cuông	Sở Giao thông Vận tải	3.000		2.000		1.000	Kết thúc năm 2019
4	Cầu treo bán Khe Tang, huyện Kỳ Sơn	Sở Giao thông Vận tải	6.000		2.000		4.000	Kết thúc năm 2019
5	Đường nối từ QL1A đến cảng Đông Hồi	Sở Giao thông Vận tải	4.000		2.000		2.000	Kết thúc năm 2019
6	Cầu treo Tân Thanh Hồng, huyện Tân Kỳ	Sở Giao thông Vận tải	3.000		1.500		1.500	Kết thúc năm 2019
7	Đại lộ Vinh- Cửa Lò (giai đoạn 1)	Sở Giao thông Vận tải	17.000	17.000			12.000	
	Công trình chuyển tiếp		2.295.196	27.829	435.109		547.610	
1	Đường Nhân Tài - Giã Giang	UBND huyện Anh Sơn	9.375	4.500	2.875		3.500	
2	Nâng cấp, sửa chữa đường vào TT xã Tam Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Tam Sơn, huyện Anh Sơn	11.500	11.500			5.000	
3	Đường GT nối từ đường tá ngạn sông Lam (huyện Anh Sơn) với đường vào trung tâm xã Thạch Ngàn (huyện con Cuông)	UBND xã Tam Sơn, huyện Anh Sơn	12.600		7.000		759	Kết thúc năm 2019
4	Đường vào TT xã Châu Khê, huyện Con Cuông (bỏ trí giai đoạn 1)	UBND huyện Con Cuông	26.548	-6.000	1.000		3.000	
5	Đường giao thông liên xã Nghĩa Phúc- Giai Xuân huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	12.000	12.000			8.000	
6	Đường giao thông từ xã Mậu Đức đi xã Thạch Ngàn, huyện Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	10.000	10.000			3.000	
7	Đường giao thông từ QL 7A vào bệnh viện vùng Tây Nam, huyện Con Cuông (GD1)	UBND huyện Con Cuông	16.441		5.000		5.441	
8	Đường giao thông chống ngập úng nói các xã Diễn Thịnh, Diễn Lộc, Diễn Thọ và Diễn Lợi, huyện Diễn Châu	UBND huyện Diễn Châu	35.100	5.100	5.000		7.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH trung hạn 2016-2020		KH 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó đã điều chỉnh tăng/giảm	Tổng số	Điều chỉnh KH 2018 tăng/giảm		
9	Đường 205 đoạn từ QL 7A đến xã Diễn Tháp	UBND huyện Diễn Châu	16.000		1.500		2.500	
10	Nâng cấp đường giao thông tuyến Nhân Thành - Chợ Chùa - QL 1A	UBND huyện Diễn Châu	16.000		5.000		2.000	Kết thúc năm 2019
11	Đường trục Trung tâm thương mại Bắc Nam đô thị Diễn Châu mở rộng (tuyến 1)	UBND huyện Diễn Châu	15.000		4.000		2.000	Kết thúc năm 2019
12	Đường vào Trung tâm xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu	UBND xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu	4.360		700		1.660	Kết thúc năm 2019
13	Đường GT liên xã Mỹ Sơn - Hiến Sơn đến khu di tích lịch sử Trường Bồn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	15.000		2.000		2.000	
14	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường giao thông Trảng - Bãi, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	10.000		3.000		3.500	
15	Đường giao thông Ngọc - Lam - Bồi đi qua di tích lịch sử đền Quả Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Đô Lương	15.000		2.000		2.000	
16	Đường giao thông Nhân Sơn - Đại Sơn huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	13.500		4.000		4.500	Kết thúc năm 2019
17	Đường và cầu qua sông Khuôn tại xóm 14, xã Tân Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	7.500	2.000			2.000	Kết thúc năm 2019
18	Nâng cấp mở rộng đường giao thông Lê Xuân Đào, huyện Hưng Nguyên	UBND huyện Hưng Nguyên	26.700		4.000		8.000	
19	Đường làng cây đa thuộc thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	UBND thị trấn Hưng Nguyên	15.000		2.500		4.000	
20	Tuyến đường giao thông đi qua TT thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên	UBND thị trấn Hưng Nguyên	9.500		3.000		3.000	
21	Sửa chữa, nâng cấp đường Nguyễn Văn Bé đoạn từ ngã tư giao cắt đường QL 46B đến hết địa bàn xã Hưng Tây	UBND huyện Hưng Nguyên	4.800	1.900	2.000		2.500	Kết thúc năm 2019
22	Đường giao thông từ bản Huồi Lê đến bản Quyết Thắng, xã Keng Du, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	28.000	7.000	8.000		8.000	
23	Đường giao thông vành đai phía Bắc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Nam Đàn	34.494	-15.506	13.000		13.000	Đổi ứng chương trình chính phủ
24	Đường giao thông liên xã Nghĩa Yên đi Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	20.500		2.000		6.000	
25	Đường giao thông tuyến Nghĩa An đi Nghĩa Đức, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	15.000		4.000		6.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH trung hạn 2016-2020		KH 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó đã điều chỉnh tăng/giảm	Tổng số	Điều chỉnh KH 2018 tăng/giảm		
26	Đường dọc khu trung tâm huyện lỵ mới huyện Nghĩa Đàn (Dự án 5) (gói số 2)	UBND huyện Nghĩa Đàn	9.000				2.000	
27	Sửa chữa, nâng cấp tuyến nhánh nối vào đường Trung - Bình - Lâm, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	22.231	-11.849	3.000		2.000	
28	Cầu Đức Xuân (Khe Nặng), xã Nghĩa Đức, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	10.600	2.500	1.500		3.100	Kết thúc năm 2019
29	Đường nối QL 1A - thị xã Thái Hòa - Nghĩa Đàn	Sở Giao thông Vận tải	150.000		40.000		55.000	
30	Đường giao thông ĐT 534 - Nghi Văn - Hồ Xuân Dương (Diễn Châu), đoạn từ xóm 5B đến xóm 23, xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc	10.000		1.000		2.000	
31	Đường GT liên xã Nghi Văn - Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc	10.976		1.500		1.500	
32	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường GTNT nối từ đường ĐT.535 đến đường ven sông Lam, đoạn qua xóm Xuân Giang, xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc	UBND huyện Nghi Lộc	10.000		4.000		5.000	
33	Đường GT từ xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc đi xã Đại Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Nghi Lộc	7.700		4.000		1.000	
34	Đường làng nghề Trung Kiên, xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Thiết	1.500	1.500			1.500	
35	Đường giao thông nối đường N5 KKT Đông Nam đến Hòa Sơn, Đô Lương và Tân Long, Tân Kỳ (đoạn Km 0 - Km 15 và đoạn Km 15 - Km 28+500)	Sở Giao thông Vận tải	974.290		175.000		150.000	
36	Đường từ TL 544 đến bản Na Luộc, xã Diễn Lâm, huyện Quỳnh Châu (đoạn từ bản Na Ca đến bản Cướm)	UBND huyện Quỳnh Châu	17.500		5.000		7.500	Kết thúc năm 2019
37	Đường chống ngập lụt từ khối Hoa Hải thị trấn Tân Lạc đến các bản Ké Ninh, Pà cọ xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	10.000		2.700		2.000	
38	Cầu Huồi Mân 2, xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	5.000		4.000		1.000	Kết thúc năm 2019
39	Cầu Huồi Mân 1, xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	5.000		4.000		1.000	Kết thúc năm 2019
40	Đường giao thông liên xã Châu Quang - Châu Cường, huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	23.500		6.000		8.000	
41	Đường giao thông từ thị trấn Quỳnh Hợp đi xã Châu Đình, huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	11.000		1.800		3.000	

ng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH trung hạn 2016-2020		KH 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó đã điều chỉnh tăng/giảm	Tổng số	Điều chỉnh KH 2018 tăng/giảm		
42	Đường GT liên xã Minh Hợp - Văn Lợi, huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	13.670		4.000		3.670	Kết thúc năm 2019
43	Xây dựng cầu trần liên hợp Cốc Mắm, xã Thọ Hợp, huyện Quỳnh Hợp (tên cũ cầu treo Cốc Mắm)	UBND huyện Quỳnh Hợp	10.371		4.000		371	Kết thúc năm 2019
44	Đường từ KCN Hoàng Mai II đến NM xi măng Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu	BQL các dự án xây dựng dân dụng và kỹ thuật hạ tầng đô thị	120.800		18.000		20.000	
45	Đường GTNT Quỳnh Thạch - Quỳnh Thanh - Quỳnh Lương huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	15.800		3.000		3.000	
46	Đường giao thông nối QL 1A (Quỳnh Thạch) đi Quỳnh Hoa	UBND huyện Quỳnh Lưu	8.150	650	2.000		2.200	
47	Sửa chữa tuyến đường giao thông vùng Dừa phía Bắc, huyện Quỳnh Lưu (đoạn từ Km 6+200 - Km 16+300)	UBND huyện Quỳnh Lưu	12.500		3.000		4.500	Kết thúc năm 2019
48	Đường giao thông Quỳnh Lâm - Ngọc Sơn, huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	10.000		2.000		2.000	
49	Đường giao thông nông thôn xã Tiên Phong (tuyến bản Phạm đi bản Khùn), huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	8.000		3.500		3.400	
50	Sửa chữa, khắc phục hậu quả bão lụt tuyến đường giao thông Châu Kim - Năm Giải huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	3.350	3.350			1.000	
51	Đường giao thông nông thôn huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	2.054	2.054			2.054	Kết thúc năm 2019
52	Cầu thay thế trần xã Năm Nhóng	UBND huyện Quế Phong	2.326	-174			826	Kết thúc năm 2019
53	Cầu Bến Quan tại Km 32+884, ĐT.533, tỉnh Nghệ An	Sở Giao thông Vận tải	27.535		5.235		10.000	
54	Đường vào Trung tâm xã Ngọc Lâm, huyện Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	19.309	5.309	4.200		5.800	
55	Đường GT từ TL 533 đi đường Hồ Chí Minh, nối đường vào xã Ngọc Lâm tại xóm 1A xã Thanh Thịnh, huyện Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	12.200	2.500	1.500		4.057	
56	Cải tạo, nâng cấp đường nối Quốc lộ 46 đi Thanh Đồng, Thanh Phong vào Nhà máy tinh bột sắn, huyện Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	8.700		1.000		2.000	
57	Đường giao thông nối đường tỉnh 533 đi xã Thanh Hương nối đường Hồ Chí Minh	UBND huyện Thanh Chương	10.050	-3.379	5.000		3.050	

nguy

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH trung hạn 2016-2020		KH 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó đã điều chỉnh tăng/giảm	Tổng số	Điều chỉnh KH 2018 tăng/giảm		
58	Đường vào xã Thanh Hưng, Thanh Phong, huyện Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	15.500	1.500	6.700		2.375	
59	Đường giao thông từ TT xã Lương Minh vào khu tái định cư bản Cà Moong, huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	14.346		2.500		6.846	Kết thúc năm 2019
60	Tuyến đường ngang N6 thuộc hệ thống hạ tầng giao thông Khu đô thị mới Thái Hoà	UBND Thị xã Thái Hòa	10.500	5.500	2.000		5.000	
61	Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 545 đoạn qua thị xã Thái Hòa	UBND thị xã Thái Hòa	16.320	-10.000	4.000		2.000	
62	Đường vào TT xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ (hạng mục Cầu Phú Sơn)	UBND huyện Tân Kỳ	14.000	14.000			10.000	
63	Cầu Khe Thần, xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	15.000		3.300		3.500	
64	Khoản bố trí thu hút các dự án đầu tư chuyển phần bỏ cho ngành giao thông để trả nợ		32.000	-65.426				
65	Đường giao thông từ Tổng đội TNXP4 đi trung tâm xã Tân Hợp, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	10.000		4.000		2.500	
66	Nâng cấp đường giao thông tuyến Thị trấn - Đức Thành, huyện Yên Thành (giai đoạn 1: Km 0+00 - Km 4+442, trừ cầu Yên Định)	UBND huyện Yên Thành	20.000		5.000		10.500	Kết thúc năm 2019
67	Đường giao thông vùng nguyên liệu Khe Chùa, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	15.000		3.000		3.000	
68	Đường từ Thịnh Thành, Tây Thành đến QL 15 (gđ1)	UBND huyện Yên Thành	10.000		2.000		2.000	
69	Nâng cấp đường tỉnh 534, đoạn qua thị tứ xã Sơn Thành, huyện Yên Thành	UBND xã Sơn Thành, huyện Yên Thành	15.000	5.000	2.000		9.000	
70	Nâng cấp đường 33, huyện Yên Thành (Lý trình Km 0+00 đến Km 3+396,06: 2000 triệu đồng; Lý trình Km6+530,03-Km9+301,1: 4.401 triệu đồng)	UBND huyện Yên Thành	17.000	5.000	6.599		6.401	Kết thúc năm 2019
71	Đường GTNT liên xã Đô Thành, Thọ Thành, huyện Yên Thành đến xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu	UBND huyện Yên Thành	15.000	15.000			10.000	
72	Mở rộng, nâng cấp đường giao thông quốc lộ 1A (Quỳnh Thạch) đi Quỳnh Lương nối với đê biển bãi ngang	UBND huyện Quỳnh Lưu	5.000	5.000			5.000	
73	Nâng cấp, mở rộng Cầu Vách Bắc qua sông Vách Bắc đoạn từ cầu lòi xã Diễn Hồng, huyện Diễn Châu đến xã Thọ Thành, huyện Yên Thành và đường vào nhà thờ trạng nguyên Hồ Tông Thốc	UBND huyện Yên Thành	8.000	8.000			5.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH trung hạn 2016-2020		KH 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó đã điều chỉnh tăng/giảm	Tổng số	Điều chỉnh KH 2018 tăng/giảm		
74	Đường GT liên xã Tràng Sơn- Đông Sơn- Bãi Sơn, huyện Đô Lương (gói thầu số 2)	UBND huyện Đô Lương	4.000	4.000			4.000	Kết thúc năm 2019
75	Đường giao thông từ QL 46 đến xã Nam Anh, huyện Nam Đàn (giai đoạn 1)	UBND huyện Nam Đàn	12.000	10.000			3.000	
76	Cầu Đồng Lộng trên tuyến đường Bồi - Hồng, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	12.000	10.000			4.000	
77	Đường giao thông từ bản Bình 1 đi bản Trung Khang, xã Châu Bình, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	7.000				6.800	Kết thúc năm 2019
78	Tuyến đường số 1 thị tứ Quỳnh Thạch, xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu	5.000				2.000	
79	Đường GT từ trung tâm xã Lương Minh đi bản Châm Puông, xã Lương Minh, huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	12.000				4.000	
80	Đường GT nối từ đường Trung Bình Lâm đi thị xã Thái Hòa đoạn đi qua xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn.	UBND huyện Nghĩa Đàn	13.500				5.000	
81	Đường GT từ tuyến đường tỉnh 534 (nay là Quốc lộ 48E) đi xã Đại Sơn, huyện Đô Lương, đoạn qua xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc	10.000				5.000	
82	Tuyến đường giao thông nông thôn bản Pòi đi bản Na Nháo, xã Châu Thôn, huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong		-7.200				
83	Sửa chữa tuyến đường từ TT xã Lưu Kiền, huyện Tương Dương đến xã Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Tương Dương		-11.500				
84	Tuyến đường ngang N8 thuộc dự án Xây dựng hạ tầng giao thông trung tâm đô thị mới thị xã Thái Hòa (giai đoạn 1)	UBND thị xã Thái Hòa	8.000	8.000			4.000	
85	Đường vào TT xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	15.000		2.500		4.800	
86	Đường GT từ QL7A đến khu dân cư cao tầng, trung tâm đô thị Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	1.000	-4.000				
C	HẠ TẦNG ĐÔ THỊ		735.100		143.894		178.644	
	Công trình trả nợ		4.375	1.600			1.659	
1	Hệ thống mương thoát nước thị trấn Kim Sơn - Quế Phong (tuyến số 1 và 2)	UBND huyện Quế Phong	4.375	1.600			1.659	Kết thúc năm 2019
	Công trình chuyển tiếp		702.940	-29.385	143.894		162.985	

Ngân

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH trung hạn 2016-2020		KH 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó đã điều chỉnh tăng/giảm	Tổng số	Điều chỉnh KH 2018 tăng/giảm		
1	Kênh thoát nước số 1, đoạn từ ngang số 18 đến số 23, thị xã Cửa Lò	UBND thị xã Cửa Lò	10.900		2.200		4.713	
2	Đường ngang số 4, thị xã Cửa Lò	UBND thị xã Cửa Lò	10.700		3.000		2.087	Kết thúc năm 2019
3	Đường Nguyễn Huệ, thị xã Cửa Lò	UBND thị xã Cửa Lò	6.600		5.000		1.200	Kết thúc năm 2019
4	Xây dựng Khu tái định cư thuộc Khu công nghiệp Đông Hới (vị trí số 1 và số 2)	UBND thị xã Hoàng Mai	42.500		8.000		8.000	
5	Hạ tầng Khu TĐC phục vụ GPMB các công trình trọng điểm trên địa bàn thị xã Hoàng Mai (giai đoạn 1)	UBND thị xã Hoàng Mai	26.600		10.000		10.847	Kết thúc năm 2019
6	Đường giao thông từ khu trung tâm thị xã Hoàng Mai đến đền Cờn	UBND thị xã Hoàng Mai	10.000				3.000	Đổi ứng chương trình chính phủ
7	Hệ thống điện chiếu sáng dọc QL1A đoạn qua thị xã Hoàng Mai	UBND thị xã Hoàng Mai	12.800		2.000		2.000	
8	Tuyến đường số 3 Khu đô thị Hoàng mai (giai đoạn 1)	UBND thị xã Hoàng Mai	10.000		4.000		3.000	
9	Cầu qua sông Hoàng Mai tại phường Mai Hùng, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	UBND thị xã Hoàng Mai	13.200		3.000		3.247	Kết thúc năm 2019
10	Khu tái định cư các hộ dân sống gần Khu liên hợp xử lý chất thải rắn xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc	UBND huyện Nghi Lộc	24.700				5.000	
11	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật nghĩa trang xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc phục vụ GPMB xây dựng tại KKT Đông Nam	UBND huyện Nghi Lộc	16.700		2.500		3.000	
12	Đường GT trung tâm nội khu hành chính mới thị trấn Quán Hánh, huyện Nghi Lộc (giai đoạn 1)	UBND thị trấn Quán Hánh	9.200		2.500		2.500	
13	Khoản bố trí thu hút các dự án đầu tư chuyển phân bổ cho lĩnh vực hạ tầng đô thị để trả nợ			-35.425				
14	Xây dựng ô chôn lấp số 2A và 2B Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghi Yên, huyện Nghi Lộc	Công ty CP Môi trường & công trình đô thị NA	8.000		2.000		2.000	
15	Bãi xử lý rác thải thị trấn Quỳnh Hợp và các xã phụ cận	UBND huyện Quỳnh Hợp	9.100	3.000			3.000	Kết thúc năm 2019
16	Điện chiếu sáng thị trấn Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	3.740	740	2.000		740	Kết thúc năm 2019
17	Bãi xử lý rác thải thị trấn Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	10.700	1.500			4.000	Đổi ứng Chương trình Chính phủ
18	Hệ thống mương thoát nước thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	5.000	-6.200	1.000			

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH trung hạn 2016-2020		KH 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó đã điều chỉnh tăng/giảm	Tổng số	Điều chỉnh KH 2018 tăng/giảm		
19	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng thị trấn Hoà Bình	UBND huyện Tương Dương	8.500	1.500	3.000		1.151	
20	Hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn thị trấn Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	5.000		1.500		500	Kết thúc năm 2019
21	Đường Nguyễn Sỹ Sách kéo dài nói đường ven sông Lam, thành phố Vinh (giai đoạn 1)	UBND thành phố Vinh	190.000	-30.000	60.000		40.000	
22	Đường giao thông Hòa Thái, hưng hòa thành phố Vinh nói từ đường ven sông lam đến đập Hòa Thái	UBND xã Hưng Hòa, thành phố Vinh	60.000		13.000		13.000	
23	Đường giao thông từ QL1A (ngã Ba Quán Bàu) đến Đại lộ Xô viết Nghệ Tĩnh.	Ban quản lý các DA XDDDD & KTHT đô thị	54.000		7.000		8.000	
24	Chống ngập ứng cục bộ trọng điểm trên địa bàn thành phố Vinh	UBND thành phố Vinh	37.000				16.000	
25	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cao Xuân Huy kéo dài nói với đường Phạm Hồng Thái, thành phố Vinh (gđ1)	UBND thành phố Vinh		-14.500				
26	Mương tiêu thoát nước Bàu Đông, xã Hưng Đông, thành phố Vinh	UBND xã Hưng Đông, thành phố Vinh	23.600		4.000		4.000	
27	Hệ thống thoát nước (giai đoạn 1) khu vực Bắc đường Nguyễn Sỹ Sách, thành phố Vinh	Ban quản lý các DA XDDDD & KTHT đô thị	47.500	30.000	3.500		12.000	
28	Đường giao thông đô thị theo đường tàu cũ, phường Trung Đô, thành phố Vinh	UBND phường Trung Đô, thành phố Vinh	9.000		2.000		2.000	Kết thúc năm 2019
29	Một số tuyến đường chính trong giai đoạn đầu của thị trấn Yên Thành (Tuyến N5: Trung hạn 2019-2020: 20.000 triệu đồng, KH 2019: 4.000 triệu đồng; Tuyến N4-1: Trung hạn 2019-2020: 7.206 triệu đồng, KH 2019: 4.000 triệu đồng)	UBND huyện Yên Thành	37.900	20.000	2.694		8.000	
	Công trình khởi công mới		27.785	27.785			14.000	
1	Nâng cấp, sửa chữa đường vào Khu tái định cư xã Quỳnh Lộc, thị xã Hoàng Mai phục vụ công tác GPMB khu CN Đồng Hới	UBND xã Quỳnh Lộc, Thị xã Hoàng Mai	7.785	7.785			4.000	
2	Hạ tầng kỹ thuật khu nghĩa trang núi Cháy tại xã Quỳnh Lập, thị xã Hoàng Mai (giai đoạn 1)	UBND thị xã Hoàng Mai	20.000	20.000			10.000	
D	CẤP NƯỚC ĐÔ THỊ		67.000	14.500	16.100		17.306	
	Công trình chuyển tiếp		67.000	14.500	16.100		17.306	

Ngô A

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH trung hạn 2016-2020		KH 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó đã điều chỉnh tăng/giảm	Tổng số	Điều chỉnh KH 2018 tăng/giảm		
1	Thay đổi nguồn nước thô bị ô nhiễm của Nhà máy nước Diên Châu	Công ty cổ phần cấp nước Diên Châu	13.500		2.300		3.000	
2	Mở rộng, nâng cấp Nhà máy nước Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu	Công ty cổ phần cấp nước Quỳnh Lưu	14.800		3.000		4.000	
3	Hệ thống cấp nước sạch cho các khu vực dân cư trung tâm trên địa bàn thành phố Vinh và huyện Hưng Nguyên	UBND thành phố Vinh	28.700	14.500	7.800		8.000	
4	Cải tạo, nâng công suất Nhà máy cấp nước Yên Thành từ 2.000m3/ngày đêm lên 5.000m3/ngày đêm	UBND huyện Yên Thành	10.000		3.000		2.306	
E	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN <i>Công trình chuyển tiếp</i>		14.000		6.000		7.000	
			12.000		6.000		5.000	
1	Dự án đầu tư triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Nghệ An giai đoạn 2017-2019	Văn phòng Tỉnh ủy Nghệ An	10.000		6.000		4.000	Kết thúc năm 2019
2	Hệ thống thiết bị mạng Lan, mạng thoại, camera giám sát dự án: Bệnh viện nội tiết (giai đoạn 2)	Bệnh viện nội tiết Nghệ An	2.000				1.000	Kết thúc năm 2019
	Công trình khởi công mới		2.000				2.000	
1	Đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT - mạng WAN nhằm phục vụ công tác quản lý và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Đại học Y khoa Vinh.	Trường Đại học Y khoa Vinh	2.000				2.000	Kết thúc năm 2019
F	DẠY NGHỀ <i>Công trình chuyển tiếp</i>		58.478	-9.394	10.600		16.500	
			58.478	-9.394	10.600		16.500	
1	Nhà học thực hành tại cơ sở 1, trường Cao đẳng nghề Du lịch - Thương mại Nghệ An	Trường Cao đẳng nghề Du lịch- Thương mại Nghệ An	32.660		2.000		10.000	
2	Nhà học đa năng kiêm Thư viện điện tử tại cơ sở 2 Trường Cao đẳng nghề Du lịch- Thương mại Nghệ An	Trường Cao đẳng nghề Du lịch- Thương mại Nghệ An	5.606	-9.394	1.000			
3	Xây dựng cơ sở vật chất Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật Nghi Lộc	Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật Nghi Lộc	7.300		3.000		2.300	Kết thúc năm 2019
4	Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật miền Tây Nghệ An	Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật miền Tây Nghệ An	12.912		4.600		4.200	
G	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO <i>Công trình trả nợ</i>		254.216		55.322		68.575	
			3.589	-1.900	1.289	-1.289		

ngn

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH trung hạn 2016-2020		KH 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó đã điều chỉnh tăng/giảm	Tổng số	Điều chỉnh KH 2018 tăng/giảm		
1	Cải tạo, mở rộng nhà thư viện Trường Cao đẳng Y tế Nghệ An	Trường Cao đẳng Y tế Nghệ An (nay là Trường ĐHY khoa Vinh)		-1.900				
2	Cải tạo nhà học 3 tầng và xây dựng mới nhà học bộ môn Trường THPT Quỳnh Lưu 1, huyện Quỳnh Lưu	Trường THPT Quỳnh Lưu 1	1.042		542	-542		
3	Xây dựng nhà học chức năng kiêm nhà hiệu bộ 3 tầng Trường THPT Quỳnh Lưu 3, huyện Quỳnh Lưu	Trường THPT Quỳnh Lưu 3	2.547		747	-747		
	Công trình chuyển tiếp		232.880	-8.086	54.033	1.289	60.275	
1	Xây dựng nhà học, nhà học chức năng và nhà đa năng Trường THPT Đô Lương 2, huyện Đô Lương	Trường THPT Đô Lương 2	11.200		3.000		4.500	
2	Cải tạo, nâng cấp nhà học 3 tầng 30 phòng học và xây dựng mới nhà hiệu bộ Trường THPT Thanh Chương 1, huyện Thanh Chương (Hạng mục cải tạo, nâng cấp nhà học 3 tầng 30 phòng học)	Trường THPT Thanh Chương 1	5.065		665	-515		
3	Cải tạo nâng cấp nhà ở học viên, giảng viên 4 tầng và xây dựng hạng mục phụ trợ Trường Chính trị tỉnh Nghệ An	Trường Chính trị tỉnh Nghệ An	7.731		2.731	-1.551		
4	Xây dựng phòng học chức năng và phòng hiệu bộ Trường THPT Diễn Châu 3	Trường THPT Diễn Châu 3	7.687	-13	3.000	2.000	2.687	
5	Trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã Hoàng Mai	Thị ủy Hoàng Mai	10.000		2.000		2.000	
6	Trường phổ thông DTNT THPT số 2 tỉnh Nghệ An	Trường phổ thông DTNT THPT số 2 tỉnh Nghệ An	35.800		8.079		5.143	
7	Trường phổ thông DTNT THCS Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	11.594		3.000		3.768	
8	Nhà học chức năng và nhà đa năng Trường THPT Quỳnh Hợp	Trường THPT Quỳnh Hợp	11.430	-1.170	2.200		3.000	
9	Khoản bố trí thu hút các dự án đầu tư chuyển phân bổ cho ngành giáo dục đào tạo để trả nợ			-16.412				
10	Nhà học chức năng Trường THPT Quỳnh Hợp 2, huyện Quỳnh Hợp	Trường THPT Quỳnh Hợp 2	7.681		2.500		2.281	Kết thúc năm 2019
11	Nhà học chức năng và nâng cấp sân đường nội bộ Trường THPT Quỳnh Lưu 4, huyện Quỳnh Lưu.	Trường THPT Quỳnh Lưu 4	7.211		3.000		1.511	Kết thúc năm 2019
12	Nhà học chức năng Trường THPT Nguyễn Đức Mậu, huyện Quỳnh Lưu	Trường THPT Nguyễn Đức Mậu	1.252				752	Kết thúc năm 2019

17/11

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH trung hạn 2016-2020		KH 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó đã điều chỉnh tăng/giảm	Tổng số	Điều chỉnh KH 2018 tăng/giảm		
13	Xây dựng nhà học chức năng và hạng mục phụ trợ Trường THPT Cát Ngạn, huyện Thanh Chương	Trường THPT Cát Ngạn	8.805	-195	3.000		5.000	
14	Xây dựng nhà học chức năng Trường THPT Thanh Chương 3	Trường THPT Thanh Chương 3	8.978		2.000		1.478	Kết thúc năm 2019
15	Xây dựng nhà học chức năng, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Tương Dương 1	Trường THPT Tương Dương 1	11.250		3.000	1.355	4.000	
16	Xây dựng phòng học và phòng học bộ môn Trường THPT Đông Hiếu, thị xã Thái Hòa	Trường THPT Đông Hiếu, thị xã Thái Hòa	10.800		3.000		4.500	
17	Xây dựng nhà đa chức năng và các công trình phụ trợ Trường Trung học phổ thông Cửa Lò 2	Trường Trung học phổ thông Cửa Lò 2	9.000	4.000	2.739		4.261	
18	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	14.019	6.000	2.119		3.000	
19	Khu thực hành tiền lâm sàng Trường Đại học Y khoa Vinh	Trường Đại học Y khoa Vinh	23.895	1.900				
20	Chương trình vệ sinh trường học (Dự án xây dựng công trình vệ sinh cho các trường học trên địa bàn tỉnh Nghệ An thuộc Chương trình vệ sinh trường học)	BQL các dự án chuyên ngành Giáo dục và Đào tạo	9.698	-1.802	5.000		4.698	
21	Cải tạo nhà học 3 tầng 15 phòng học và xây dựng nhà học chức năng Trường THPT Nam Đàn 2, huyện Nam Đàn.	Trường THPT Nam Đàn 2	5.788				2.700	
22	Nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Châu	Trường THPT Quỳnh Châu	9.000				3.000	
23	Xây dựng phòng học và phòng học chức năng Trường THPT Yên Thành 3	Trường THPT Yên Thành 3	4.996	-394	3.000		1.996	
	Công trình khởi công mới		17.747	9.986			8.300	
1	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Đô Lương	Huyện ủy Đô Lương	3.000				2.000	
2	Di dời khán cấp công trình Trường THCS Yên Tĩnh, huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	10.000	10.000			4.000	
3	Nhà học chức năng Trường THPT Lê Lợi, huyện Tân Kỳ	Trường THPT Lê Lợi, huyện Tân Kỳ	4.747	-14			2.300	
H	KHOA HỌC		70.222		18.000		12.000	
	Công trình chuyển tiếp		70.222		18.000		12.000	

ngk

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH trung hạn 2016-2020		KH 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó đã điều chỉnh tăng/giảm	Tổng số	Điều chỉnh KH 2018 tăng/giảm		
1	Khu thực nghiệm và vườn ươm tạo công nghệ cao tại xã Đông Hiếu, thị xã Thái Hòa	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và CN	24.902	4.032			5.000	
2	Trụ sở Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng tỉnh Nghệ An	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Nghệ An	41.320	10.268	16.000		5.000	
3	Xây dựng trạm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường tỉnh Nghệ An	Sở Khoa học và Công nghệ		-14.300				
4	Đầu tư nâng cao năng lực truyền thông khoa học công nghệ cho trung tâm Thông tin Khoa học - Công nghệ và Tin học Nghệ An	Trung tâm Thông tin Khoa học - Công nghệ và Tin học Nghệ An	4.000		2.000		2.000	
I	Y TẾ		210.921	519	33.000		54.469	
	Công trình chuyển tiếp		210.921	519	33.000		54.469	
1	Cơ sở vật chất Trung tâm y tế huyện Đô Lương	Trung tâm y tế huyện Đô Lương	5.800				1.500	
2	Trung tâm y tế huyện Nghĩa Đàn (giai đoạn 2)	UBND huyện Nghĩa Đàn	9.349	9.349			3.000	
3	Nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh lưu	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Lưu	7.000		3.500		3.500	Kết thúc năm 2019
4	Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Quế Phong (gói thầu mua sắm trang thiết bị)	Bệnh viện đa khoa huyện Quế Phong	1.170	1.170			1.170	Kết thúc năm 2019
5	Bệnh viện Nội tiết (giai đoạn 2)	Bệnh viện Nội tiết Nghệ An	15.000		6.000		1.000	Kết thúc năm 2019
6	Cải tạo, nâng cấp nhà lâm việc và nhà khám chữa bệnh của Trung tâm chăm sóc sức khỏe Sinh sản tỉnh Nghệ An (giai đoạn 2)	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh Nghệ An	8.374		1.500	-750	1.000	
7	Bệnh viện mắt Nghệ An	Bệnh viện Mắt Nghệ An	12.299				6.299	Kết thúc năm 2019
8	Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An	Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An	29.929		10.000	750	10.000	
9	Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp một số hạng mục công trình thuộc Bệnh viện Nhi Nghệ An (Hạng mục: Nhà khoa sản nhi 7 tầng)	Bệnh viện Nhi Nghệ An (nay là Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An)	10.000	10.000			5.000	
10	Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Nghệ An (giai đoạn 1)	Bệnh viện chấn thương chỉnh hình tỉnh Nghệ An	30.000	-20.000				
11	Xây dựng Trung tâm huyết học truyền máu tỉnh	Trung tâm huyết học truyền máu tỉnh	12.000				7.000	
12	Trung tâm xạ trị và y học hạt nhân - Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	70.000		12.000		15.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH trung hạn 2016-2020		KH 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó đã điều chỉnh tăng/giảm	Tổng số	Điều chỉnh KH 2018 tăng/giảm		
K	XÃ HỘI		41.675		2.500		8.608	
	Công trình chuyển tiếp		35.375		2.500		5.108	
1	Trung tâm giáo dục, dạy nghề và giải quyết việc làm Phúc Sơn	Trung tâm giáo dục, dạy nghề và giải quyết việc làm Phúc Sơn	16.253				3.000	
2	Xây dựng Trung tâm quản lý sau cai nghiện ma túy Nghệ An (gói 3: Các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật, nhà học tập, sinh hoạt văn hóa, nhà xưởng học nghề...)	Sở Lao động, Thương binh và xã hội Nghệ An	5.091				522	Kết thúc năm 2019
3	Nhà ở thương binh Trung tâm Điều dưỡng thương binh Nghệ An (gói 2)	Trung tâm Điều dưỡng thương binh Nghệ An	7.731		2.500		731	Kết thúc năm 2019
4	Nâng cấp Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	6.300				855	Kết thúc năm 2019
	Công trình khởi công mới		6.300				3.500	
1	Xây dựng nhà thờ các Cù lao thành cách mạng tại Cơ sở 2 thuộc Trung tâm công tác Xã hội	Sở Lao động, Thương binh và xã hội Nghệ An	313.877		46.700	1.865	83.336	
L	VĂN HÓA		4.000		3.000		670	
	Công trình trả nợ		4.000		3.000		670	Kết thúc năm 2019
1	Sân vận động huyện Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	4.000		3.000		670	Kết thúc năm 2019
	Công trình chuyển tiếp		302.877		43.700	1.865	79.166	
1	Tu bổ, tôn tạo đình Lương Sơn	Sở Văn hóa và Thể Thao	4.000		1.000		487	Kết thúc năm 2019
2	Hỗ trợ Tu bổ nâng cấp di tích nhà ông Hoàng Viện- Cơ sở của xứ ủy Trung Kỳ năm 1930-1931 tại Hưng Châu, huyện Hưng Nguyên	UBND huyện Hưng Nguyên	4.500		1.000		2.000	Kết thúc năm 2019
3	Bảo tồn và phát huy giá trị Di tích Xó Viết Nghệ Tĩnh	UBND huyện Hưng Nguyên	100.000		15.000		15.000	
4	Hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa - thông tin - thể thao đạt chuẩn quốc gia		34.796		10.000		9.296	Kết thúc năm 2019
5	Tu bổ, tôn tạo đền Pu Nha Thầu, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	4.000		2.000		2.000	Kết thúc năm 2019
6	Tu bổ, tôn tạo nhà thờ gia tộc đại tôn họ Hoàng Xuân tại xã Kim Liên, huyện Nam Đàn	Sở Văn hóa và Thể Thao	2.673		1.000		673	Kết thúc năm 2019
7	Khuôn viên, tượng đài, các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật với chủ đề "Hậu phương tiến về tiền tuyến"	UBND huyện Tân Kỳ	18.800	10.000	1.800		5.000	Đối ứng chương trình chính phủ
8	Tu bổ, tôn tạo di tích nhà thờ và mộ Hồ Tùng Mậu	UBND huyện Quỳnh Lưu	7.771		2.000		2.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH trung hạn 2016-2020		KH 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó đã điều chỉnh tăng/giảm	Tổng số	Điều chỉnh KH 2018 tăng/giảm		
9	Hạ tầng khu bảo tồn di chỉ khảo cổ Làng Vạc gắn với du lịch, thị xã Thái Hòa	UBND thị xã Thái Hòa	10.000		4.500		3.000	
10	Cải tạo nâng cấp trụ sở làm việc và nhà ăn, nhà lưu trú cho diễn viên đoàn ca múa dân tộc Nghệ An	Sở Văn hóa và Thể Thao	4.010		1.000		710	Kết thúc năm 2019
11	Cải tạo, nâng cấp nhà thi đấu đa chức năng tỉnh Nghệ An	Sở Văn hóa và Thể Thao	6.477		1.000		1.500	
12	Trung bày nội, ngoại thất Bảo tàng Nghệ An	Sở Văn hóa và Thể Thao	21.250		500		7.000	
13	Xây dựng Trung tâm Bảo tồn và Phát huy di sản dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh	Sở Văn hóa và Thể Thao	37.100			1.865	13.000	
14	Khu nhà tưởng niệm đ/c Phan Đăng Lưu tại xã Hoa Thành; Nâng cấp khu công viên trung tâm và XD tượng đài đ/c Phan Đăng Lưu tại thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành (gđ 1)	UBND huyện Yên Thành	15.000		2.400		6.000	
15	Khoản bố trí thu hút các dự án đầu tư chuyển phân bổ cho ngành văn hóa để trả nợ			-15.000				
16	Xây dựng các hạng mục trong khu di tích đền Nguyễn Cảnh Hoan, xã Trảng Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	8.200				5.000	
17	Tu bổ, tôn tạo Khu lưu niệm Phan Bội Châu	Ban Quản lý Di tích Nghệ An	5.000				1.500	
18	Trung tâm hội nghị huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Quỳnh Hợp	5.000	5.000			4.000	
19	Đền thờ các liệt sỹ tại Khu di tích Đài tưởng niệm 72 chiến sỹ cộng sản 1930-1931 ở xã Mỹ Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	14.300		500		1.000	
	Công trình khởi công mới		7.000				3.500	
1	Tu bổ tôn tạo di tích lịch sử văn hóa nhà thờ họ Hồ tại xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu	Sở Văn hóa và Thể Thao	7.000				3.500	
M	QUỐC PHÒNG AN NINH		104.451	-1.699	10.000		39.500	
	Công trình chuyển tiếp		101.301	-1.699	10.000		37.500	
1	Nâng cấp cơ sở doanh trại Công an huyện Con Cuông	Công an tỉnh Nghệ An	8.500		4.000		500	Kết thúc năm 2019
2	Trụ sở làm việc của Phòng cảnh sát PC&CC số 6 tỉnh Nghệ An (nay đổi tên là Trụ sở làm việc Đội Cảnh sát PC&CC số 6 phòng PC07 thuộc Công an tỉnh Nghệ An)	Cảnh sát PC&CC tỉnh Nghệ An (nay là Công an tỉnh Nghệ An)	15.000		3.000		4.000	

Ngô

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH trung hạn 2016-2020		KH 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó đã điều chỉnh tăng/giảm	Tổng số	Điều chỉnh KH 2018 tăng/giảm		
3	Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ thuộc Công an tỉnh Nghệ An	Công an tỉnh Nghệ An	14.500		3.000		3.000	
4	Trụ sở làm việc Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Nghệ An	Công an tỉnh Nghệ An	15.000				9.000	
5	Xây dựng, cải tạo trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự thị xã Cửa Lò	Ban chỉ huy quân sự thị xã Cửa Lò	8.301	-1.699			4.000	
6	Trụ sở làm việc phòng cảnh sát PC&CC số 4 tỉnh Nghệ An (nay đổi tên là Trụ sở làm việc Đội cảnh sát chữa cháy và cứu nạn cứu hộ số 4 Phòng PC07 thuộc Công an tỉnh Nghệ An)	Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Nghệ An (nay là Công an tỉnh Nghệ An)	15.000				7.000	
7	Xây dựng nhà làm việc bộ phận một cửa, tiếp dân, làm CMND và thường trực chiến đấu cảnh sát 113	Công an tỉnh Nghệ An	25.000				10.000	
	Công trình khởi công mới		3.150				2.000	
1	Xây dựng tường rào và các công trình phụ trợ ban CHQS huyện Hưng Nguyên	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	3.150				2.000	
N	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC							
	Công trình trả nợ		155.900	-40.800	45.150	-1.865	37.094	
1	Trụ sở UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	90.000	-45.000	20.000		20.000	
	Công trình chuyển tiếp		90.000	-45.000	20.000		20.000	
1	Nhà công vụ huyện ủy Kỳ Sơn	Huyện ủy Kỳ Sơn	65.900	4.200	25.150	-1.865	17.094	Kết thúc năm 2019
			7.600		3.000		1.394	
2	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc Huyện ủy Quế Phong	Huyện ủy Quế Phong	4.600	-800	2.500		2.100	Kết thúc năm 2019
3	Cải tạo, mở rộng nhà làm việc 3 tầng trụ sở HĐND-UBND huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	10.800		4.000		2.600	
4	Cải tạo, nâng cấp và xây mới trụ sở làm việc cơ quan HĐND-UBND Thị xã Thái Hòa	UBND Thị xã Thái Hòa	12.000		9.500		2.500	Đổi ứng chương trình chính phủ, Kết thúc năm 2019
5	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc của Thanh tra tỉnh Nghệ An.	Thanh Tra tỉnh	4.500		2.285		600	
6	Nâng cấp, mở rộng diện tích nhà làm việc của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Nghệ An	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4.900		2.000		2.900	Kết thúc năm 2019
7	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh Nghệ An	Tỉnh đoàn Nghệ An	5.000	5.000			500	
8	Trụ sở làm việc Chi cục phòng, chống tệ nạn xã hội tỉnh Nghệ An	Chi cục Phòng - Chống tệ nạn xã hội tỉnh Nghệ An	6.500				2.500	

189A

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH trung hạn 2016-2020		KH 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó đã điều chỉnh tăng/giảm	Tổng số	Điều chỉnh KH 2018 tăng/giảm		
9	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng trụ sở làm việc Sở Văn hóa, thể thao và du lịch	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch (Nay là sở Văn hóa và Thể thao)	6.000		1.865	-1.865		
10	Xây dựng trụ sở làm việc Trung tâm giống cây trồng Nghệ An.	Trung tâm giống cây trồng Nghệ An	4.000				2.000	
O	CỤM CÔNG NGHIỆP		29.200		7.200		8.100	
	Công trình chuyển tiếp		29.200		7.200		8.100	
1	Đường GI vào cụm công nghiệp Thượng Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	10.000		3.000		4.100	Kết thúc năm 2019
2	Tuyến ống cấp nước thô cho Cụm công nghiệp Nghĩa Long, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	6.000		2.000		2.000	
3	Tuyến đường D3, N3 vào cụm công nghiệp Hưng Đông, thành phố Vinh.	UBND thành phố Vinh	13.200		2.200		2.000	
P	HÀ TÀNG CÁC XÃ BIÊN GIỚI		94.500		18.900		18.900	
	Huyện Anh Sơn (1 xã biên giới)	UBND huyện Anh Sơn	3.500		700		700	
	Huyện Con Cuông- 2 xã biên giới	UBND huyện Con Cuông	7.000		1.400		1.400	
	Huyện Kỳ Sơn- 11 xã biên giới	UBND huyện Kỳ Sơn	38.500		7.700		7.700	
	Huyện Quế Phong - 4 xã biên giới	UBND huyện Quế Phong	14.000		2.800		2.800	
	Huyện Thanh Chương- 5 xã biên giới	UBND huyện Thanh Chương	17.500		3.500		3.500	
	Huyện Tương Dương- 4 xã biên giới	UBND huyện Tương Dương	14.000		2.800		2.800	
Q	TRỤ SỞ XÃ		31.795		11.000		11.300	
	Công trình chuyển tiếp		21.800	-6.995	11.000		5.800	
1	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Thạch Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Thạch Sơn	3.000		1.500		1.500	Kết thúc năm 2019
2	Trụ sở UBND xã Nhân Sơn, huyện Đô Lương	UBND xã Nhân Sơn	3.000		2.000		700	Kết thúc năm 2019
3	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Bảo Nam, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	4.800		1.500		300	Kết thúc năm 2019
4	Khoản bỏ trí thu hút các dự án đầu tư chuyển phần bỏ đầu tư trụ sở xã			-6.995				
5	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	2.500		1.500		1.000	Kết thúc năm 2019
6	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Hữu Lập, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	2.500		1.500		1.000	Kết thúc năm 2019
7	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Tây Sơn, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	2.500		1.500		1.000	Kết thúc năm 2019

TT	Danh mục dự án	Chức đầu tư	KH trung hạn 2016-2020		KH 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó đã điều chỉnh tăng/giảm	Tổng số	Điều chỉnh KH 2018 tăng/giảm		
8	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND và Hội trường kiêm nhà văn hóa xã Quỳnh Long, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Long	3.500		1.500		300	Kết thúc năm 2019
	<i>Công trình khởi công mới</i>							
1	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Mỹ Lý	UBND huyện Kỳ Sơn	9.995	6.995			5.500	
			6.995	6.995			3.000	
2	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND- UBND xã Cẩm Muộn	UBND huyện Quế Phong	3.000				2.500	
R	TRAM Y TẾ XÃ		5.900		1.500		3.500	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		3.500		1.500		2.000	
1	Trạm Y tế Lĩnh Sơn	UBND xã Lĩnh Sơn	3.500		1.500		2.000	Kết thúc năm 2019
	<i>Công trình khởi công mới</i>		2.400				1.500	
1	Trạm y tế xã Thuận Sơn, Đô Lương	UBND xã Thuận Sơn	2.400				1.500	
S	CHỢ NÔNG THÔN		8.169	6.969			4.969	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		8.169	6.969			4.969	
1	Xây dựng chợ xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	UBND xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc	4.000	4.000			2.000	
2	Chợ trung tâm xã Đức Sơn	UBND xã Đức Sơn	4.169	2.969			2.969	Kết thúc năm 2019
T	ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA		303.056	-41.424	43.869		61.124	
	<i>Công trình trả nợ</i>		19.452		3.300		4.900	
1	Đường giao thông nguyên liệu chè công nghiệp từ xã Đức Sơn đi xã Bình Sơn	UBND huyện Anh Sơn	5.652		1.000		1.000	
2	Đường giao thông Tà Ca - Hữu Kiêm (SPL V)	UBND huyện Kỳ Sơn	8.800		1.500		1.500	
3	Phát triển nông thôn tổng hợp miền Trung	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5.000		800		2.400	Kết thúc năm 2019
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		283.604	-23.424	40.569		56.224	
1	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Cửa Lò giai đoạn I	UBND thị xã Cửa Lò	28.453		10.000		10.429	
2	Khởi phục vùng ngập lũ tỉnh Nghệ An	UBND huyện Nam Đàn	31.242		6.640		10.000	
3	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Thái Hòa	UBND thị xã Thái Hòa	12.500	-500	1.500		5.000	
4	Dự án Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất, giai đoạn 2, tỉnh Nghệ An	Sở Giáo dục và Đào tạo	5.000				500	
5	Khởi phục nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	76.000		3.000		4.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH trung hạn 2016-2020		KH 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó đã điều chỉnh tăng/giảm	Tổng số	Điều chỉnh KH 2018 tăng/giảm		
6	Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện vay vốn WB - Nghệ An	Sở Y tế	7.600		501		500	
	Đầu tư xây dựng Hệ thống xử lý chất thải các Bệnh viện: BV Hữu nghị đa khoa Nghệ An; BV Đa khoa huyện Diễn Châu; BV Đa khoa huyện Đô Lương; BV Lao và bệnh phổi Nghệ An; BV Đa khoa khu vực Tây Bắc Nghệ An; BV Đa khoa huyện Quỳnh Lưu; BV Đa khoa huyện Thanh Chương; BV Đa khoa huyện Yên Thành	Sở Y tế	6.400		501		500	
7	Hợp phần 4, dự án Quản lý thiên tai (VN-Haz) WB 5: Đầu tư giảm nhẹ rủi ro thiên tai (9 Tiêu dự án)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	18.581		2.500		10.000	
8	Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Nghệ An, gồm 13 Tiêu dự án	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6.000		800		600	
9	Các dự án ODA đang thỏa thuận chờ quyết định chủ trương của Thủ tướng Chính phủ mới bố trí (KH 2019 bố trí cho dự án Hạ tầng cơ bản cho tăng trưởng toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Hợp phần Tỉnh Nghệ An)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	37.228	-40.924	4.228		5.295	
10	Đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải cho các bệnh viện: Bệnh viện đa khoa huyện Tân Kỳ, Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương, bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Lưu và Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Bắc, thuộc dự án tăng cường hệ thống y tế tỉnh Nghệ An sử dụng vốn ODA của CHLB Đức	Sở Y tế	4.000		600		500	
11	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập, tỉnh Nghệ An (WB8)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	28.000	18.000	500		7.000	
12	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAM) tỉnh Nghệ An - Hợp phần 1: Khôi phục, cải tạo đường địa phương	Sở Giao thông vận tải	5.000		500		1.000	
13	Xây dựng Công trình: Nâng cấp Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghiệp Việt Nam-Hàn Quốc giai đoạn III (gói thầu số 2)	Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghiệp Việt Nam-Hàn Quốc	20.000		9.000		1.000	Kết thúc năm 2019

nam

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	KH trung hạn 2016-2020		KH 2018		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó đã điều chỉnh tăng/giảm	Tổng số	Điều chỉnh KH 2018 tăng/giảm		
14	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch tập trung và vệ sinh môi trường liên xã Long Thành, Khánh Thành, Vĩnh Thành và Trung Thành, huyện Yên Thành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4.000		800		400	
	Công trình khởi công mới			-18.000				
1	Nâng cấp hệ thống thủy lợi sông Lèn và sông Mơ nhằm nâng cao khả năng kiểm soát mặn, cải thiện môi trường sinh thái và ứng phó với biến đổi khí hậu (KEXIMI)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		-18.000				

12/2/2018

BIỂU SỐ 2

**KẾ HOẠCH NĂM 2019 CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
(CHƯƠNG TRÌNH 135)**

Tiêu dự án: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã ATK; các thôn bản đặc biệt khó khăn

*(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)*

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
	TỔNG SỐ		135.623
I	Huyện Kỳ Sơn		22.134
	Xã Mỹ Lý		985
	<i>Công trình trả nợ</i>		29
1	Đường GTNT Hòa Lý- Phà Chiềng (Km4+529,39- Km 7+57,11), huyện Kỳ Sơn	UBND xã Mỹ Lý	29
	<i>Công trình khởi công mới</i>		956
2	Nhà sinh hoạt cộng đồng bản Phà Chiềng, xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Mỹ Lý	956
	Xã Mường Lống		1.098
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		325
3	Đường GTNT bản Thăm Pạng, xã Mường Lống, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Mường Lống	325
	<i>Công trình khởi công mới</i>		773
4	Nước sinh hoạt bản Long Kèo, xã Mường Lống, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Mường Lống	773
	Xã Bắc Lý		1.098
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		274
5	Nâng cấp đường GTNT bản Nhọt Kho-Kéo Phà Tú-Xám Thang, xã Bắc Lý, Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	274
	<i>Công trình khởi công mới</i>		824
6	Đường GTNT bản Huồi Cáng 1- Phia Khăm 1-2, xã Bắc Lý, Kỳ Sơn	UBND xã Bắc Lý	824
	Xã Huồi Tụ		1.045
	<i>Công trình trả nợ</i>		20
7	Nhà làm việc Trạm y tế xã Huồi Tụ, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Huồi Tụ	20
	<i>Công trình khởi công mới</i>		1.025
8	Nâng cấp hệ thống nhà văn hóa bản Huồi Lê, xã Huồi Tụ, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Huồi Tụ	1.025
	Xã Phà Đánh		1.038
	<i>Công trình trả nợ</i>		74
9	Trường TH bản Xắn, xã Phà Đánh, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Phà Đánh	74
	<i>Công trình khởi công mới</i>		964

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
10	Đường GTNT từ Kim Đa- Piêng Hòm, xã Phà Đánh, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Phà Đánh	964
	Xã Tà Ca		1.841
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>1.841</i>
11	Đường GTNT Ngõ Xóm bản Hòa Sơn, xã Tà Ca, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Tà Ca	905
12	Đường GTNT bản Cánh- Bình Sơn II, xã Tà Ca, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Tà Ca	936
	Xã Nậm Cắn		998
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>211</i>
13	Trường phổ thông dân tộc bán trú THCS Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	24
14	Đường GTNT vào khu sản xuất bản Trường Sơn-Tiền Tiêu, xã Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	187
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>787</i>
15	Đường GTNT vào khu sản xuất bản Trường Sơn, xã Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Nậm Cắn	787
	Xã Mường Típ		2.007
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>2.007</i>
16	Đường GTNT vào khu SX bản Chà Lạt, xã Mường Típ, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Mường Típ	1.017
17	Đường GTNT vào khu SX bản Xốp Típ, xã Mường Típ, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Mường Típ	990
	Xã Mường Ải		1.036
	<i>Công trình trả nợ</i>		<i>72</i>
18	Nâng cấp Thủy Lợi bản Púng, xã Mường Ải, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Mường Ải	72
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>61</i>
19	Nâng cấp nước sinh hoạt bản Xốp Lau, xã Mường ải, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Mường Ải	61
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>903</i>
20	Nâng cấp nước sinh hoạt bản Xốp Xăng, xã Mường ải, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Mường Ải	903
	Xã Na Ngoi		1.107
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>280</i>
21	Thủy Lợi khe Huồi Phụng, bản Buộc Mú, xã Na Ngoi, kỳ sơn	UBND xã Na Ngoi	280
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>827</i>
22	Nhà sinh hoạt cộng đồng bản Buộc Mú, xã Na Ngoi, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Na Ngoi	827
	Xã Nậm Cắn		1.003
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>69</i>
23	Nước sinh hoạt bản Nậm Khiên II, xã Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Nậm Cắn	69
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>934</i>
24	Nước sinh hoạt bản Nậm Cắn, xã Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Nậm Cắn	934
	Xã Chiêu Lưu		993
	<i>Công trình trả nợ</i>		<i>58</i>

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
25	Nhà sinh hoạt cộng đồng bản Khe Tang, xã Chiêu Lưu, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Chiêu Lưu	58
	<i>Công trình khởi công mới</i>		935
26	Nước sinh hoạt bản Lưu Hòa, xã Chiêu Lưu, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Chiêu Lưu	935
	Xã Bảo Nam		1.140
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		295
27	Nhà văn hóa bản Khe Nạp, xã Bảo Nam, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Bảo Nam	295
	<i>Công trình khởi công mới</i>		845
28	Nhà văn hóa bản Sa Lồng xã Bảo Nam, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Bảo Nam	845
	Xã Bảo Thắng		1.008
	<i>Công trình khởi công mới</i>		1.008
29	Nhà sinh hoạt cộng đồng bản Cha Ca 1, xã Bảo Thắng, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Bảo Thắng	1.008
	Xã Hữu Lập		898
	<i>Công trình trả nợ</i>		49
30	Nhà sinh hoạt cộng đồng bản Chà Lán, xã Hữu Lập, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Hữu Lập	49
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		102
31	Nhà sinh hoạt cộng đồng bản Noọng ó, xã Hữu Lập, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Hữu Lập	102
	<i>Công trình khởi công mới</i>		747
32	Trường Mầm Non bản Noọng Ó, xã Hữu Lập, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Hữu Lập	747
	Xã Hữu Kiệm		717
	<i>Công trình trả nợ</i>		179
33	Trường PTCS DTBT Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Hữu Kiệm	179
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		538
34	Nâng cấp nước sinh hoạt bản Na Chảo và bản Hòm, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Hữu Kiệm	538
	Xã Tây Sơn		998
	<i>Công trình trả nợ</i>		59
35	Đường GTNT liên bản Huồi Giăng 1-Huồi Giăng 2-Huồi Giăng3, xã Tây Sơn, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Tây Sơn	59
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		147
36	Hệ thống nước sinh hoạt bản Huồi Giăng 3, xã Tây Sơn, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Tây Sơn	147
	<i>Công trình khởi công mới</i>		792
37	Hệ thống nước sinh hoạt bản Huồi Giăng 3, xã Tây Sơn, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Tây Sơn	792
	Xã Na Loi		1.098
	<i>Công trình trả nợ</i>		61
38	Trạm y tế Na Loi, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Na Loi	61
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		72
39	Đường GTNT từ bản Na Loi-Huồi Xán, xã Na Loi, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Na Loi	72

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
	<i>Công trình khởi công mới</i>		965
40	Đường GTNT từ bản Na Loi-Huồi Xán, xã Na Loi, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Na Loi	965
	Xã Đọc Mạ		1.031
	<i>Công trình trả nợ</i>		38
41	Trường MN bản Phà Lạch Phay, xã Đọc Mạ, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Đọc Mạ	38
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		75
42	Nhà sinh hoạt cộng đồng bản Phà Tạ, xã Đọc Mạ, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Đọc Mạ	75
	<i>Công trình khởi công mới</i>		918
43	Đường GTNT bản Phà Lạch Phay - bản Phà Tạ, xã Đọc Mạ, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Đọc Mạ	918
	Xã Keng Đu		995
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		77
44	Nhà sinh hoạt cộng đồng bản Keng Đu, xã Keng Đu, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Keng Đu	77
	<i>Công trình khởi công mới</i>		918
45	Nhà sinh hoạt cộng đồng bản Quyết Thắng, xã Keng Đu, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Keng Đu	918
II	Huyện Tương Dương		16.459
	Xã Hữu Khuông		1.090
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		1.090
46	Sửa chữa, nâng cấp nước sinh hoạt xã Hữu Khuông	UBND huyện Tương Dương	1.090
	Xã Nhôn Mai		1.098
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		1.098
47	Trường THCS Nhôn Mai	UBND huyện Tương Dương	1.098
	Xã Tam Hợp		998
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		998
48	Nhà hiệu bộ trường TH Tam Hợp và các hạng mục phụ trợ	UBND huyện Tương Dương	998
	Xã Xiêng My		986
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		662
49	Nhà văn hóa cộng đồng bản Khe Quỳnh	UBND huyện Tương Dương	662
	<i>Công trình khởi công mới</i>		324
50	Nhà văn hóa cộng đồng bản Chon	UBND huyện Tương Dương	324
	Xã Lượng Minh		1.098
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		1.098
51	Đường giao thông từ trung tâm xã Lượng Minh đi bản Đừa (Đoạn Km1+500 đến Km3+00)	UBND huyện Tương Dương	1.098
	Xã Yên Na		898
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		601
52	Nhà học 8 phòng trường THCS xã Yên Na	UBND huyện Tương Dương	601
	<i>Công trình khởi công mới</i>		297

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
53	Nâng cấp, Tu sửa, xây dựng mới nhà văn hóa cộng đồng Bản Bón, Cỏ Pháo, Bản Vẽ, Huồi xén, Huồi Cụt	UBND huyện Tương Dương	297
	Xã Yên Tĩnh		1.098
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		339
54	Nhà học 5 phòng trường tiểu học bản Chà Lúm, xã Yên Tĩnh	UBND huyện Tương Dương	339
	<i>Công trình khởi công mới</i>		759
55	Nước sinh hoạt bản Chà Lúm	UBND huyện Tương Dương	759
	Xã Yên Hòa		658
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		658
56	Đường giao thông Xiêng Líp- Xốp Kha, xã Yên Hòa	UBND huyện Tương Dương	658
	Xã Tam Đình		999
	<i>Công trình trả nợ</i>		400
57	Trường Tiểu học Tam Đình	UBND huyện Tương Dương	400
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		599
58	Các hạng mục phụ trợ trường THCS xã Tam Đình	UBND huyện Tương Dương	599
	Xã Tam Quang		898
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		288
59	Trường mầm non bản Tam Bông, xã Tam Quang	UBND huyện Tương Dương	288
	<i>Công trình khởi công mới</i>		610
60	Cầu dân sinh bản Sơn Hà, xã Tam Quang	UBND huyện Tương Dương	610
	Xã Lưu Kiền		898
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		898
61	Thủy lợi Na Măng, xã Lưu Kiền	UBND huyện Tương Dương	898
	Xã Yên Thắng		998
	<i>Công trình khởi công mới</i>		998
62	Nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt cho 6 bản	UBND huyện Tương Dương	998
	Xã Mai Sơn		1.348
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		350
63	Nhà học 8 phòng trường THCS xã Mai Sơn	UBND huyện Tương Dương	350
	<i>Công trình khởi công mới</i>		998
64	Nhà hiệu bộ, phòng học chức năng trường THCS Mai Sơn	UBND huyện Tương Dương	998
	Xã Xá Lượng		898
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		240
65	Nhà học 6 phòng trường tiểu học Xá Lượng 1 xã Xá Lượng	UBND huyện Tương Dương	240
	<i>Công trình khởi công mới</i>		658

Ngô Đ

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
66	Nâng cấp nước sinh hoạt bản Lỡ	UBND huyện Tương Dương	658
	Xã Thạch Giám		898
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		208
67	Tu sửa tuyến đường Lau - Mác - Nhãn, xã Thạch Giám	UBND xã Thạch Giám	208
	<i>Công trình khởi công mới</i>		690
68	Nâng cấp các khối Trường học trên địa bàn xã Thạch Giám	UBND xã Thạch Giám	690
	Xã Nga My		998
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		524
69	Nước sinh hoạt bản Đảng	UBND huyện Tương Dương	524
	<i>Công trình khởi công mới</i>		474
70	Nước sinh hoạt bản Canh	UBND huyện Tương Dương	474
	Xã Tam Thái		600
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		357
71	Các hạng mục phụ trợ trường MN, tiểu học xã Tam Thái	UBND xã Tam Thái	357
	<i>Công trình khởi công mới</i>		243
72	Các hạng mục phụ trợ trường THCS Tam Thái	UBND xã Tam Thái	243
III	Huyện Con Cuông		8.880
	Xã Môn Sơn		917
	<i>Công trình trả nợ</i>		84
73	Nước sinh hoạt tự chảy bản Thái Hòa	UBND xã Môn Sơn	84
	<i>Công trình khởi công mới</i>		833
74	Làm cống qua Khe nội bản Bắc Sơn, xã Môn Sơn	UBND xã Môn Sơn	543
75	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa cộng đồng bản Cửa Rào, xã Môn Sơn	UBND xã Môn Sơn	290
	Xã Đôn Phục		1.286
	<i>Công trình trả nợ</i>		67
76	Nâng cấp Đập Chu Hụ và hệ thống kênh mương bản Tổng Tiến, Tổng Tờ xã Đôn Phục, huyện Con Cuông	UBND xã Đôn Phục	67
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		121
77	Xây dựng khu thiết chế văn hóa (sân vận động, công trình phụ trợ) xã Đôn Phục, huyện Con Cuông	UBND xã Đôn Phục	121
	<i>Công trình khởi công mới</i>		1.098
78	Cải tạo, sửa chữa nhà Văn hóa cộng đồng 5 thôn bản (bản Phục, Hợp Thành, Tổng Tờ, Hồng Thắng, Hồng Điện) Xã Đôn Phục	UBND xã Đôn Phục	300
79	Xây dựng công trình đạt chuẩn Quốc gia trường THCS (Xây nhà đa chức năng và sửa chữa 5 phòng học) xã Đôn Phục	UBND xã Đôn Phục	798
	Xã Lục Đa		1.304
	<i>Công trình trả nợ</i>		20

Handwritten signature

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
80	Xây mới 2 nhà vệ sinh điểm bản Xăng, bản Yên Hòa trường Tiểu học 2 Lục Dạ, huyện Con Cuông	UBND xã Lục Dạ	20
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		384
81	Xây mới nhà văn hóa cộng đồng bản Lục Sơn, xã Lục Dạ, huyện Con Cuông	UBND xã Lục Dạ	384
	<i>Công trình khởi công mới</i>		900
82	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp nước tự chảy xã Lục Dạ	UBND xã Lục Dạ	900
	Xã Cam Lâm		909
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		909
83	Làm mới đường bê tông từ bản Cống đi bản Cai xã Cam Lâm, huyện Con Cuông	UBND xã Cam Lâm	909
	Xã Mậu Đức		984
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		84
84	Xây mới 02 phòng học Trường Mầm non xã Mậu Đức, huyện Con Cuông	UBND xã Mậu Đức	84
	<i>Công trình khởi công mới</i>		900
85	Xây mới 03 phòng học trường Tiểu học điểm trung tâm xã Mậu Đức	UBND xã Mậu Đức	900
	Xã Châu Khê		1.079
	<i>Công trình khởi công mới</i>		1.079
86	Mở rộng, sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa cộng đồng 5 thôn: Bản Xát, Thôn 2/9, bản Bùng, Bãi Gạo, Khe Choảng xã Châu Khê, huyện Con Cuông	UBND xã Châu Khê	1.079
	Xã Bình Chuẩn		600
	<i>Công trình khởi công mới</i>		600
87	Sửa chữa nhà VHCD bản Quăn, bản Poóng, bản Đình xã Bình Chuẩn, huyện Con Cuông	UBND xã Bình Chuẩn	600
	Xã Thạch Ngàn		1.001
	<i>Công trình trả nợ</i>		50
88	Xây mới bếp một chiều Trường Mầm non Thạch Ngàn	UBND xã Thạch Ngàn	20
	Xây mới nhà vệ sinh (4 điểm trường) trường Tiểu học 2 Thạch Ngàn	UBND xã Thạch Ngàn	30
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		951
89	Đường giao thông Khe Đóng đi TT xã Thạch Ngàn, huyện con Cuông, tỉnh Nghệ An	UBND xã Thạch Ngàn	951
	Xã Lạng Khê		600
	<i>Công trình trả nợ</i>		48
90	Xây mới nhà văn hóa cộng đồng bản Yên Hòa, xã Lạng Khê	UBND xã Lạng Khê	48
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		270
91	Làm đường giao thông nội bản Huồi Mác, xã Lạng Khê, huyện Con Cuông	UBND xã Lạng Khê	270
	<i>Công trình khởi công mới</i>		282
92	Làm đường giao thông nội bản Khe Thơi, xã Lạng Khê, huyện Con Cuông	UBND xã Lạng Khê	282
	Xã Yên Khê		200
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		200

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
93	Đường bê tông bản Trung Chính, xã Yên Khê, huyện Con Cuông	UBND xã Yên Khê	200
IV	Huyện Anh Sơn		6.882
	Xã Bình Sơn		1.187
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>169</i>
94	Nhà văn hóa thôn 12 xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Bình Sơn	169
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>1.018</i>
95	Xây dựng 6 phòng học trường Mầm non xã Bình Sơn	UBND xã Bình Sơn	1.018
	Xã Thọ Sơn		1.168
	<i>Công trình trả nợ</i>		<i>432</i>
96	Đường GTNT thôn 7,8 xã Thọ Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Thọ Sơn	177
97	Nhà ở Giáo viên trường Cấp 1 và cấp 2 xã Thọ Sơn huyện Anh Sơn	UBND xã Thọ Sơn	40
98	Đường GTNT thôn 2,3,6 xã Thọ Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Thọ Sơn	215
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>296</i>
99	Nhà văn Thôn 2 xã Thọ Sơn huyện Anh Sơn	UBND xã Thọ Sơn	22
100	Nâng cấp đường GTNT thôn 10 của Anh Đồng đi Mậu 7 xã Thọ Sơn	UBND xã Thọ Sơn	72
101	Nhà Văn hóa thôn 8 xã Thọ Sơn huyện Anh Sơn	UBND xã Thọ Sơn	202
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>440</i>
102	Đổ bê tông Đường giao thông thôn 1, cửa Anh Hội đến Ông Ngọc Xuân xã Thọ Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Thọ Sơn	440
	Xã Thành Sơn		243
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>243</i>
103	Xây dựng nhà Văn hóa Thôn 4 xã Thành Sơn	UBND xã Thành Sơn	73
104	Nhà học 3 phòng trường Mầm non xã Thành Sơn	UBND xã Thành Sơn	170
	Xã Tam Sơn		898
	<i>Công trình trả nợ</i>		<i>898</i>
105	Nhà văn hóa xã Tam Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Tam Sơn	898
	Xã Lạng Sơn		898
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>384</i>
106	Đường Giao thông từ nhà Anh Huệ thôn 9 đến nhà Anh Sinh thôn 8 xã Lạng Sơn	UBND xã Lạng Sơn	184
107	Đường giao thông từ tuyến đường 534 đến nhà ông Lý thôn 2, xã Lạng Sơn	UBND xã Lạng Sơn	200
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>514</i>
108	Đường giao thông từ Ông Độ đến Ông Hộ thôn 4	UBND xã Lạng Sơn	100
109	Đường giao thông từ nhà văn hóa thôn 5 đến anh Xuân thôn 6	UBND xã Lạng Sơn	125

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
110	Đường giao thông từ Ông Bình thôn 6 đến Bà Tam thôn 6	UBND xã Lạng Sơn	289
	Xã Phúc Sơn		698
	<i>Công trình trả nợ</i>		278
111	Đường GTNT, thôn Kim Tiến, xã Phúc Sơn	UBND xã Phúc Sơn	48
112	Nhà Văn hóa bản Cao Vều II, xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Phúc Sơn	33
113	Nhà Văn hóa bản Cao Vều III, xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Phúc Sơn	34
114	Nhà Văn hóa bản Cao Vều IV, xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Phúc Sơn	77
115	Xây dựng hệ thống đường dây tải điện 0,4 KV bản Kim Tiến xã Phúc Sơn	UBND xã Phúc Sơn	40
116	Đường GTNT, thôn Cao Vều I, xã Phúc Sơn	UBND xã Phúc Sơn	46
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		85
117	Đường giao thông thôn Kim Tiến xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Phúc Sơn	53
118	Nhà văn hóa + khuôn viên Vều 1 xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Phúc Sơn	32
	<i>Công trình khởi công mới</i>		335
119	Đường Giao thông bản Vều 2, xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Phúc Sơn	335
	Xã Cao Sơn		1.008
	<i>Công trình trả nợ</i>		58
120	Đường GTNT thôn 7 xã Cao Sơn, huyện Anh Sơn (Đoạn nhà Ông Nam đến nhà Bà Hà)	UBND xã Cao Sơn	48
121	Đường giao thông nông thôn thôn 7 xã Cao Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Cao Sơn	10
	<i>Công trình khởi công mới</i>		950
122	Đường GTNT liên xã thôn 5 đến thôn 6, xã Cao Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Cao Sơn	950
	Xã Tường Sơn		582
	<i>Công trình trả nợ</i>		39
123	Nhà văn hóa Bản Già Hóp xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Tường Sơn	39
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		15
124	Nhà văn hóa Bản Ô Ô xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Tường Sơn	15
	<i>Công trình khởi công mới</i>		528
125	Đường GTNT bản Già Hóp xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Tường Sơn	343
126	Đường GTNT bản Ô Ô xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Tường Sơn	185
	Xã Long Sơn		200
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		200

Handwritten signature

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
127	Đường GTNT thôn 14 xã Long Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Long Sơn	200
V	Huyện Thanh Chương		12.707
	Thanh Sơn		1.244
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>356</i>
128	Đường giao nông thôn từ nhà ông Vi Đặng Thái đến nhà ông Cụt Văn Hoàng bản Thanh Hòa xã Thanh Sơn huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Sơn	356
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>888</i>
129	Đường giao nông thôn từ nhà ông Cụt Văn Mão đến nhà bà Xeo Thị Tinh bản Thanh Bình xã Thanh Sơn	UBND xã Thanh Sơn	888
	Ngọc Lâm		283
	<i>Công trình trả nợ</i>		<i>61</i>
130	Đường GT bản Xốp Pe đi bản Chà Luân xã Ngọc Lâm huyện Thanh Chương	UBND xã Ngọc Lâm	61
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>222</i>
131	Đường giao thông bản Nòong xã Ngọc Lâm huyện Thanh Chương	UBND xã Ngọc Lâm	222
	Thanh Hà		1.444
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>1.444</i>
132	Đường giao thông thôn 5 xã Thanh Hà, huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Hà	969
133	Đường giao thông thôn 12 xã Thanh Hà	UBND xã Thanh Hà	475
	Thanh Mai		998
	<i>Công trình trả nợ</i>		<i>150</i>
134	Đường giao thông trạm điện 3 đi xóm 4 xã Thanh Mai, huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Mai	150
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>133</i>
135	Đường giao thông xóm 2 xã Thanh Mai, huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Mai	133
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>715</i>
136	Đường GT nhà VH xóm 4 đi cổng Ông Châu xã Thanh Mai huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Mai	378
137	Đường GT xóm 8B xã Thanh Mai huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Mai	337
	Thanh Khê		641
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>641</i>
138	Tuyến đường giao thông nông thôn từ Đất Máy Ná Điền đi thôn Lương Điền, Thịnh Đại xã Thanh Khê huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Khê	641
	Thanh An		1.041
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>1.041</i>
139	BT tuyến đường nối QL46C đi Thanh Khê (Cầu lợp thôn 14) xã Thanh An huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	UBND xã Thanh An	1.041
	Thanh Thủy		898
	<i>Công trình trả nợ</i>		<i>284</i>
140	Đường giao thông nông thôn xã Thanh Thủy (tuyến thôn 1) huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Thủy	284
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>614</i>

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
141	Phòng học chức năng và tường bao trường THCS Thanh Thủy huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Thủy	614
	Hạnh lâm		951
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		291
142	Cải tạo nâng cấp tuyến mương xóm 7, xóm 8 xã Hạnh Lâm	UBND xã Hạnh Lâm	291
	<i>Công trình khởi công mới</i>		660
143	Cải tạo nâng cấp giao thông nông thôn tuyến nội vùng xóm 8 xã Hạnh Lâm huyện Thanh Chương	UBND xã Hạnh Lâm	660
	Thanh Đức		898
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		898
144	Đường giao thông nông thôn tuyến từ đường mòn Hồ Chí Minh đi Ngã 4 xóm 1, xã Thanh Đức, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	UBND xã Thanh Đức	500
145	Đường giao thông nông thôn từ xóm 1 đi dọc Khe Trảy vào xóm 4 Xí nghiệp chè Hạnh Lâm, xã Thanh Đức, huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Đức	398
	Thanh Long		800
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		427
146	Nhà SHCĐ thôn 8 xã Thanh Long	UBND xã Thanh Long	38
147	Nhà SHCĐ thôn 9 xã Thanh Long	UBND xã Thanh Long	93
148	Mương tưới tư cầu cổ thiêu đi xóm 9 xã Th.Long	UBND xã Thanh Long	106
149	Đường GTNT từ vườn Dục đi xóm 11 xã Thanh Long	UBND xã Thanh Long	190
	<i>Công trình khởi công mới</i>		373
150	Đường GTNT xóm 8 (đi Thanh Hà) xã Thanh Long	UBND xã Thanh Long	373
	Thanh Thịnh		800
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		112
151	Xây mới Nhà văn hóa Thôn 1A xã Thanh Thịnh	UBND xã Thanh Thịnh	62
152	Đường GT Đập Cây Đa về Cổng Ông Luyến Thôn 4 xã Thanh Thịnh	UBND xã Thanh Thịnh	50
	<i>Công trình khởi công mới</i>		688
153	Đường GT từ Cổng Ông Tứ Kien đến Khe trảm Thôn 3 (đoạn 2) xã Thanh Thịnh	UBND xã Thanh Thịnh	688
	Thanh Tùng		800
	<i>Công trình trả nợ</i>		6
154	Đường giao thông xóm Yên Thành (tuyến đường từ cổng anh Võ Quý Bình đi cổng Ba Đội và đoạn từ nhà Văn hóa đi đê Đồng Lác) xã Thanh Tùng, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	UBND xã Thanh Tùng	6
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		177
155	Nâng cấp, cấp phối đường từ thôn Trường Long đi Cầu Động Sông	UBND xã Thanh Tùng	58
156	Đường GT từ thôn Trường Long đi cầu Động Sông (đoạn từ cổng ông Phạm Châu đến cổng ông Phan Mưu) xã Thanh Tùng	UBND xã Thanh Tùng	103

12/12

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
157	Xây dựng đường bê tông xóm Trường Long (tuyến từ Cầu chợ mới đi Cửa Đình và tuyến từ Cầu Máng đi Đồng về chòi) xã Thanh Tùng	UBND xã Thanh Tùng	16
	<i>Công trình khởi công mới</i>		617
158	Xây dựng đường bê tông Quyết Thủy xóm Minh Đường (tuyến từ Cầu lồi sang Rú cấm lên Đồng lác) xã Thanh Tùng huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Tùng	617
	Thanh Lâm		400
	<i>Công trình trả nợ</i>		400
159	Đường GT thôn Tân Phụng 2 (Đoạn Từ đường 33 đi Nhà Văn hóa thôn) xã Thanh Lâm	UBND xã Thanh Lâm	380
160	Đường giao thôn Thôn Eo Sơn (Đoạn Cự Huệ đi Cự Đồi) xã Thanh Lâm	UBND xã Thanh Lâm	20
	Thanh Xuân		709
	<i>Công trình trả nợ</i>		283
161	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Xuân Quỳnh, xã Thanh Xuân huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Xuân	85
162	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Xuân Sơn 1	UBND xã Thanh Xuân	152
163	CT đường giao thông trên đi thôn Xuân Hoa, Xuân Sơn 2, đi Xuân Sơn 1 huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Xuân	46
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		46
164	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Xuân Thảo huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Xuân	46
	<i>Công trình khởi công mới</i>		380
165	Đường giao thông từ Trén đi Xuân Hoa - Xuân Thảo, đường HCM xã Thanh Xuân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.	UBND xã Thanh Xuân	380
	Thanh Chi		800
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		175
166	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Kỳ Chu xã Thanh Chi huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Chi	175
	<i>Công trình khởi công mới</i>		625
167	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ngọc Tĩnh xã Thanh Chi huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Chi	450
168	Đường giao thông nông thôn xã Thanh Chi (Đoạn, Cửa bà Thảo đến cửa ông Song thôn Chi Lam)	UBND xã Thanh Chi	175
VI	Huyện Tân Kỳ		10.806
	Xã Tân Hợp		898
	<i>Công trình mới</i>		898
169	Nhà học 2 tầng 4 phòng, trường PTDT bán trú TH&THCS xã Tân Hợp, huyện Tân Kỳ	UBND xã Tân Hợp	898
	Xã Tiên Kỳ		395
	<i>Công trình trả nợ</i>		201
170	Đường giao thông bê tông từ cổng chào xóm 4 đi hang Mỏ xã Tiên Kỳ huyện Tân Kỳ	UBND xã Tiên Kỳ	201
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		194
171	Nhà học 3 phòng Trường MN Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	UBND xã Tiên Kỳ	194
	Xã Đông Văn		1.242

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
	<i>Công trình trả nợ</i>		308
172	Nhà văn hóa cộng đồng xã Đồng Văn, Tân Kỳ	UBND xã Đồng Văn	308
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		197
173	Đường giao thông bê tông liên thôn Tân Diên - Nhà Tra đi Đồng Mỹ, xã Đồng Văn, huyện Tân Kỳ	UBND xã Đồng Văn	197
	<i>Công trình mới</i>		737
174	Nhà học 2 phòng Trường mầm non Đồng Văn 2, xã Đồng Văn	UBND xã Đồng Văn	737
	Xã Phú Sơn		998
	<i>Công trình trả nợ</i>		238
175	Nhà học 2 phòng (cụm Hùng Sơn) - Trường mầm non xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	UBND xã Phú Sơn	238
	<i>Công trình mới</i>		760
176	Nhà học 2 phòng (cụm Trung Tâm) Trường mầm non xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ.	UBND xã Phú Sơn	760
	Xã Tân Hương		898
	<i>Công trình trả nợ</i>		296
177	Nhà văn hóa xóm 8, xã Tân Hương, huyện Tân Kỳ	UBND xã Tân Hương	296
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		120
178	Nhà sinh hoạt cộng đồng xóm 10 xã Tân Hương, huyện Tân Kỳ	UBND xã Tân Hương	120
	<i>Công trình mới</i>		482
179	Đường giao thông bê tông xóm 15 xã Tân Hương	UBND xã Tân Hương	246
180	Nhà sinh hoạt cộng đồng xóm 4 xã Tân Hương	UBND xã Tân Hương	236
	Xã Hương Sơn		991
	<i>Công trình trả nợ</i>		400
181	Nhà học 1 phòng (cụm Trung tâm) Trường MN xã Hương sơn	UBND xã Hương Sơn	200
182	Nhà SHCĐ xóm 4 xã Hương Sơn	UBND xã Hương Sơn	200
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		400
183	Sửa chữa nâng cấp nhà SHCĐ xóm Tân Sơn 1 xã Hương sơn	UBND xã Hương Sơn	87
184	Sửa chữa nâng cấp nhà SHCĐ xóm Tân Sơn 2 xã Hương sơn, huyện Tân Kỳ	UBND xã Hương Sơn	90
185	Sửa chữa nâng cấp nhà SHCĐ xóm Trung Mỹ xã Hương sơn, huyện Tân Kỳ	UBND xã Hương Sơn	133
186	Sửa chữa nâng cấp nhà SHCĐ xóm Nam Hồng xã Hương sơn, huyện Tân Kỳ	UBND xã Hương Sơn	90
	<i>Công trình mới</i>		191
187	Sửa chữa nâng cấp nhà SHCĐ xóm Tân Quang xã Hương sơn	UBND xã Hương Sơn	96
188	Sửa chữa nâng cấp nhà SHCĐ xóm Tân Thành, xã Hương Sơn	UBND xã Hương Sơn	95

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
205	Đường GT bê tông tuyến số 7, xóm 11 xã Nghĩa Bình, huyện Tân Kỳ	UBND xã Nghĩa Bình	167
	Xã Nghĩa Hành		800
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		800
206	Nhà sinh hoạt cộng đồng xóm 3, xã Nghĩa Hành	UBND xã Nghĩa Hành	150
207	Nhà sinh hoạt cộng đồng xóm 4, xã Nghĩa Hành	UBND xã Nghĩa Hành	150
208	Nhà sinh hoạt cộng đồng xóm 10, xã Nghĩa Hành	UBND xã Nghĩa Hành	150
209	Nhà sinh hoạt cộng đồng xóm 11, xã Nghĩa Hành	UBND xã Nghĩa Hành	150
210	Đường giao thông bê tông xóm 1 xã Nghĩa Hành	UBND xã Nghĩa Hành	100
211	Đường giao thông bê tông xóm 6 xã Nghĩa Hành	UBND xã Nghĩa Hành	100
	Xã Tân Xuân		800
	<i>Công trình trả nợ</i>		45
212	Đường GT bê tông tuyến số 5 xóm Thanh Trà, xã Tân Xuân	UBND xã Tân Xuân	6
213	Đường GT bê tông tuyến số 5 xóm Hoàng Trang, xã Tân Xuân	UBND xã Tân Xuân	24
214	Đường GT bê tông tuyến số 4 xóm Xuân Yên, xã Tân Xuân	UBND xã Tân Xuân	15
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		200
215	Đường GT bê tông tuyến số 5 xóm Trung Lương, xã Tân Xuân	UBND xã Tân Xuân	200
	<i>Công trình mới</i>		555
216	Đường GT bê tông tuyến số 6 xóm Thanh Trà xã Tân Xuân	UBND xã Tân Xuân	190
217	Đường GT bê tông tuyến số 6 xóm Hoàng Trang, xã Tân Xuân	UBND xã Tân Xuân	190
218	Đường GT bê tông tuyến số 5 xóm Xuân Yên, xã Tân Xuân	UBND xã Tân Xuân	175
	Xã Kỳ Sơn		400
	<i>Công trình trả nợ</i>		400
219	Nhà sinh hoạt cộng đồng và công trình phụ trợ xóm Hùng Cường 2, xã Kỳ Sơn	UBND xã Kỳ Sơn	143
220	Đường giao thông bê tông từ xóm Hùng Cường 1 đi xóm Hùng Cường 2, xã Kỳ Sơn huyện Tân Kỳ	UBND xã Kỳ Sơn	257
	Xã Giai Xuân		894
	<i>Công trình trả nợ</i>		512
221	Nhà học 5 phòng, Trường mầm non Giai Xuân II xã Giai Xuân huyện Tân Kỳ	UBND xã Giai Xuân	370
222	Đường GT từ trung tâm xã đi xóm Đồi Chè và xóm Quyết Tâm, xã Giai Xuân, huyện Tân Kỳ	UBND xã Giai Xuân	142
	<i>Công trình mới</i>		382

Handwritten signature

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
223	Đường GT từ xóm Xuân Tiến đi xóm Nước Xanh và xóm Tân Mừng, xã Giai xuân, huyện Tân Kỳ	UBND xã Giai Xuân	191
224	Đường GT bê tông xóm Kê Thai, xã Giai xuân	UBND xã Giai Xuân	191
VII	Huyện Quế Phong		13.675
	Xã Nậm Nhoóng		1.127
	<i>Công trình trả nợ</i>		<i>211</i>
225	Nhà văn hóa cộng đồng bản Na Hốc 1, xã Nậm Nhoóng	UBND xã Nậm Nhoóng	211
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>36</i>
226	Nhà văn hóa cộng đồng bản Na Hốc 2, xã Nậm Nhoóng	UBND xã Nậm Nhoóng	36
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>880</i>
227	Thủy lợi Na Khích, xã Nậm Nhoóng, huyện Quế Phong	UBND xã Nậm Nhoóng	880
	Xã Tri Lễ		1.014
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>507</i>
228	Cầu tràn và đường liên thôn bản Yên Sơn đến bản Ná Ca	UBND xã Tri Lễ	278
229	Nhà văn hóa cộng đồng bản Xan, xã Tri Lễ	UBND xã Tri Lễ	229
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>507</i>
230	Nhà văn hóa cộng đồng bản Chà Lạnh, xã Tri Lễ, huyện Quế Phong	UBND xã Tri Lễ	507
	Xã Châu Thôn		998
	<i>Công trình trả nợ</i>		<i>105</i>
231	Nhà văn hóa cộng đồng bản Piều, xã Châu Thôn, huyện Quế Phong	UBND xã Châu Thôn	105
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>128</i>
232	Thủy lợi Na Tỳ, xã Châu Thôn	UBND xã Châu Thôn	128
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>765</i>
233	Nhà văn hóa cộng đồng Xóm Mới, xã Châu Thôn, huyện Quế Phong	UBND xã Châu Thôn	315
234	Nhà văn hóa cộng đồng bản Quạnh, xã Châu Thôn, huyện Quế Phong	UBND xã Châu Thôn	450
	Xã Cẩm Muộn		998
	<i>Công trình trả nợ</i>		<i>211</i>
235	Nhà đa chức năng Trường tiểu học Cẩm Muộn 1, xã Cẩm Muộn, huyện Quế Phong	UBND xã Cẩm Muộn	211
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>740</i>
236	Đường giao thông nông thôn vào Tùng Chàng, bản Pún, xã Cẩm Muộn	UBND xã Cẩm Muộn	240
237	Cầu bê tông cốt thép qua khe Lạc bản Cẩm Póm, xã Cẩm Muộn	UBND xã Cẩm Muộn	500
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>47</i>
238	Đường giao thông nông thôn liên bản Phả Pát - Ná Cho (giai đoạn 2), xã Cẩm Muộn, huyện Quế Phong	UBND xã Cẩm Muộn	47
	Xã Quang Phong		1.098
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>165</i>

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
239	Nhà văn hóa cộng đồng bản Cỏ Hường, xã Quang Phong	UBND xã Quang Phong	165
	<i>Công trình khởi công mới</i>		933
240	Nhà văn hóa cộng đồng bản Tín Pú, xã Quang Phong, huyện Quế Phong	UBND xã Quang Phong	433
241	Nhà văn hóa cộng đồng bản Hòa Khố, xã Quang Phong, huyện Quế Phong	UBND xã Quang Phong	500
	Xã Nậm Giải		1.281
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		465
242	Đường giao thông nông thôn bản Méo, xã Nậm Giải	UBND xã Nậm Giải	465
	<i>Công trình khởi công mới</i>		816
243	Đường giao thông nông thôn bản Pục, xã Nậm Giải (giai đoạn 2), huyện Quế Phong	UBND xã Nậm Giải	816
	Xã Châu Kim		998
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		360
244	Nhà văn hóa cộng đồng bản Kim Khê, xã Châu Kim	UBND xã Châu Kim	180
245	Nhà văn hóa cộng đồng bản Liên Minh, xã Châu Kim	UBND xã Châu Kim	180
	<i>Công trình khởi công mới</i>		638
246	Sửa chữa hệ thống cấp nước sinh hoạt Hữu Văn - Bản Chối, xã Châu Kim, huyện Quế Phong	UBND xã Châu Kim	638
	Xã Mường Nọc		998
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		158
247	Nhà văn hóa cộng đồng bản Ná Phí, xã Mường Nọc, huyện Quế Phong	UBND xã Mường Nọc	158
	<i>Công trình khởi công mới</i>		840
248	Nhà văn hóa cộng đồng bản Hăn, xã Mường Nọc, huyện Quế Phong	UBND xã Mường Nọc	420
249	Nhà văn hóa cộng đồng bản Dón, xã Mường Nọc, huyện Quế Phong	UBND xã Mường Nọc	420
	Xã Hạnh Dịch		865
	<i>Công trình khởi công mới</i>		865
250	Nhà văn hóa cộng đồng bản Pà Cọ, xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong	UBND xã Hạnh Dịch	400
251	Nhà văn hóa cộng đồng bản Cóng, xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong	UBND xã Hạnh Dịch	465
	Xã Thông Thụ		1.098
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		570
252	Xây dựng cầu trần bản Mường Phú, xã Thông Thụ	UBND xã Thông Thụ	570
	<i>Công trình khởi công mới</i>		528
253	Xây dựng đập và sửa chữa đường ống nước sinh hoạt từ đội 1 đến đội 3, bản Mường Piệt, xã Thông Thụ, huyện Quế Phong	UBND xã Thông Thụ	528
	Thôn, bản đặc biệt khó khăn		3.200
	Thị trấn Kim Sơn		800
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		550

Ngô

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
254	Nhà văn hóa khối 4, thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong	UBND thị trấn Kim Sơn	550
	<i>Công trình khởi công mới</i>		250
255	Đường giao thông vào khu dân cư khối 2, thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong	UBND thị trấn Kim Sơn	250
	Xã Quế Sơn		800
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		600
256	Đường giao thông nông thôn bản Piếng Mòn, xã Quế Sơn, huyện Quế Phong	UBND xã Quế Sơn	600
	<i>Công trình khởi công mới</i>		200
257	Bê tông hóa thủy lợi Na Tộc, bản Na Tộc, xã Quế Sơn, huyện Quế Phong	UBND xã Quế Sơn	200
	Xã Tiên Phong		800
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		550
258	Nhà văn hóa cộng đồng bản Na Sánh, xã Tiên Phong, huyện Quế Phong	UBND xã Tiên Phong	550
	<i>Công trình khởi công mới</i>		250
259	Nhà văn hóa cộng đồng bản Đan 2, xã Tiên Phong, huyện Quế Phong	UBND xã Tiên Phong	250
	Xã Đồng Văn		800
	<i>Công trình trả nợ</i>		512
260	Đường giao thông nông thôn bản Khùn Na, xã Đồng Văn, huyện Quế Phong	UBND xã Đồng Văn	512
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		288
261	Nhà đa chức năng trường THCS Đồng Văn, xã Đồng Văn	UBND xã Đồng Văn	288
VIII	Huyện Quỳnh Châu		10.675
	Xã Châu Hạnh		815
	<i>Công trình trả nợ</i>		39
262	Nhà sinh hoạt cộng đồng bản Tà Cỏ, xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	39
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		301
263	Xây dựng Cầu cứng dân sinh Khe Bá 1, bản Thuận Lập, xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	121
264	Đường giao thông nông thôn bản Pà Cọ, xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Hạnh	180
	<i>Công trình khởi công mới</i>		475
265	Đường giao thông nông thôn Bản Khe Hán, xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	225
266	Đường giao thông nông thôn bản Ké Ninh, xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Hạnh	250
	Xã Châu Thắng		898
	<i>Công trình trả nợ</i>		274
267	Nhà chức năng Trường mầm non xã Châu Thắng, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Thắng	274
	<i>Công trình khởi công mới</i>		624
268	Đường giao thông bản Xệt 1 đi bản Xệt 2, xã Châu Thắng, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Thắng	400

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
269	Đường giao thông nội vùng Bản Xẹt 2, xã Châu Thắng, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	224
	Xã Châu Tiến		828
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>828</i>
270	Trường mầm non (Điểm lẻ) xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	828
	Xã Châu Thuận		875
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>104</i>
271	Tu sửa nhà học 10 phòng và xây dựng công trình phụ trợ, Trường tiểu học xã Châu Thuận, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Thuận	104
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>771</i>
272	Đường giao thông nội bản Bông 1, xã Châu Thuận, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Thuận	300
273	Đường giao thông nông thôn bản Bông 1, xã Châu Thuận, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	471
	Xã Châu Bính		844
	<i>Công trình trả nợ</i>		<i>9</i>
274	Tu sửa nhà điều trị, Trạm Y tế xã Châu Bính, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	9
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>835</i>
275	Xây dựng nhà bếp, Trường Mầm non Bản Xăng 2, xã Châu Bính, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Bính	285
276	Xây dựng tường rào Trường THCS bán trú Bính Thuận, xã Châu Bính, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Bính	150
277	Đường giao thông nội vùng bản Hạt, xã Châu Bính, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	400
	Xã Châu Nga		998
	<i>Công trình trả nợ</i>		<i>20</i>
278	Đường GT nội vùng Bản Thanh Sơn, xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	20
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>978</i>
279	Đường giao thông từ bản Tân Tiến đi Khe Ho, xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Nga	600
280	Tuyến giao thông chính Bản Thanh Tân, xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	378
	Xã Châu Hội		890
	<i>Công trình trả nợ</i>		<i>20</i>
281	Đường giao thông nội vùng bản Khứm, xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	20
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>870</i>
282	Cầu tràn bản Hội 3, xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	870
	Xã Châu Phong		1.331
	<i>Công trình trả nợ</i>		<i>36</i>
283	Nhà sinh hoạt cộng đồng Bản Xốp Cam, Xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	36
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>150</i>

19/12

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
284	Đường giao thông Bản Chiềng đi bản Piêng Cắm, xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Phong	150
	<i>Công trình khởi công mới</i>		1.145
285	Hệ thống điện các bản Piêng Cắm, Piêng Điem, xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Phong	1.145
	Xã Diên Lãm		1.098
	<i>Công trình trả nợ</i>		71
286	Đường giao thông nội vùng Bản Na Lạnh, xã Diên Lãm, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	34
287	Đường giao thông bản Cướm đi bản Na Luộc, xã Diên Lãm, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Diên Lãm	37
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		297
288	Nhà học, Trường tiểu học Bản Na Lạnh, xã Diên Lãm, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	100
289	Đường giao thông nội vùng bản Có Hường, xã Diên Lãm, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Diên Lãm	197
	<i>Công trình khởi công mới</i>		730
290	Nhà chức năng và công trình phụ trợ, Trường mầm non xã Diên Lãm, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Diên Lãm	365
291	Đường giao thông nông thôn bản Na Mô, xã Diên Lãm, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	365
	Xã Châu Hoàn		1.098
	<i>Công trình trả nợ</i>		67
292	Nhà sinh hoạt cộng đồng bản Na Ngộm, xã Châu Hoàn, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Hoàn	31
293	Nhà sinh hoạt cộng đồng bản Na Xá, xã Châu Hoàn, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	36
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		309
294	Nhà học, Trường mầm non xã Châu Hoàn, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	150
295	Đường giao thông Bản Na Xá, xã Châu Hoàn, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Hoàn	159
	<i>Công trình khởi công mới</i>		722
296	Sửa chữa nhà học 05 phòng, điểm trường chính, trường tiểu học xã Châu Hoàn, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	315
297	Sửa chữa nhà học 07 phòng, điểm trường chính trường THCS Hoàn Lãm	UBND xã Châu Hoàn	407
	Thôn, bản đặc biệt khó khăn		1.000
	Thị trấn Tân Lạc		270
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		70
298	Đường từ Km1+720 tuyến Thị trấn - Châu Hạnh - Châu Hội vào Khối Định Hoa, thị trấn Tân Lạc, huyện Quỳnh Châu	UBND Thị trấn Tân Lạc	70
	<i>Công trình khởi công mới</i>		200
299	Đường từ Km1+880 tuyến Thị trấn - Châu Hạnh - Châu Hội vào Khối Định Hoa, thị trấn Tân Lạc, huyện Quỳnh Châu	UBND Thị trấn Tân Lạc	200
	Xã Châu Bình		730
	<i>Công trình trả nợ</i>		20

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
300	Đường giao thông từ bản Độ 3 đi bản kẻ Đua, xã Châu Bình, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Bình	20
	<i>Công trình khởi công mới</i>		710
301	Nhà học, Trường tiểu học Châu Bình 1, Bản Kẻ Can, xã Châu Bình, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Bình	710
IX	Huyện Quỳnh Hợp		16.607
	Xã ĐBK		13.167
	Xã Nam Sơn		690
	<i>Công trình khởi công mới</i>		690
302	Đường giao thông liên xã Bản Hầm - Cà Vạt (đoạn 4), xã Nam Sơn, huyện Quỳnh Hợp	UBND xã Nam Sơn	690
	Xã Yên Hợp		898
	<i>Công trình khởi công mới</i>		898
303	Nhà Văn hóa cộng đồng xóm Sỏi, xã Yên Hợp, huyện Quỳnh Hợp.	UBND xã Yên Hợp	494
304	Tuyến đường từ cầu Đá vào xóm Tạt (đoạn 2), xã Yên Hợp, huyện Quỳnh Hợp.	UBND xã Yên Hợp	404
	Xã Hạ Sơn		998
	<i>Công trình khởi công mới</i>		998
305	Đường bê tông liên xóm Lộc Sơn - Đồng Nang, xã Hạ Sơn, huyện Quỳnh Hợp	UBND xã Hạ Sơn	998
	Xã Văn Lợi		885
	<i>Công trình khởi công mới</i>		885
306	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng xóm Bắc Lợi, xã Văn Lợi, huyện Quỳnh Hợp	UBND xã Văn Lợi	470
307	Nâng cấp nhà văn hóa cộng đồng xóm Đại Thành, xã Văn Lợi, huyện Quỳnh Hợp	UBND xã Văn Lợi	240
308	Nâng cấp nhà văn hóa cộng đồng xóm Tây Lợi, xã Văn Lợi, huyện Quỳnh Hợp	UBND xã Văn Lợi	175
	Xã Bắc Sơn		998
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		456
309	Xây dựng đường giao thông Bản Vi - Bản Mảnh đoạn 4, xã Bắc Sơn huyện Quỳnh Hợp.	UBND xã Bắc Sơn	393
310	Sửa chữa sân trường tiểu học xã Bắc Sơn, huyện Quỳnh Hợp	UBND xã Bắc Sơn	63
	<i>Công trình khởi công mới</i>		542
311	Xây dựng đường giao thông Bản Vi - Bản Mảnh (đoạn 5), xã Bắc Sơn huyện Quỳnh Hợp.	UBND xã Bắc Sơn	542
	Xã Châu Lộc		898
	<i>Công trình trả nợ</i>		60
312	Xây mới 2 phòng học trường tiểu học cụm Kèn Chồ, xã Châu Lộc, huyện Quỳnh Hợp	UBND xã Châu Lộc	60
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		838
313	Xây mới trạm Y tế đạt chuẩn xã Châu lộc, huyện Quỳnh Hợp	UBND xã Châu Lộc	838
	Xã Châu Hồng		1.421
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		246
314	Đường giao thông nông thôn Bản Ngọc đi Nậm Tịu, xã Châu Hồng, huyện Quỳnh Hợp.	UBND xã Châu Hồng	246

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
	<i>Công trình khởi công mới</i>		1.175
315	Đường giao thông nông thôn Bản Poòng đi bản Công	UBND xã Châu Hồng	557
316	Xây dựng phòng làm việc Hiệu vụ, Văn phòng nhà trường trường PTDTBT THCS Hồng Tiến	UBND xã Châu Hồng	618
	Xã Châu Thái		1.029
	<i>Công trình trả nợ</i>		74
317	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng xóm Hưng Long, Châu Thái, huyện Quỳnh Hợp	UBND xã Châu Thái	74
	<i>Công trình khởi công mới</i>		955
318	Xây dựng 2 nhà văn hóa cộng đồng xóm bản Tiêng, xóm Học Mọi	UBND xã Châu Thái	955
	Xã Châu Tiến		2.055
	<i>Công trình khởi công mới</i>		2.055
319	Làm mới đường giao thông nông thôn bản Chiềng	UBND xã Châu Tiến	738
320	Xây dựng 2 phòng học trường mầm non xã Châu Tiến	UBND xã Châu Tiến	1.317
	Xã Châu Lý		898
	<i>Công trình trả nợ</i>		134
321	Cầu tràn bản Xét, xã Châu Lý, huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	134
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		764
322	Trường Tiểu học Châu Lý 1, huyện Quỳnh Hợp	UBND xã Châu Lý	764
	Xã Châu Đình		900
	<i>Công trình khởi công mới</i>		900
323	Xây mới 02 phòng học Trường Mầm non Châu Đình, huyện Quỳnh Hợp	UBND xã Châu Đình	900
	Xã Châu Thành		599
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		47
324	Nhà văn hóa cộng đồng xóm Piêng Căm, xã Châu Thành, huyện Quỳnh Hợp.	UBND xã Châu Thành	47
	<i>Công trình khởi công mới</i>		552
325	Nhà văn hóa cộng đồng xóm Bản Cải, xã Châu Thành, huyện Quỳnh Hợp	UBND xã Châu Thành	552
	Xã Châu Cường		898
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		525
326	Nhà 02 phòng học Trường Tiểu học Châu Cường, xã Châu Cường, huyện Quỳnh Hợp.	UBND xã Châu Cường	525
	<i>Công trình khởi công mới</i>		373
327	Công trình phụ trợ trường Tiểu học, cụm Đại Cường, xã Châu Cường, huyện Quỳnh Hợp	UBND xã Châu Cường	373
	THÔN BẢN ĐBK		3.440
	Xã Liên Hợp		398
	<i>Công trình trả nợ</i>		38
328	Đường giao thông bê tông Thôn Duộc- Thôn Quên - Thôn Quẩn, Thôn Xài (Đoạn 3) Xã Liên Hợp, huyện Quỳnh Hợp;	UBND xã Liên Hợp	38
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		360

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
329	Đường giao thông bê tông Thôn Duộc-Thôn Quên-Thôn Quẩn-Thôn Xài (đoạn 4) Xã Liên Hợp, huyện Quỳnh Hợp	UBND xã Liên Hợp	360
	Xã Thọ Hợp		480
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>307</i>
330	Công trình phụ trợ Nhà văn hóa Sơn Tiên, xã Thọ Hợp, huyện Quỳnh Hợp.	UBND xã Thọ Hợp	101
331	Công trình phụ trợ Nhà văn hóa Cốc mắt xã Thọ Hợp, huyện Quỳnh Hợp.	UBND xã Thọ Hợp	206
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>173</i>
332	Công trình đường giao thông xóm Sơn Tiên, xã Thọ Hợp	UBND xã Thọ Hợp	173
	Xã Tam Hợp		489
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>489</i>
333	Đường bê tông xóm Long Thành, xã Tam Hợp, huyện Quỳnh Hợp	UBND xã Tam Hợp	179
334	Đường bê tông xóm Hợp Thành, xã Tam Hợp, huyện Quỳnh Hợp	UBND xã Tam Hợp	131
335	Đường bê tông xóm Đồng Chảo, xã Tam Hợp, huyện Quỳnh Hợp	UBND xã Tam Hợp	179
	Xã Đồng Hợp		526
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>178</i>
336	Mương betong xóm Đồng Chiềng xã Đồng Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.	UBND xã Đồng Hợp	178
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>348</i>
337	Công trình phụ trợ nhà văn hóa xóm bản Mát, xã Đồng hợp, huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ an	UBND xã Đồng Hợp	348
	Xã Châu Quang		400
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>400</i>
338	Đường betong nông thôn xóm Đồng Lùm, xã Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp	UBND xã Châu Quang	260
323	Betong hóa kênh mương xóm Hộc Mọi, xã Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp	UBND xã Châu Quang	140
	Xã Nghĩa Xuân		747
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>327</i>
339	Công trình phụ trợ Nhà Văn hóa cộng đồng xóm Mỏ, xã Nghĩa Xuân, huyện Quỳnh Hợp.	UBND xã Nghĩa Xuân	327
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>420</i>
340	Công trình phụ trợ Nhà Văn hóa cộng đồng xóm Đột Tân, xã Nghĩa Xuân, huyện Quỳnh Hợp	UBND xã Nghĩa Xuân	420
	Xã Minh Hợp		400
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>400</i>
341	Đường bê tông rộng 3,0 m xóm Minh Tiến	UBND xã Minh Hợp	200
342	Đường bê tông rộng 3,0 m (cấp B theo CT NTM) dài 600m, xóm Minh Quang (Đoạn 2)	UBND xã Minh Hợp	200
X	Huyện Nghĩa Đàn		11.798
	Xã Nghĩa Thịnh		998
	<i>Công trình trả nợ</i>		<i>55</i>

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
343	Nhà sinh hoạt cộng đồng xóm 3, xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Đàn	UBND xã Nghĩa Thịnh	13
344	Nhà sinh hoạt cộng đồng xóm 10, xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Đàn	UBND xã Nghĩa Thịnh	13
345	Trường Mầm non Nghĩa Thịnh hạng mục: Nhà học 2 phòng	UBND huyện Nghĩa Đàn	29
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		153
346	Nhà Văn hoá xóm 9 xã Nghĩa Thịnh	UBND huyện Nghĩa Đàn	153
	<i>Công trình khởi công mới</i>		790
347	Xây phòng học Trường Tiểu học Nghĩa Thịnh	UBND huyện Nghĩa Đàn	528
348	Đường Bê tông nông thôn xóm 6, xã Nghĩa Thịnh	UBND huyện Nghĩa Đàn	262
	Xã Nghĩa Mai		800
	<i>Công trình khởi công mới</i>		800
349	Trường Mầm non Nghĩa Mai (phân hiệu 2) - Hạng mục: Công trình vệ sinh, phòng kho và các hạng mục phụ trợ khác	UBND xã Nghĩa Mai	400
350	Nhà văn hoá xóm 1B xã Nghĩa Mai	UBND xã Nghĩa Mai	400
	Xã Nghĩa Lạc		800
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		405
351	Trường Mầm non xã Nghĩa Lạc - Hạng mục Nhà học 2 phòng	UBND xã Nghĩa Lạc	110
352	Xây dựng phòng Thư viện trường Tiểu học Nghĩa Lạc	UBND xã Nghĩa Lạc	295
	<i>Công trình khởi công mới</i>		395
353	Nhà Văn hoá xóm Gày xã Nghĩa Lạc	UBND xã Nghĩa Lạc	200
354	Nhà Văn hoá xóm Mèn xã Nghĩa Lạc	UBND xã Nghĩa Lạc	195
	Xã Nghĩa Thọ		800
	<i>Công trình khởi công mới</i>		800
355	Đường giao thông bê tông xóm Cầu xã Nghĩa Thọ (đoạn từ Cổng chào vào Nhà văn hoá)	UBND xã Nghĩa Thọ	200
356	Nhà văn hoá xóm Mần, xã Nghĩa Thọ	UBND xã Nghĩa Thọ	400
357	Đường Giao thông nông thôn xóm Trống xã Nghĩa Thọ (đoạn từ nhà ông Nay Kinh đến ông Nhung Phiếu)	UBND xã Nghĩa Thọ	200
	Xã Nghĩa Lợi		800
	<i>Công trình trả nợ</i>		10
358	Đường GT xóm Ngọc Lam, xã Nghĩa Lợi	UBND xã Nghĩa Lợi	10
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		543
359	Làm mới đường bê tông xóm Lung Hạ - Lung Bình (Đoạn từ hộ Lê Văn Chung đến hộ Lê Võ Khả)	UBND xã Nghĩa Lợi	41
360	Đường giao thông xóm Tân Sỏi, xã Nghĩa Lợi	UBND xã Nghĩa Lợi	248

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
361	Đường GT xóm Tân Thai, xã Nghĩa Lợi	UBND xã Nghĩa Lợi	254
	<i>Công trình khởi công mới</i>		247
362	Đường GT xóm Tân Cay, xã Nghĩa Lợi	UBND xã Nghĩa Lợi	147
363	Đường GT xóm Lung Thượng, xã Nghĩa Lợi	UBND xã Nghĩa Lợi	100
	Xã Nghĩa Đức		800
	<i>Công trình trả nợ</i>		30
364	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xóm Ráng xã Nghĩa Đức, huyện Nghĩa Đàn.	UBND xã Nghĩa Đức	30
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		394
365	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn đường xóm 8- Đồng Bối	UBND xã Nghĩa Đức	394
	<i>Công trình khởi công mới</i>		376
366	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn Làng Nung	UBND xã Nghĩa Đức	376
	Xã Nghĩa An		600
	<i>Công trình trả nợ</i>		229
367	Đường bê tông nông thôn xóm 2A (tuyến 6), xã Nghĩa An	UBND xã Nghĩa An	71
368	Đường bê tông nông thôn xóm 3 (tuyến 7), xã Nghĩa An	UBND xã Nghĩa An	87
369	Đường bê tông nông thôn xóm 4 (tuyến 6), xã Nghĩa An	UBND xã Nghĩa An	71
	<i>Công trình khởi công mới</i>		371
370	Đường bê tông nông thôn xóm 2A (tuyến 7), xã Nghĩa An	UBND xã Nghĩa An	95
371	Đường bê tông nông thôn xóm 3 (tuyến 8), xã Nghĩa An	UBND xã Nghĩa An	135
372	Đường bê tông nông thôn xóm 4 (tuyến 7), xã Nghĩa An	UBND xã Nghĩa An	141
	Xã Nghĩa Hội		800
	<i>Công trình trả nợ</i>		20
373	Đường bê tông nông thôn xóm Đồng Sảng, xã Nghĩa Hội (tuyến 3)	UBND xã Nghĩa Hội	20
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		244
374	Đường bê tông nông thôn xóm Đồng Sảng, xã Nghĩa Hội (tuyến 4)	UBND xã Nghĩa Hội	138
375	Đường bê tông nông thôn Làng Cháng xã Nghĩa Hội (tuyến 5)	UBND xã Nghĩa Hội	106
	<i>Công trình khởi công mới</i>		536
376	Đường GTNT xóm Phú Thọ xã Nghĩa Hội (tuyến 7)	UBND xã Nghĩa Hội	200
377	Đường bê tông nông thôn xóm Thanh Hòa xã Nghĩa Hội (tuyến 4)	UBND xã Nghĩa Hội	120
378	Đường bê tông nông thôn Làng Cháng xã Nghĩa Hội (tuyến 6)	UBND xã Nghĩa Hội	110

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
379	Đường bê tông nông thôn xóm Đồng Sảng, xã Nghĩa Hội (tuyến 5)	UBND xã Nghĩa Hội	106
	Xã Nghĩa Hưng		800
	<i>Công trình trả nợ</i>		17
380	Sửa chữa, nâng cấp nhà Văn hóa xóm 13 xã Nghĩa Hưng, huyện Nghĩa Đàn	UBND xã Nghĩa Hưng	17
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		102
381	Đường bê tông nông thôn xóm 4 xã Nghĩa Hưng (Tuyến 5)	UBND xã Nghĩa Hưng	74
382	Đường bê tông nông thôn xóm 13 xã Nghĩa Hưng (Tuyến 7)	UBND xã Nghĩa Hưng	28
	<i>Công trình khởi công mới</i>		681
383	Đường bê tông nông thôn xóm 5 xã Nghĩa Hưng (Tuyến 8)	UBND xã Nghĩa Hưng	170
384	Đường bê tông nông thôn xóm 15 xã Nghĩa Hưng (tuyến 6)	UBND xã Nghĩa Hưng	158
385	Đường bê tông nông thôn xóm 4 xã Nghĩa Hưng (Tuyến 6)	UBND xã Nghĩa Hưng	158
386	Đường bê tông nông thôn xóm 13 xã Nghĩa Hưng (Tuyến 8)	UBND xã Nghĩa Hưng	195
	Xã Nghĩa Lâm		829
	<i>Công trình trả nợ</i>		20
387	Đường giao thông nông thôn Xóm Làng Đán, Nghĩa Lâm (tuyến 1)	UBND xã Nghĩa Lâm	20
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		317
388	Đường giao thông nông thôn xóm Cuồn Đá, Nghĩa Lâm (tuyến 1)	UBND xã Nghĩa Lâm	20
389	Đường giao thông nông thôn xóm Khe Yêu, xã Nghĩa Lâm(tuyến 1)	UBND xã Nghĩa Lâm	17
390	Đường giao thông nông thôn Làng Chảo, xã Nghĩa Lâm (tuyến 2)	UBND xã Nghĩa Lâm	6
391	Đường giao thông nông thôn xóm Làng Xâm, xã Nghĩa Lâm (tuyến 1)	UBND xã Nghĩa Lâm	46
392	Đường giao thông nông thôn xóm Làng Tra, xã Nghĩa Lâm (tuyến 3)	UBND xã Nghĩa Lâm	206
393	Đường giao thông nông thôn xóm Yên Trung, xã Nghĩa Lâm (tuyến 4)	UBND xã Nghĩa Lâm	22
	<i>Công trình khởi công mới</i>		492
394	Đường giao thông nông thôn xóm Làng Tra, xã Nghĩa Lâm (tuyến 4)	UBND xã Nghĩa Lâm	120
395	Đường giao thông nông thôn xóm Khe Yêu, xã Nghĩa Lâm(tuyến 3)	UBND xã Nghĩa Lâm	120
396	Đường giao thông nông thôn Làng Chảo, xã Nghĩa Lâm (tuyến 3)	UBND xã Nghĩa Lâm	120
397	Đường giao thông nông thôn xóm Yên Trung, xã Nghĩa Lâm (tuyến 5)	UBND xã Nghĩa Lâm	132
	Xã Nghĩa Liên		800
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		232

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
398	Đường Bê tông nông thôn xóm Hều 2, xã Nghĩa Liên (tuyến 1)	UBND xã Nghĩa Liên	115
399	Đường Bê tông nông thôn xóm Thiết, xã Nghĩa Liên (tuyến 1)	UBND xã Nghĩa Liên	117
	<i>Công trình khởi công mới</i>		568
400	Đường Bê tông nông thôn xóm Xuân 1, xã Nghĩa Liên (tuyến 3)	UBND xã Nghĩa Liên	168
401	Đường Bê tông nông thôn xóm Xuân 2, xã Nghĩa Liên (tuyến 3)	UBND xã Nghĩa Liên	200
402	Đường Bê tông nông thôn xóm Xuân 3, xã Nghĩa Liên (tuyến 3)	UBND xã Nghĩa Liên	200
	Xã Nghĩa Lộc		600
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		62
403	Đường Bê tông nông thôn, xóm Tân Hữu xã Nghĩa Lộc (đoạn nhà ông Hoá đến Đập Đồng mạ)	UBND xã Nghĩa Lộc	20
404	Đường Bê tông nông thôn, xóm Áp Bồng xã Nghĩa Lộc (đoạn 2)	UBND xã Nghĩa Lộc	42
	<i>Công trình khởi công mới</i>		538
405	Đường Bê tông nông thôn, xóm Áp Bồng xã Nghĩa Lộc (đoạn 3)	UBND xã Nghĩa Lộc	250
406	Đường Bê tông nông thôn, xóm Khe Sài 2 xã Nghĩa Lộc (tuyến 2)	UBND xã Nghĩa Lộc	288
	Xã Nghĩa Thắng		200
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		12
407	Đường Bê tông nông thôn, Làng Vạn xã Nghĩa Thắng (Tuyến 7)	UBND xã Nghĩa Thắng	12
	<i>Công trình khởi công mới</i>		188
408	Nâng cấp Nhà văn hoá xóm Vạn, xã Nghĩa Thắng	UBND xã Nghĩa Thắng	188
	Xã Nghĩa Trung		800
	<i>Công trình trả nợ</i>		20
409	Đường Bê tông nông thôn xóm 11 (tuyến 5) xã Nghĩa Trung	Xóm 11 xã Nghĩa Trung	10
410	Đường Bê tông nông thôn xóm 13 (tuyến 5) xã Nghĩa Trung	Xóm 13 xã Nghĩa Trung	10
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		80
411	Đường Bê tông nông thôn xóm 22 (tuyến 5) xã Nghĩa Trung	UBND xã Nghĩa Trung	19
412	Đường Bê tông nông thôn xóm 16 (tuyến 1) xã Nghĩa Trung	UBND xã Nghĩa Trung	19
413	Đường Bê tông nông thôn xóm 11 (tuyến 6) xã Nghĩa Trung	UBND xã Nghĩa Trung	21
414	Đường Bê tông nông thôn xóm 13 (tuyến 6) xã Nghĩa Trung	UBND xã Nghĩa Trung	21
	<i>Công trình khởi công mới</i>		700
415	Đường Bê tông nông thôn xóm 21 (tuyến 2) xã Nghĩa Trung	UBND xã Nghĩa Trung	160

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
416	Đường Bê tông nông thôn xóm 22 (tuyến 6) xã Nghĩa Trung	UBND xã Nghĩa Trung	180
417	Đường Bê tông nông thôn xóm 16 (tuyến 2) xã Nghĩa Trung	UBND xã Nghĩa Trung	180
418	Đường Bê tông nông thôn xóm 11 (tuyến 7) xã Nghĩa Trung	UBND xã Nghĩa Trung	180
	Xã Nghĩa Yên		771
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		104
419	Đường Bê tông liên thôn, xóm Lập và xóm Mới xã Nghĩa Yên (Đoạn từ đường 48E đến ngã ba 2 xóm) -tuyến 1	UBND xã Nghĩa Yên	52
420	Đường Bê tông nông thôn, xóm Chong xã Nghĩa Yên (Tuyến 3)	UBND xã Nghĩa Yên	26
421	Đường Bê tông nông thôn, xóm Nhâm xã Nghĩa Yên (Tuyến 2)	UBND xã Nghĩa Yên	26
	<i>Công trình khởi công mới</i>		667
422	Đường Bê tông nông thôn, xóm Mới xã Nghĩa Yên (tuyến 5)	UBND xã Nghĩa Yên	225
423	Đường Bê tông nông thôn, xóm Lập xã Nghĩa Yên (tuyến 5)	UBND xã Nghĩa Yên	225
424	Đường Bê tông nông thôn, xóm Dừa xã Nghĩa Yên (tuyến 4)	UBND xã Nghĩa Yên	217
	Xã Nghĩa Long		400
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		196
425	Đường bê tông nông thôn xóm Nam Thái xã Nghĩa Long	UBND xã Nghĩa Long	190
426	Đường bê tông nông thôn xóm Nam Khế xã Nghĩa Long	UBND xã Nghĩa Long	6
	<i>Công trình khởi công mới</i>		204
427	Đường bê tông nông thôn xóm Nam Khế xã Nghĩa Long (tuyến 2)	UBND xã Nghĩa Long	104
428	Đường bê tông nông thôn xóm Nam Thái xã Nghĩa Long (tuyến 2)	UBND xã Nghĩa Long	100
	Xã Nghĩa Bình		200
	<i>Công trình khởi công mới</i>		200
429	Đường bê tông nông thôn xóm Đồng Chùa xã Nghĩa Bình (tuyến 2)	UBND xã Nghĩa Bình	200
XI	Huyện Yên Thành		2.600
	Xã Quang Thành		400
	<i>Công trình mới</i>		400
430	Đường bê tông xóm Trung Nam xã Quang Thành, huyện Yên Thành	UBND xã Quang Thành	200
431	Nhà Văn hóa xóm Trung Bắc xã Quang Thành, huyện Yên Thành	UBND xã Quang Thành	200
	Xã Tây Thành		600
	<i>Công trình khởi công mới</i>		600
432	Đường giao thông từ đập Thung Vây đi NVH xóm Hậu Thành 2, xã Tây Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	UBND xã Tây Thành	600
	Xã Thịnh Thành		800

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		162
433	Nhà văn hóa xóm Trung Thịnh, xã Thịnh Thành, huyện Yên Thành	UBND xã Thịnh Thành	162
	<i>Công trình khởi công mới</i>		638
434	Nhà văn hóa xóm Nam Thịnh, xã Thịnh Thành, huyện Yên Thành	UBND xã Thịnh Thành	319
435	Nhà văn hóa xóm Mỹ Thịnh, xã Thịnh Thành	UBND xã Thịnh Thành	319
	Xã Tiến Thành		400
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		131
436	Xây dựng khuôn viên nhà văn hóa xóm Tây Tiến, xã Tiến Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	UBND xã Tiến Thành	131
	<i>Công trình khởi công mới</i>		269
437	Đường giao thông xóm Rộc Lúa từ đường Trung Tâm đi Nhà thờ họ Giáo, xã Tiến Thành, huyện Yên Thành	UBND xã Tiến Thành	269
	Xã Kim Thành		106
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		106
438	Đường bê tông nông thôn thôn Nhà Đưa, xã Kim Thành, huyện Yên Thành	UBND xã Kim Thành	106
	Xã Đại Thành		294
	<i>Công trình khởi công mới</i>		294
439	Nâng cấp, cải tạo nhà văn hóa thôn 5, xã Đại Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	UBND xã Đại Thành	294
XII	Huyện Quỳnh Lưu		2.200
	Xã Quỳnh Hoa		459
	<i>Công trình trả nợ</i>		200
440	Đường giao thông thôn 5, xã Quỳnh Hoa, thuộc Chương trình 135, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Hoa	200
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		259
441	Đường giao thông thôn 12, xã Quỳnh Hoa, thuộc Chương trình 135 năm 2017, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Hoa	259
	Xã Quỳnh Tân		600
	<i>Công trình trả nợ</i>		106
442	Đường giao thông thôn 4 (Đoạn 1) xã Quỳnh Tân, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Tân	106
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		200
443	Đường giao thông thôn 5, xã Quỳnh Tân, thuộc Chương trình 135 năm 2017, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Tân	200
	<i>Công trình khởi công mới</i>		294
444	Đường giao thông thôn 12	UBND xã Quỳnh Tân	178
445	Đường giao thông thôn 4 (đoạn 2) xã Quỳnh Tân, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Tân	116
	Xã Quỳnh Thắng		400
	<i>Công trình trả nợ</i>		187
446	Đường bê tông nông thôn thôn Quỳnh Long, xã Quỳnh Thắng, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Thắng	187
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		6

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019
447	Đường giao thông thôn Trung Tiến xã Quỳnh Thắng, thuộc Chương trình 135 (đoạn 1)	UBND xã Quỳnh Thắng	6
	<i>Công trình khởi công mới</i>		207
448	Đường bê tông bản Trung Tiến (đoạn 2) xã Quỳnh Thắng, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Thắng	207
	Xã Tân Thắng		741
	<i>Công trình khởi công mới</i>		741
449	Đường bê tông xóm Tân tiến, xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Tân Thắng	372
450	Đường bê tông Nam Việt, xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Tân Thắng	369
XIII	Thị xã Hoàng Mai		200
	<i>Công trình trả nợ</i>		200
451	Đường giao thông thôn 11 xã Quỳnh Trang, thị xã Hoàng Mai (thuộc Chương trình 135 năm 2015)	UBND xã Quỳnh Trang	200

NPA

BIỂU SỐ 3

KẾ HOẠCH NĂM 2019 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
(CHƯƠNG TRÌNH 30A)

Tiểu dự án: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo

(Kèm theo Nghị quyết số 24 /NQ-HDND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019	Ghi chú
TỔNG SỐ				
I	Kỳ Sơn		228.322	
	Công trình tiếp tục		8.395	
1	Đường giao thông liên bản Huồi Póc, xã Năm Cấn, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	3.205	
2	Đường giao thông từ bản Bà đi bản Đình Sơn 1 và Đình Sơn 2, xã Hữu Kiêm, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	2.174	
	Công trình khởi công mới		1.031	
1	Đường giao thông liên bản Huồi Khơ, xã Đoọc May, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Kỳ Sơn	5.190	
II	Quế Phong		5.190	
	Công trình hoàn thành đưa vào sử dụng		61.627	
1	Hệ thống kênh nhánh thủy lợi Truong Bành xã Quế Sơn		2.090	
2	Cầu treo bản Chiếng, xã Quang Phong, huyện Quế Phong		763	
		UBND huyện Quế Phong	327	
3	Đường giao thông liên bản: Bản Tám, Pà Nạt, Dón, Na Pú, Lông Không, Hăn, hồ chứa nước Tổng Mỏ (xã Mường Noọc), bản Có Noong, Nà Ngá (Mường Noọc), bản Tạng, bản cói (xã Tiên Phong), huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	1.000	

109A

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019	Ghi chú
	Công trình chuyển tiếp		52.537	
1	Đường giao thông liên xã Pà Pát - Bán Cầm - Na Khích, huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	26.779	Giao UBND huyện hoàn thành hồ sơ xác định điểm dừng kỹ thuật theo quy định
2	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi Hữu Văn, huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	25.758	Giao UBND huyện huy động thêm các nguồn vốn hợp pháp khác để hoàn thành công trình theo quy định
	Công trình khởi công mới		7.000	
1	Thủy lợi Mường Páng bản Chiềng, xã Quang Phong, huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	7.000	
III	Tương Dương		61.627	
	Công trình hoàn thành đưa vào sử dụng		4.885	
1	Hệ thống lưới điện quốc gia bản Na Ngán, Xóp Kho và Na Kho, xã Nga My, huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	4.885	
	Công trình tiếp tục		16.162	
1	Hệ thống cấp điện lưới quốc gia cho khu tái định cư Bản Cà Moong, xã Lượng Minh	UBND huyện Tương Dương	5.833	
2	Đường giao thông Tam Thái - Tam Hợp, huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	10.329	
	Công trình khởi công mới		40.580	
1	Đường giao thông từ trung tâm xã Hữu Khuông nói Quốc lộ 16, huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	33.525	
2	Trường THCS Lưu Kiên, huyện Tương Dương.	UBND huyện Tương Dương	7.055	
IV	Phân bổ sau		96.673	Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết cho các dự án sau khi đã được Trung ương thẩm định nguồn vốn

MA

BIỂU SỐ 4

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2019 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIÀM NGHÈO BỀN VỮNG
(CHƯƠNG TRÌNH 30A)

Tiểu dự án: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo

(Kèm theo Nghị quyết số **24** /NQ-HDND ngày **12** tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT		Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019	Ghi chú
TỔNG SỐ				16.556	
I Các dự án chuyển tiếp				360	
1		Đường GTNT nối từ TL 536 đi xóm Trung Tiến xã Nghi Quang		360	
II Công trình mới 2018				9.278	
1		Xây dựng nhà học 2 tầng 4 phòng Trường mầm non xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Thiết	1.213	
2		Xây dựng tuyến đường giao thông nông thôn từ xóm Thái Thịnh đến xóm Yên Thịnh, xã Diễn Kim, huyện Diễn Châu	UBND xã Diễn Kim	1.213	
3		Xây dựng nhà học 2 tầng 8 phòng học Trường tiểu học xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu	UBND xã Diễn Vạn	1.213	
4		Xây dựng Trường mầm non cơ sở 2 xã Quỳnh Long, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Long	2.213	
5		Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Thọ	1.213	
6		Trường mầm non xã Quỳnh Lộc (điểm 2, thôn 8), thị xã Hoàng Mai	UBND xã Quỳnh Lộc	2.213	
III Công trình mới 2019				6.918	
1		Xây dựng nhà học 2 tầng 6 phòng học và 2 phòng học bộ môn Trường tiểu học xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Yên	1.213	
2		Xây dựng đường giao thông nông thôn xóm 9, 10, 11, 12 xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Tiến	1.213	
3		Xây dựng nhà học 2 tầng 8 phòng học Trường THCS xã Diễn Bích, huyện Diễn Châu	UBND xã Diễn Bích	1.213	
4		Xây dựng nhà hiệu bộ và các công trình phụ trợ Trường tiểu học xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Quang	853	
5		Xây dựng nhà văn phòng và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu	UBND xã Diễn Trung	1.213	
6		Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu	UBND xã Diễn Hải	1.213	

Đơn vị: Triệu đồng

Ng A

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019**

(Kèm theo Nghị quyết số: 24 /NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
	TỔNG CHƯƠNG TRÌNH		501.450,000	
I	Tổng thành phố Vinh		13.321,140	
1.1	Xã Nghi Ân		1.290,460	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.290,460</i>	
-	Nhà học 2 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Nghi Ân	UBND xã Nghi Ân	163,000	
-	Đường liên xóm Kim Hợp - Kim Hòa (LT36) xã Nghi Ân, thành phố Vinh (giai đoạn 1)	UBND xã Nghi Ân	314,000	
-	Xây dựng tuyến mương tưới, tiêu cấp 2 từ cửa ông kính xóm trung tâm đi Nghi Đức xã Nghi Ân	UBND xã Nghi Ân	583,460	
-	XD đường GT từ QL 46 đi xã Nghi Phong đoạn qua xóm Kim Đông xã Nghi Ân	UBND xã Nghi Ân	230,000	
1.2	Xã Nghi Liên		1.591,460	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.591,460</i>	
*	Đường Bạch Cầm nối từ QL 1A đi làng nghề hoa cây cảnh và vùng sản xuất rau an toàn VietGAP xã Nghi Liên	UBND xã Nghi Liên	1.591,460	
1.3	Xã Nghi Kim		1.491,460	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.491,460</i>	
-	Mương tiêu thoát nước xóm 14-15 xã Nghi Kim	UBND xã Nghi Kim	450,000	
-	Nhà văn hóa xóm 9 xã Nghi Kim	UBND xã Nghi Kim	300,000	
-	Nhà học đa chức năng Trường tiểu học Nghi Kim	UBND xã Nghi Kim	250,000	
-	Nhà văn hóa xóm 11 xã Nghi Kim	UBND xã Nghi Kim	100,000	
-	Nhà văn hóa xóm 6 xã Nghi Kim	UBND xã Nghi Kim	200,000	
-	Nhà văn hóa xóm 8 xã Nghi Kim	UBND xã Nghi Kim	191,460	
1.4	Xã Hưng Lộc		1.591,460	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.591,460</i>	
-	Mương thoát nước xóm Mỹ Hạ, xã Hưng Lộc, thành phố Vinh	UBND xã Hưng Lộc	1.591,460	
1.5	Xã Hưng Đông		1.591,460	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.591,460</i>	
-	XD nhà học 3 tầng trường tiểu học Hưng Đông, xã Hưng Đông	UBND xã Hưng Đông	1.591,460	
1.6	Xã Hưng Hoà		1.491,460	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.491,460</i>	
-	Cổng, hàng rào Nhà tưởng niệm Liệt sỹ	UBND xã Hưng Hoà	100,460	
-	Nhà đa năng và khối phòng phục vụ học tập trường THCS xã Hưng Hoà	UBND xã Hưng Hoà	60,000	
-	XD 4 phòng học + bếp + WC trường tiểu học Hưng Hoà	UBND xã Hưng Hoà	831,000	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Sửa chữa nhà học 2 tầng và khuôn viên trường THCS Hưng Hòa	UBND xã Hưng Hoà	500,000	
1.7	Xã Nghi Đức		1.290,460	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.290,460</i>	
-	Sân vận động trung tâm xã Nghi Đức	UBND xã Nghi Đức	1.290,460	
1.8	Xã Hưng Chính		1.491,460	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.491,460</i>	
-	4 phòng học trường MN Hưng Chính	UBND xã Hưng Chính	600,000	
-	Chợ Đước xã Hưng Chính	UBND xã Hưng Chính	399,460	
-	Đường GTNT xóm 7 xã Hưng Chính	UBND xã Hưng Chính	100,000	
-	Nhà bảo vệ trường MN xã Hưng chính	UBND xã Hưng Chính	38,000	
-	Nhà bảo vệ trụ sở UBND xã Hưng Chính	UBND xã Hưng Chính	44,000	
-	Nâng cấp đường Lê Xuân Đào	UBND xã Hưng Chính	150,000	
-	Hàng rào, khán đài sân vận động xã Hưng Chính	UBND xã Hưng Chính	160,000	
1.9	Xã Nghi Phú		1.491,460	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.491,460</i>	
-	Đường bê tông và mương thoát nước xóm 19, xã Nghi Phú, thành phố Vinh	UBND xã Nghi Phú	1.491,460	
II	Tổng thị xã Hoàng Mai		5.536,460	
2.1	Xã Quỳnh Lộc		2.100,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Trụ sở UBND xã Quỳnh Lộc (nhà làm việc 6 phòng 2 tầng)	UBND xã Quỳnh Lộc	150,000	
-	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc UBND xã Quỳnh Lộc, thị xã Hoàng Mai	UBND xã Quỳnh Lộc	550,000	
-	Nhà khám, chữa bệnh và các công trình phụ trợ trạm y tế xã Quỳnh Lộc	UBND xã Quỳnh Lộc	1.100,000	
-	Đường GTNT liên thôn ngã tư thôn 5 đi ngã ba thôn 4 xã Quỳnh Lộc	UBND xã Quỳnh Lộc	300,000	
2.2	Xã Quỳnh Liên		1.000,000	
*	<i>Công trình hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Nhà học 2 tầng 12 phòng trường mầm non Quỳnh Liên, thị xã Hoàng Mai	UBND xã Quỳnh Liên	1.000,000	
2.3	Xã Quỳnh Vinh		2.436,460	
*	<i>Công trình hoàn thành</i>		<i>2.436,460</i>	
-	Xây dựng 4 phòng học chức năng, nhà bếp trường mầm non Quỳnh Vinh B	UBND xã Quỳnh Vinh	1.500,000	
-	Đường GTNT xóm 12 đi xóm 14 xã Quỳnh Vinh	UBND xã Quỳnh Vinh	436,460	
-	Đường giao thông liên thôn xã Quỳnh Vinh	UBND xã Quỳnh Vinh	500,000	
III	Tổng thị xã Thái Hòa		9.148,760	
3.1	Xã Tây Hiếu		1.491,460	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.491,460</i>	
-	Nhà học và phòng chức năng trường MN Tây Hiếu	UBND xã Tây Hiếu	1.200,000	
-	Nhà học và phòng chức năng trường TH Tây Hiếu	UBND xã Tây Hiếu	291,460	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
3.2	Xã Đông Hiếu		1.491,460	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		1.491,460	
-	Đường GTNT xóm Đông Hà đi xóm Đông Thành xã Đông Hiếu ,TX Thái Hòa	UBND xã Đông Hiếu	500,000	
-	Xây dựng nhà học 2 tầng 10 phòng trường Tiểu học Đông Hiếu	UBND xã Đông Hiếu	500,000	
-	Nhà học 2 tầng 10 phòng Trường mầm non Đông Hiếu ,TX Thái Hòa	UBND xã Đông Hiếu	491,460	
3.3	Xã Nghĩa Hòa		1.491,460	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		1.491,460	
-	Sân vận động xã nghĩa hòa và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Nghĩa Hoà	900,000	
-	Công trình phụ trợ 10 phòng làm việc khối Đoàn thể xã Nghĩa Hoà	UBND xã Nghĩa Hoà	200,000	
-	Đường GTNT từ xóm Đông Hoà đi xã Nghĩa Hoà	UBND xã Nghĩa Hoà	391,460	
3.4	Xã Nghĩa Thuận		1.591,460	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		1.591,460	
-	Nhà học 2 tầng 8 phòng, nhà ăn bán trú và nhà vệ sinh trường tiểu học Nghĩa Thuận C	UBND xã Nghĩa Thuận	591,640	
-	Đường giao thông tuyến nối QL48 đến vực Giồng Khe Sơn xã Nghĩa Thuận	UBND xã Nghĩa Thuận	500,000	
-	Đường GTNG từ trung tâm xã Nghĩa Thuận đến đường cứu hộ, cứu nạn và khu vực phát triển kinh tế vùng Tây Bắc Nghệ An	UBND xã Nghĩa Thuận	499,820	
3.5	Xã Nghĩa Mỹ		1.591,460	
*	<i>Công trình trả nợ</i>		1.591,460	
-	Nhà học 04 phòng học, nhà chức năng và các hạng mục phụ trợ của Trường Mầm non Nghĩa Mỹ	UBND xã Nghĩa Mỹ	700,000	
-	Nhà văn hóa đa chức năng xã Nghĩa Mỹ	UBND xã Nghĩa Mỹ	200,000	
-	Tuyến đường Giao thông nông thôn nối Q1 48 với đường Hồ Chí Minh đoạn qua xóm 10, xã Nghĩa Mỹ, thị xã Thái Hòa	UBND xã Nghĩa Mỹ	491,460	
-	Đường Giao thông từ Quốc lộ 48 đến trường tiểu học xã Nghĩa Mỹ	UBND xã Nghĩa Mỹ	100,000	
-	Làm mới kênh mương cánh Đồng Vại, xóm Nghĩa Dũng, xã Nghĩa Mỹ.	UBND xã Nghĩa Mỹ	100,000	
3.6	Xã Nghĩa Tiến		1.491,460	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		1.491,460	
-	5 phòng học, 3 phòng chức năng Trường TH Nghĩa Tiến	UBND xã Nghĩa Tiến	1.491,460	
IV	Tổng huyện Con Cuông		19.800,000	
4.1	Xã Môn Sơn		2.100,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		1.450,000	
-	Đường giao thông từ bản Nam Sơn đi bản Thái Hòa xã Môn Sơn, huyện Con Cuông.	UBND xã Môn Sơn	1.450,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		650,000	
-	Đường giao thông nội thôn Thái Sơn đi Cửa Rào	UBND xã Môn Sơn	650,000	
4.2	Xã Bình Chuẩn		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		2.100,000	
-	Làm mới đường giao thông vào khu sản xuất bản Mết	UBND xã Bình Chuẩn	1.100,000	
-	Đường giao thông nội thôn bản Xiềng xã Bình Chuẩn	UBND xã Bình Chuẩn	1.000,000	
4.3	Xã Cam Lâm		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		2.100,000	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Công trình Đường bê tông (đoạn tuyến từ Khe Phường, bản Cống - đến bản Cai chiều dài 1,4km .	UBND xã Cam Lâm	1.400,000	
-	Công trình kè chống sạt lở xuy vàng (đoạn đường đi Bạch Sơn + Chống sạt lở bản Cai)	UBND xã Cam Lâm	700,000	
4.4	Xã Châu Khê		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Đường giao thông nội đồng từ Bãi Gạo đi 2/9 xã Châu Khê	UBND xã Châu Khê	1.600,000	
-	Xây dựng Kênh mương Khe Nóng	UBND xã Châu Khê	500,000	
4.5	Xã Lục Dạ		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Xây dựng cầu dân sinh Khe Cá bản Lục Sơn xã Lục Dạ	UBND xã Lục Dạ	1.798,000	
-	Xây mới cống qua khe Cọ bản Kim Đa	UBND xã Lục Dạ	302,000	
4.6	Xã Mậu Đức		2.100,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.968,000</i>	
-	Công trình đường GTNT từ Bản Chòm Bỏi đi Bản Chòm Muộng, Mậu Đức	UBND xã Mậu Đức	1.000,000	
-	Xây mới nhà 2 tầng Trạm y tế xã	UBND xã Mậu Đức	968,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>132,000</i>	
-	Làm đường nội đồng bản Kê Nóc	UBND xã Mậu Đức	132,000	
4.7	Xã Thạch Ngàn		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Xây dựng công trình đập thủy lợi bản Kê Tắt	UBND xã Thạch Ngàn	2.100,000	
4.8	Xã Đôn Phục		2.100,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>640,000</i>	
-	Trụ sở UBND xã Đôn Phục, huyện Con Cuông	UBND xã Đôn Phục	640,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.460,000</i>	
-	Cầu vượt lũ Khe Phèn, bản Phục, xã Đôn Phục	UBND xã Đôn Phục	1.460,000	
4.9	Xã Yên Khê		1.000,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Xây mới đường bê tông bản Trung Chính	Xã Yên Khê	1.000,000	
4.10	Xã Chi Khê		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Xây dựng đập dâng Na Cày, xã Chi Khê, huyện Con Cuông.	UBND xã Yên Khê	762,000	
-	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa cộng đồng thôn Liên Đình	UBND xã Yên Khê	238,000	
4.10	Xã Lạng Khê		1.000,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Đường giao thông bản Boong xã Lạng Khê	UBND xã Yên Khê	1.000,000	
V	Tổng huyện Đô Lương		28.308,716	
5.1	Xã Lưu Sơn		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>500,000</i>	
-	Đường nối ngã tư cầu Đô Lương đến chợ Sỏi xá Lưu Sơn	UBND xã Lưu Sơn	500,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>500,000</i>	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Xây dựng nhà học 5 phòng, 1 phòng hiệu vụ và nhà vệ sinh trường mầm non xã Lưu Sơn	UBND xã Lưu Sơn	500,000	
5.2	Xã Thượng Sơn		1.000,000	
*	Dự án hoàn thành		1.000,000	
-	Nhà văn hóa nhà truyền thống xã Thượng Sơn	UBND xã Thượng Sơn	1.000,000	
5.3	Xã Tân Sơn		1.500,000	
*	Dự án chuyển tiếp		1.500,000	
-	Xây dựng nhà chức năng văn phòng trường THCS Kim Đồng cụm 2 xã Tân Sơn	UBND xã Tân Sơn	291,460	
-	Xây dựng nhà học 2 tầng trường tiểu học xã Tân sơn	UBND xã Tân Sơn	1.208,540	
5.4	Xã Thái Sơn		1.000,000	
*	Dự án hoàn thành		1.000,000	
-	Đường GTNT đi từ đường Khuôn Đại Sơn đến kênh N3 xã Thái Sơn	UBND xã Thái Sơn	900,000	
-	Đường giao thông nông thôn thuộc Chương trình MTQG Xây dựng NTM năm 2015 xóm 1, xã Thái Sơn	UBND xã Thái Sơn	100,000	
5.5	Xã Thuận Sơn		2.390,460	
*	Dự án khởi công mới		2.390,460	
-	Trạm y tế xã Thuận Sơn	UBND xã Thuận Sơn	2.390,460	
5.6	Xã Yên Sơn		1.000,000	
*	Dự án hoàn thành		1.000,000	
-	Xây dựng chợ Yên Sơn	UBND xã Yên Sơn	1.000,000	
5.7	Xã Văn Sơn		1.000,000	
*	Dự án hoàn thành		1.000,000	
-	Xây dựng nhà văn hóa đa chức năng xã Văn Sơn	UBND xã Văn Sơn	500,000	
-	Kênh tưới tiêu Đồng Cam đi Xéo Cờ đến Đồng Quan, Cao sản - Ra đa	UBND xã Văn Sơn	500,000	
5.8	Xã Hòa Sơn		1.000,000	
*	Dự án hoàn thành		1.000,000	
-	Nhà đa chức năng trường tiểu học xã Hòa Sơn	UBND xã Hòa Sơn	1.000,000	
5.9	Xã Lam Sơn		1.000,000	
*	Dự án khởi công mới		1.000,000	
-	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường nối từ đường Lam Giang đi qua xóm 9, xóm 6, xã Lam Sơn huyện Đô Lương	UBND xã Lam Sơn	1.000,000	
5.10	Xã Mỹ Sơn		1.000,000	
*	Dự án khởi công mới		1.000,000	
-	Xây dựng chợ nông thôn xã Mỹ Sơn	UBND xã Mỹ Sơn	1.000,000	
5.11	Xã Giang Sơn Tây		1.000,000	
*	Dự án hoàn thành		1.000,000	
-	Năm phòng học trường mầm non	UBND xã Giang Sơn Tây	1.000,000	
5.12	Xã Ngọc Sơn		1.000,000	
*	Dự án khởi công mới		1.000,000	
-	Xây dựng tuyến đường vào công sở và các tuyến đường liên xóm xã Ngọc Sơn	UBND xã Ngọc Sơn	1.000,000	
5.13	Xã Lạc Sơn		490,460	
*	Dự án hoàn thành		150,000	

Handwritten signature

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Thiết chế văn hóa 09 xóm	UBND xã Lạc Sơn	150,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>340,460</i>	
-	8 phòng 2 tầng nhà chức năng trường tiểu học	UBND xã Lạc Sơn	340,460	
5.14	Xã Bắc Sơn		2.213,898	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>739,532</i>	
-	Tu sửa phòng học, phòng làm việc, xây dựng cổng, tường rào, nhà xe trường mầm non xã Bắc Sơn	UBND xã Bắc Sơn	739,532	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.474,366</i>	
-	Đắp đất, làm tường rào, sân khấu sân vận động xã Bắc Sơn	UBND xã Bắc Sơn	1.474,366	
5.15	Xã Đà Sơn		2.213,898	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>2.149,498</i>	
-	Công trình 3 phòng học tầng 2 trường tiểu học	UBND xã Đà Sơn	1.047,900	
-	Đường nối QL46-QL15	UBND xã Đà Sơn	116,598	
-	Công trình sửa chữa, nâng cấp đường GTNT	UBND xã Đà Sơn	985,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>64,400</i>	
-	Công trình nhà học bộ môn trường THCS Nguyễn Quốc Trị	UBND xã Đà Sơn	64,400	
5.16	Xã Bài Sơn		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>656,264</i>	
-	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm giao dịch một cửa và văn phòng tiếp dân UBND xã Bài Sơn	UBND xã Bài Sơn	361,956	
-	Nâng cấp mở rộng 2 phòng học Trường THCS Bài Sơn	UBND xã Bài Sơn	294,308	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>343,736</i>	
-	Nâng cấp đường giao thông liên xóm Đô Sơn đến Thái Sơn	UBND xã Bài Sơn	343,736	
5.17	Xã Xuân Sơn		1.500,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.500,000</i>	
-	Xây dựng hệ thống kênh mương giao thông nông thôn xã Xuân Sơn	UBND xã Xuân Sơn	1.500,000	
5.18	Xã Minh Sơn		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Xây dựng nhà làm việc Đảng ủy - HĐND-UBND và các đoàn thể xã Minh Sơn	UBND xã Minh Sơn	1.000,000	
5.19	Xã Giang Sơn Đông		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Nhà văn hóa đa chức năng xã Giang Sơn Đông	UBND xã Giang Sơn Đông	1.000,000	
5.20	Xã Nam Sơn		1.000,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Bọ buồng nối từ Quốc lộ 7 đi trường THCS xã Nam Sơn	UBND xã Nam Sơn	1.000,000	
5.21	Xã Quang Sơn		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>469,000</i>	
-	Xây dựng nhà 2 phòng học trường mầm non xã Quang Sơn	UBND xã Quang Sơn	469,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>531,000</i>	
-	Xây dựng nhà khám chữa bệnh 2 tầng 16 phòng, khuôn viên, bờ rào trạm y tế xã Quang Sơn	UBND xã Quang Sơn	531,000	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
5.22	Xã Trù Sơn		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Đường bê tông từ xóm 7 đi xóm 10	UBND xã Trù Sơn	600,000	
-	Đường bê tông từ xóm 5 đi đồng Khu Ang	UBND xã Trù Sơn	400,000	
5.23	Xã Nhân Sơn		1.000,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Xây dựng đường giao thông nông thôn liên xóm, xóm 1 đi xóm 6 xã Nhân Sơn	UBND xã Nhân Sơn	1.000,000	
5.24	Xã Hồng Sơn		1.000,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Sửa chữa, nâng cấp Sân vận động thể dục thể thao xã Hồng Sơn	UBND xã Hồng Sơn	1.000,000	
VI	Tổng huyện Nghi Lộc		31.923,278	
6.1	Xã Nghi Yên		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Xây dựng đường GTNT từ Tiền Phong đi trung tâm xã Nghi Yên	UBND xã Nghi Yên	2.100,000	
6.2	Xã Nghi Tiến		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Xây dựng đường giao thông nông thôn liên xóm 9,10,11,12	UBND xã Nghi Tiến	2.100,000	
6.3	Xã Nghi Thiết		2.100,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Trụ sở UBND xã Nghi Thiết	UBND xã Nghi Thiết	970,000	
-	Công trình nhà học và các hạng mục phụ trợ trường THCS Tiến-Thiết, điểm trường Nghi Thiết	UBND xã Nghi Thiết	1.130,000	
6.4	Xã Nghi Quang		2.100,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Xây dựng nhà hiệu bộ và các công trình phụ trợ Trường trung học cơ sở xã Nghi Quang	UBND xã Nghi Quang	2.100,000	
6.5	Xã Nghi Hoa		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Xây dựng Nhà văn Hóa kiêm hội trường xã Nghi Hoa	UBND xã nghi Hoa	1.000,000	
6.6	Xã Nghi Long		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Xây dựng nhà học 4 phòng và công trình phụ trợ trường mầm non xã Nghi Long- huyện Nghi lộc	UBND xã Nghi Long	721,000	
-	Xây dựng Nhà học 10 phòng 2 tầng trường THCS xã Nghi Long	UBND xã Nghi Long	279,000	
6.7	Xã Nghi Thịnh		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Nhà học 8 phòng Trường tiểu học xã Nghi Thịnh	UBND xã Nghi Thịnh	500,000	
-	Sân vận động xã Nghi Thịnh	UBND xã Nghi Thịnh	500,000	
6.8	Xã Phúc Thọ		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Nhà đa chức năng và phòng học trường trung học cơ sở	UBND xã Phúc Thọ	1.000,000	
6.9	Xã Nghi lâm		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Công trình nhà học 2 tầng 4 phòng Trường mầm non xã Nghi Lâm	UBND xã Nghi Lâm	1.000,000	
6.10	Xã Nghi Mỹ		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông nông thôn tuyến từ TL 534- xã Nghi Mỹ - Nghi Công Bắc, huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Mỹ	1.000,000	
6.11	Xã Nghi Trung		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Đường giao thông làng nghề sản xuất bánh cốm Đông Thuận xóm 21, xã Nghi Trung	UBND xã Nghi Trung	1.000,000	
6.12	Xã Nghi Kiều		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Đường giao thông nông thôn từ xóm 2 đến xóm 1 B	UBND xã nghi Kiều	700,000	
-	Tôn tạo Nghĩa trang xã Nghi Kiều	UBND xã nghi Kiều	300,000	
6.13	Xã Nghi Công Bắc		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Nâng cấp sửa chữa trạm bơm nhà nỏ	UBND xã Nghi Công Bắc	300,000	
-	Xây dựng nhà học 2 tầng 6 phòng và các công trình phụ trợ Trường mầm non xã Nghi Công Bắc	UBND xã Nghi Công Bắc	700,000	
6.14	Xã Nghi Trường		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Công trình các tuyến đường đi các nghĩa trang, nghĩa địa: xóm 2,3,8 và xóm 13	UBND xã Nghi Trường	1.000,000	
6.15	Xã Nghi Văn		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Xây dựng nhà làm việc Đảng ủy, UBMTTQ và các tổ chức đoàn thể xã Nghi Văn	UBND xã Nghi Văn	1.000,000	
6.16	Xã Nghi Công Nam		2.436,460	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>2.436,460</i>	
-	Xây dựng Nhà đa chức năng Trường mầm non xã Nghi Công Nam, huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Công Nam	2.436,460	
6.17	Xã Nghi Phương		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>700,000</i>	
-	Trạm y tế xã Nghi Phương	UBND xã Nghi Phương	700,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>300,000</i>	
-	Xây dựng nhà học 2 tầng 10 phòng học, trường tiểu học xã Nghi Phương (cơ sở 2), huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Phương	300,000	
6.18	Xã Nghi Hưng		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Nhà làm việc khối dân	UBND xã Nghi Hưng	500,000	
-	Nhà học và các phòng chức năng trường mầm non xã Nghi Hưng	UBND xã Nghi Hưng	500,000	
6.19	Xã Nghi Diên		2.436,460	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>2.436,460</i>	
-	Công trình sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh mương tưới tiêu từ xóm 6 đến đồng Kê Gai, xóm 5 đi xuống đội bùn và đồng xóm 4 xã	UBND xã Nghi Diên	500,000	
-	Trạm y tế xã Nghi Diên	UBND xã Nghi Diên	500,000	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Chợ xã Nghi Diên	UBND xã Nghi Diên	836,460	
-	Đường bê tông nối từ đường tránh Vinh đến cổng trường tiểu học xã Nghi Diên	UBND xã Nghi Diên	500,000	
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối từ đường tránh Vinh đi xóm 1 xã Nghi Diên	UBND xã Nghi Diên	100,000	
6.20	Xã Nghi Thuận		1.000,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Công trình đường nối đường N5 qua UBND xã ra Quốc lộ 1A	UBND xã Nghi Thuận	1.000,000	
6.21	Xã Nghi Thạch		2.213,898	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>600,000</i>	
-	Sửa chữa, nâng cấp tuyến mương tiêu từ đường nhựa Thạch Trường đến núi đá Dựng đoạn qua xóm Đông Thạch xã Nghi Thạch	UBND xã Nghi Thạch	600,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.613,898</i>	
-	Đường nối từ đường nhựa Thạch Trường xuống đường Phong Thạch qua xóm Đông Thạch xã Nghi Thạch	UBND xã Nghi Thạch	1.613,898	
6.22	Xã Nghi Xá		1.436,460	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>636,460</i>	
-	Nâng cấp, sửa chữa tuyến mương cây Đa Cửa Lối xã Nghi Xá	UBND xã Nghi Xá	436,000	
-	Nhà học 2 tầng 6 phòng trường MN Nghi Xá	UBND xã Nghi Xá	100,000	
-	Trạm y tế xã Nghi Xá	UBND xã Nghi Xá	100,460	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>100,000</i>	
-	Sân vận động trung tâm xã Nghi Xá	UBND xã Nghi Xá	100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>700,000</i>	
-	Nhà học và hiệu bộ 2 tầng Trường trung học cơ sở Nghi Xá, Nghi Lộc	UBND xã Nghi Xá	700,000	
6.23	Xã Nghi Hợp		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Công trình mương tiêu úng vùng màu	UBND xã Nghi Hợp	400,000	
-	Cải tạo, nâng cấp văn phòng làm việc và các công trình phụ trợ Trường mầm non xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Hợp	300,000	
-	Sân vận động trung tâm xã Nghi Hợp	UBND xã Nghi Hợp	300,000	
VII	Tổng huyện Quỳnh Lưu		28.500,052	
7.1	Xã Quỳnh Thọ		2.100,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Quỳnh Thọ	UBND xã Quỳnh Thọ	2.100,000	
7.2	Xã Quỳnh Long		2.100,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>900,000</i>	
-	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND và Hội trường kiêm nhà văn hóa xã Quỳnh Long	UBND xã Quỳnh Long	900,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.200,000</i>	
-	Kênh tiêu nước các thôn: Thanh Công, Đại Hải, Đại Tân, Minh Thành và Cộng Hòa xã Quỳnh Long	UBND xã Quỳnh Long	300,000	
-	Nhà học 2 tầng 14 phòng Trường THCS xã Quỳnh Long	UBND xã Quỳnh Long	900,000	
7.3	Xã Tân Thắng		1.000,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.000,000</i>	

Handwritten signature/initials

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Công trình phụ trợ cụm trường mầm non Tân Việt, xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Tân Thắng	1.000,000	
7.4	Xã Quỳnh Diễn		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Đường GTNT xã Quỳnh Diễn, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Diễn	1.000,000	
7.5	Xã Quỳnh Minh		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Nhà học 2 tầng, 6 phòng học trường Mầm non xã Quỳnh Minh	UBND Xã Quỳnh Minh	1.000,000	
7.6	Xã Quỳnh Bảng		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Xây dựng nhà học đa chức năng trường THCS xã Quỳnh Bảng	UBND xã Quỳnh Bảng	472,000	
-	Cải tạo nâng cấp sân trường THCS xã Quỳnh Bảng	UBND xã Quỳnh Bảng	528,000	
7.7	Xã Quỳnh Hưng		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Nhà văn hóa đa chức năng xã Quỳnh Hưng	UBND xã Quỳnh Hưng	500,000	
-	Cải tạo nâng cấp đường GT nông thôn xã Quỳnh Hưng	UBND xã Quỳnh Hưng	500,000	
7.8	Xã Ngọc Sơn		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Nhà học 02 tầng 12 phòng trường tiểu học xã Ngọc Sơn	UBND xã Ngọc Sơn	400,000	
-	Đường GTNT tuyến Ngọc Sơn đi QL48 (đoạn xã Ngọc Sơn, Quỳnh Lưu)	UBND xã Ngọc Sơn	600,000	
7.9	Xã Quỳnh Bá		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Nâng cấp xây dựng chợ xã Quỳnh Bá	UBND xã Quỳnh Bá	590,000	
-	Xây dựng Khuôn viên UBND xã Quỳnh Bá	UBND xã Quỳnh Bá	410,000	
7.10	Xã Tân Sơn		1.000,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Nhà học 2 tầng 8 phòng trường THCS Tân Sơn, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Tân Sơn	1.000,000	
7.11	Xã Quỳnh Yên		490,460	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>490,460</i>	
-	Nhà làm việc 2 tầng HĐND-UBND xã Quỳnh Yên	UBND xã Quỳnh Yên	490,460	
7.12	Xã Quỳnh Thắng		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Dự án Đường GTNT từ xóm 1 đến xóm 13 xã Quỳnh Thắng	UBND xã Quỳnh Thắng	1.000,000	
7.13	Xã Quỳnh Thanh		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Đường giao GTNT xã Quỳnh Thanh, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Thanh	1.000,000	
7.14	Xã Quỳnh Lâm		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Nhà làm việc 3 tầng trụ sở HĐND - UBND xã Quỳnh Lâm	UBND xã Quỳnh Lâm	900,000	
-	Cải tạo nâng cấp khuôn viên nhà vệ sinh trường tiểu học Quỳnh Lâm A	UBND xã Quỳnh Lâm	100,000	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
7.15	Xã Quỳnh Hoa		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Xây dựng tuyến đường Quỳnh Hoa - Quỳnh Mỹ	UBND xã Quỳnh Hoa	1.000,000	
7.16	Xã Quỳnh Tân		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Đường GTNT từ Quốc lộ 48E đến nhà văn hóa thôn 10 xã Quỳnh Tân, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Tân	1.000,000	
7.17	Xã Quỳnh Châu		2.213,898	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>2.213,898</i>	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT tuyến từ QL 48B đi thôn 5 và thôn 3 xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Châu	700,898	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT (Phục vụ NTM) tuyến từ QL 48A đi thôn 8 và QL 48A đi thôn Hưng Tân xã Quỳnh Châu, huyện	UBND xã Quỳnh Châu	813,000	
-	Trạm Y tế xã Quỳnh Châu, Quỳnh Lưu.	UBND xã Quỳnh Châu	700,000	
7.18	Xã An Hòa		2.167,898	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>300,000</i>	
-	Trạm y tế xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã An Hòa	300,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.867,898</i>	
-	Đường GTNT mới Nam Tiến đi thôn Quyết Thắng đến thôn Toàn Mỹ	UBND xã An Hòa	550,898	
-	Đường GTNT mới Tân Thắng đi Tân Thịnh	UBND xã An Hòa	350,000	
-	Nhà học 2 tầng 12 phòng trường Tiểu học xã An Hòa	UBND xã An Hòa	617,000	
-	Nhà học 2 tầng 12 phòng trường mầm non xã An Hòa	UBND xã An Hòa	350,000	
7.19	Xã Quỳnh Mỹ		2.213,898	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>413,898</i>	
-	Dự án nâng cấp kênh dẫn trạm bơm thôn 1 HTX Sơn Mỹ, xã Quỳnh Mỹ	UBND xã Quỳnh Mỹ	413,898	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.800,000</i>	
-	Xây dựng nhà Văn hóa đa chức năng xã Quỳnh Mỹ	UBND xã Quỳnh Mỹ	1.100,000	
-	Nâng cấp sân vận động xã xã Quỳnh Mỹ	UBND xã Quỳnh Mỹ	700,000	
7.20	Xã Sơn Hải		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Cải tạo nâng đường GTNT xã Sơn Hải huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Sơn Hải	1.000,000	
7.21	Xã Quỳnh Thuận		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>460,000</i>	
-	Trụ sở là việc UBND xã Quỳnh Thuận	UBND xã Quỳnh Thuận	460,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>540,000</i>	
-	Xây dựng nhà văn hóa đa chức năng xã Quỳnh Thuận	UBND xã Quỳnh Thuận	540,000	
7.22	Xã Quỳnh Văn		2.213,898	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>2.213,898</i>	
-	Dự án cải tạo, nâng cấp 2 tuyến đường liên thôn từ Quốc lộ 1 A - thôn 16 - nhà văn hóa thôn 14 đến đường nhựa thôn 5 xã Quỳnh	UBND xã Quỳnh Văn	2.213,898	
VIII	Tổng huyện Quế Phong		23.000,000	
8.1	Xã Nậm Nhóng		2.100,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.286,600</i>	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND - UBND và các đoàn thể xã Nậm Nhoóng, huyện Quế Phong	UBND xã Nậm Nhoóng	1.286,600	
*	Dự án khởi công mới		813,400	
-	Nước sinh hoạt bản Na Khích, xã Nậm Nhoóng, huyện Quế Phong	UBND xã Nậm Nhoóng	813,400	
8.2	Xã Cẩm Muộn		2.100,000	
*	Dự án hoàn thành		133,000	
-	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Cẩm Muộn	UBND huyện Quế Phong	133,000	
*	Dự án khởi công mới		1.967,000	
-	Nhà văn hóa cộng đồng bản Mòng 2, xã Cẩm Muộn, huyện Quế Phong	UBND xã Cẩm Muộn	900,000	
-	Nhà đa chức năng Trường Mầm non Cẩm Muộn, xã Cẩm Muộn	UBND xã Cẩm Muộn	1.067,000	
8.3	Xã Nậm Giải		2.100,000	
*	Dự án chuyển tiếp		530,000	
-	Đường giao thông nông thôn bản Cáng, xã Nậm Giải	UBND xã Nậm Giải	530,000	
*	Dự án khởi công mới		1.570,000	
-	Đường giao thông nông thôn bản Cáng - bản Pục (giai đoạn 1), xã Nậm Giải, huyện Quế Phong	UBND xã Nậm Giải	1.570,000	
8.4	Xã Hạnh Dịch		2.100,000	
*	Dự án khởi công mới		2.100,000	
-	Đường giao thông nông thôn bản Pà Kim, xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong	UBND xã Hạnh Dịch	200,000	
-	Đường giao thông nông thôn bản Cống, xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong	UBND xã Hạnh Dịch	260,890	
-	Các phòng chức năng Nhà văn hóa xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong	UBND xã Hạnh Dịch	1.639,110	
8.5	Xã Đồng Văn		1.000,000	
*	Dự án khởi công mới			
-	Trạm hạ thế, đường điện 0,4Kv cấp điện bản Đồng Tiến và bản Khùn Na, xã Đồng Văn	UBND xã Đồng Văn	1.000,000	
8.6	Xã Châu Thôn		2.100,000	
*	Dự án khởi công mới		2.100,000	
-	Đường giao thông bản Pòi -Piếng bản Hày, xã Châu Thôn, huyện Quế Phong	UBND xã Châu Thôn	563,000	
-	Nhà văn hóa cộng đồng bản Na Pục, xã Châu Thôn, huyện Quế Phong	UBND xã Châu Thôn	100,000	
-	Đường giao thông nông thôn Na Tý - Na Có, xã Châu Thôn, huyện Quế Phong	UBND xã Châu Thôn	1.437,000	
8.7	Xã Quang Phong		2.100,000	
*	Dự án khởi công mới		2.100,000	
-	Đường giao thông nông thôn bản Cào - bản Chiềng, xã Quang Phong	UBND xã Quang Phong	430,000	
-	Đường giao thông nông thôn bản Páo 2 - bản Páo 1, xã Quang Phong, huyện Quế Phong	UBND xã Quang Phong	1.670,000	
8.8	Xã Thông Thụ		2.100,000	
*	Dự án khởi công mới		2.100,000	
-	Đường giao thông nông thôn bản Mường Phú, xã Thông Thụ, huyện Quế Phong	UBND xã Thông Thụ	930,000	
-	Đường giao thông nông thôn bản Mường Piệt, xã Thông Thụ, huyện Quế Phong	UBND xã Thông Thụ	800,000	
-	Xây dựng, mở rộng hệ thống cấp điện lưới nông thôn bản Mường Piệt, xã Thông Thụ, huyện Quế Phong	UBND xã Thông Thụ	370,000	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
8.9	Xã Tri Lễ		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Đường giao thông liên thôn xóm Chợ, xã Tri Lễ, huyện Quế Phong	UBND xã Tri Lễ	250,000	
-	Nhà văn hóa cộng đồng bản Piêng Luống, xã Tri Lễ, huyện Quế Phong	UBND xã Tri Lễ	700,000	
-	Nhà văn hóa cộng đồng bản Ná Cấn, xã Tri Lễ, huyện Quế Phong	UBND xã Tri Lễ	700,000	
-	Nhà văn hóa cộng đồng bản Ná Ca, xã Tri Lễ, huyện Quế Phong	UBND xã Tri Lễ	450,000	
8.10	Xã Châu Kim		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Xây dựng nhà đa chức năng trường mầm non Châu Kim, xã Châu Kim	UBND xã Châu Kim	1.830,000	
-	Nhà văn hóa cộng đồng bản Cọ, xã Châu Kim, huyện Quế Phong	UBND xã Châu Kim	270,000	
8.11	Xã Mường Nọc		2.100,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Nhà học 02 tầng trường mầm non Mường Nọc, xã Mường Nọc, huyện Quế Phong	UBND xã Mường Nọc	2.100,000	
8.12	Xã Tiên Phong		1.000,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Nhà văn hóa cộng đồng bản Phương Tiến 1, xã Tiên Phong, huyện Quế Phong	UBND xã Tiên Phong	500,000	
-	Nhà văn hóa cộng đồng bản Đan 1, xã Tiên Phong, huyện Quế Phong	UBND xã Tiên Phong	500,000	
IX	Tổng huyện Diên Châu		34.392,872	
9.1	Xã Diên Vạn		2.100,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>556,000</i>	
-	Nhà học 2 tầng 6 phòng trường mầm non xã Diên Vạn.	UBND xã Diên Vạn	80,000	
-	Cải tạo, Nâng cấp, xây dựng sân vận động xã Diên Vạn	UBND xã Diên Vạn	476,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.544,000</i>	
-	Nhà đa chức năng trường THCS Vạn Phong xã Diên Vạn	UBND xã Diên Vạn	1.544,000	
9.2	Xã Diên Trung		2.100,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Nâng cấp đường GTNT xóm 12a đi 11	UBND xã Diên Trung	1.500,000	
-	Dự án Nhà học 2 tầng 10 phòng Trường Trung học cơ sở Diên Trung	UBND xã Diên Trung	600,000	
9.3	Xã Diên Bích		2.100,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>410,000</i>	
-	San nền đường bê tông Chợ Diên Bích	UBND xã Diên Bích	410,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.690,000</i>	
-	Cổng hàng rào và Nhà văn hóa cộng đồng xã Diên Bích	UBND xã Diên Bích	1.690,000	
9.4	Xã Diên Hải		2.182,156	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>358,000</i>	
-	Đường GTNT liên xã Diên Hải	UBND xã Diên Hải	358,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.824,156</i>	
-	6 phòng học trường Mầm Non xã Diên Hải	UBND xã Diên Hải	1.824,156	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
9.5	Xã Diễn Kim		2.100,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>779,000</i>	
-	Đường GTNT tuyến Kim Vạn Hồng	UBND xã Diễn Kim	779,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.321,000</i>	
1	Xây dựng các tuyến đường GTNT từ xóm Hoàng Châu đến xóm Bắc Liên xã Diễn Kim	UBND xã Diễn Kim	1.321,000	
9.6	Xã Diễn Hùng		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>397,000</i>	
-	Sửa chữa, nâng cấp kênh tiêu đồng màu xã Diễn Hùng, huyện Diễn Châu	UBND xã Diễn Hùng	397,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>603,000</i>	
-	Đường GTNT liên xã xóm 1 đi xóm 10 (Đoạn xóm 4 đi xóm 7)	UBND xã Diễn Hùng	603,000	
9.7	Xã Diễn Thành		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Mương tiêu đồng màu xã Diễn Thành	UBND xã Diễn Thành	1.000,000	
9.8	Xã Diễn Phong		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Trụ sở làm việc UBND xã Diễn Phong	UBND xã Diễn Phong	662,000	
-	Hạ tầng GTNT xã Diễn Phong	UBND xã Diễn Phong	338,000	
9.9	Xã Diễn Nguyên		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Xây dựng trường tiểu học Diễn Nguyên huyện Diễn châu	UBND xã Diễn Nguyên	1.000,000	
9.10	Xã Diễn Hoa		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Nhà học 2 tầng 6 phòng trường tiểu học D.Hoa	UBND xã Diễn Hoa	200,000	
-	Đường giao thông từ Bưu điện đến chợ Hôm	UBND xã Diễn Hoa	70,000	
-	Nhà học 2 tầng 2 phòng trường tiểu học	UBND xã Diễn Hoa	205,000	
-	XD nhà học 2 phòng trường MN	UBND xã Diễn Hoa	525,000	
9.11	Xã Diễn Lộc		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.000,000</i>	
-	XD các tuyến đường vào các khu bãi rác xã Diễn Lộc	UBND xã Diễn Lộc	1.000,000	
9.12	Xã Diễn Liên		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Trạm bơm Đập tràn Diễn Liên	UBND xã Diễn Liên	1.000,000	
9.13	Xã Diễn Thọ		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Xây dựng sân vận động kết hợp khu thể thao xã Diễn Thọ	UBND xã Diễn Thọ	1.000,000	
9.14	Xã Diễn Đồng		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Cải tạo kênh N8-31 và xây mới kênh T6 xã Diễn Đồng	UBND xã Diễn Đồng	1.000,000	
9.15	Xã Diễn Trường		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>800,000</i>	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Đường Liên xã Diên Trường đi xã Quỳnh Diên và xã Diên Hoàng	UBND xã Diên Trường	800,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>200,000</i>	
-	Nâng cấp, cải tạo, sân, vườn và các hạng mục phụ trợ khác Trường tiểu học xã Diên Trường	UBND xã Diên Trường	200,000	
9.16	Xã Diên Kỳ		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Bãi rác thải tập trung xã Diên Kỳ	UBND xã Diên Kỳ	500,000	
-	Xây dựng chợ Sý xã Diên Kỳ	UBND xã Diên Kỳ	500,000	
9.17	Xã Diên Tháp		691,460	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>691,460</i>	
-	Nhà học 2 tầng, 8 phòng trường Tiểu học Diên Tháp	UBND xã Diên Tháp	691,460	
9.18	Xã Diên Thái		691,460	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>691,460</i>	
-	Sửa chữa, nâng cấp Trường THCS xã Diên Thái	UBND xã Diên Thái	391,460	
-	Sân vận động xã Diên Thái	UBND xã Diên Thái	300,000	
9.19	Xã Diên Lâm		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Nhà học 2 tầng 8 phòng trường Tiểu học Diên Lâm I, xã Diên Lâm	UBND xã Diên Lâm	1.000,000	
9.20	Xã Diên Hạnh		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Nhà văn hóa cộng đồng	UBND xã Diên Hạnh	397,000	
-	Đường 205 đi nhà bà Châu xóm 1 và từ đường 205 đến nhà ông Vinh xóm 3	UBND xã Diên Hạnh	87,000	
-	Nâng cấp sân vận động xã Diên Hạnh	UBND xã Diên Hạnh	516,000	
9.21	Xã Diên Đoài		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	XD khu nuôi cá rô phi đơn tính xuất khẩu xã Diên Đoài	UBND xã Diên Đoài	1.000,000	
9.22	Xã Diên Cát		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Xây dựng các hạng mục phụ trợ Trạm y tế	UBND xã Diên Cát	393,000	
-	Nâng cấp sân vận động xã Diên Cát	UBND xã Diên Cát	357,000	
-	Sửa chữa nhà văn hoá xã và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Diên Cát	250,000	
9.23	Xã Diên Bình		2.213,898	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>2.213,898</i>	
-	Sửa chữa nâng cấp tuyến mương từ xóm 1 đến xóm 7 sang xóm 4 xã Diên Bình, huyện Diên Châu	UBND xã Diên Bình	1.000,000	
-	Công trình Đường giao thông nông thôn	UBND xã Diên Bình	1.213,898	
9.24	Xã Diên Tân		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Dự án: Xây dựng sân trung tâm văn hóa thể dục thể thao của xã	UBND xã Diên Tân	1.000,000	
9.25	Xã Diên Lợi		1.000,000	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
*	Dự án khởi công mới		1.000,000	
-	Nhà học và đa chức năng Trường THCS Diên Lợi	UBND xã Diên Lợi	1.000,000	
9.26	Xã Diên Thắng		2.213,898	
*	Dự án hoàn thành		1.428,000	
-	Nhà bếp trường tiểu học	UBND xã Diên Thắng	291,000	
-	Phòng học chức năng trường THCS Thắng Minh	UBND xã Diên Thắng	113,000	
-	San nền đổ đất sân trường mầm non	UBND xã Diên Thắng	260,000	
-	Cổng tường rào trường mầm non	UBND xã Diên Thắng	260,000	
-	Nhà học 4 phòng trường mầm non	UBND xã Diên Thắng	200,000	
-	Khu vệ sinh nhà hiệu bộ giếng bể sân chơi	UBND xã Diên Thắng	304,000	
*	Dự án chuyển tiếp		785,898	
-	Đường GTNT từ xóm 1 về trường tiểu học xã Diên Thắng	UBND xã Diên Thắng	785,898	
9.27	Xã Diên Ngọc		1.000,000	
*	Dự án hoàn thành		1.000,000	
-	Hạ tầng các làng nghề TTCN xã Diên ngọc	UBND xã Diên Ngọc	1.000,000	
X	Tổng huyện Quỳnh Châu		22.000,000	
10.1	Xã Châu Hạnh		2.100,000	
*	Dự án hoàn thành		1.590,000	
-	Đường GT từ bản Khe Mỹ, đi trung tâm xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Hạnh	1.590,000	
*	Dự án khởi công mới		510,000	
-	Đường GTNT bản Na Ca, xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Hạnh	510,000	
10.2	Xã Châu Thắng		2.100,000	
*	Dự án khởi công mới		2.100,000	
-	Hệ thống thủy lợi từ đập thủy điện Châu Thắng đến bản Càng - Bài, xã Châu Thắng, huyện Quỳnh Châu	Xã Châu Thắng	2.100,000	
10.3	Xã Châu Tiến		2.100,000	
*	Công trình chuyển tiếp		1.630,000	
-	Sân vận động xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Tiến	530,000	
*	Dự án khởi công mới		470,000	
-	Nhà học 01 phòng Trường Mầm non Bản Hồng Tiến 1 xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Tiến	470,000	
-	Xây dựng nhà văn hoá xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Tiến	1.100,000	
10.4	Xã Châu Thuận		2.100,000	
*	Dự án khởi công mới		2.100,000	
-	Nhà chức năng, Trường Tiểu học Châu Thuận, huyện Quỳnh Châu	Xã Châu Thuận	2.100,000	
10.5	Xã Châu Bình		2.100,000	
*	Dự án chuyển tiếp		2.100,000	
-	Cầu tràn và đường hai đầu cầu bản Kiêng 2, xã Châu Bình, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Bình	2.100,000	
10.6	Xã Châu Nga		2.100,000	
*	Dự án khởi công mới		505,800	

Handwritten signature

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Kênh mương bản Thanh Sơn, xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Nga	505,800	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.594,200</i>	
-	Nhà học 02 phòng và các công trình phụ trợ Trường Mầm non xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Nga	1.594,200	
10.7	Xã Châu Hội		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>630,000</i>	
-	Đường giao thông Bản Lê đi trung tâm xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Hội	630,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.470,000</i>	
-	Nhà học 03 phòng Trường Mầm non xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Hội	1.470,000	
10.8	Xã Châu Phong		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Xây dựng đường dây 35Kv, trạm biến áp và đường dây 04kv các Bản: Tổng 1; Ban 1; Ban 2; Chiềng; Piêng Căm, Piêng Điểm xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Phong	2.100,000	
10.9	Xã Diên Lãm		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.030,000</i>	
-	Xây dựng nhà văn hóa đa năng UBND xã Diên Lãm, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Diên Lãm	1.030,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.070,000</i>	
-	Xây dựng Trạm biến áp và đường dây 04kv Bản Na No, Bản Hóc, xã Diên Lãm, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Diên Lãm	1.070,000	
10.10	Xã Châu Hoàn		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Xây dựng sân vận động Xã Châu Hoàn, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Hoàn	1.650,000	
-	Cầu tràn bản Mờ Póm, xã Châu Hoàn, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Hoàn	450,000	
10.11	Xã Châu Bình		1.000,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Đường giao thông Bản 3/4 xã Châu Bình, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Bình	408,540	
-	Sửa chữa nhà bệnh và xây dựng các công trình phụ trợ, Trạm Y tế xã Châu Bình, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Bình	591,460	
XI	Tổng huyện Tân Kỳ		24.150,358	
11.1	Xã Hương Sơn		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>623,000</i>	
-	Duy tu, sửa chữa tràn Khe Vành xã Hương Sơn	UBND xã Hương Sơn	623,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>377,000</i>	
-	Chợ Tân Thanh Hồng xã Hương Sơn	UBND xã Hương Sơn	377,000	
11.2	Xã Nghĩa Dũng		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>200,000</i>	
-	Khuôn viên sân vận động UBND xã Nghĩa Dũng	UBND xã Nghĩa Dũng	200,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>800,000</i>	
-	Đường GTNT từ xóm Tân thọ đi Văn Sơn xã Nghĩa Dũng	UBND xã Nghĩa Dũng	800,000	
11.3	Xã Nghĩa Hợp		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>404,000</i>	
-	Sân bóng khu thể thao văn hóa xã Nghĩa Hợp	UBND xã Nghĩa Hợp	180,000	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Hệ thống đài truyền thanh FM xã Nghĩa Hợp	UBND xã Nghĩa Hợp	224,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>135,000</i>	
-	Phòng học chức năng và các công trình phụ trợ trường MN xã Nghĩa Hợp	UBND xã Nghĩa Hợp	135,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>461,000</i>	
-	Đường bê tông các xóm xã Nghĩa Hợp	UBND xã Nghĩa Hợp	461,000	
11.4	Xã Tân An		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Xây dựng trạm y tế xã Tân An	UBND xã Tân An	1.000,000	
11.5	Xã Nghĩa Thái		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>401,000</i>	
-	2 phòng thực hành Trường THCS Nghĩa Thái	UBND xã Nghĩa Thái	401,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>599,000</i>	
-	Nhà học 2 tầng, 8 phòng Trường TH Nghĩa Thái (phân hiệu 2)	UBND xã Nghĩa Thái	599,000	
11.6	Xã Tân Long		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>100,000</i>	
-	Đường BT từ QL 48E vào UBND xã, sân vận động xã Tân Long	UBND xã Tân Long	100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>900,000</i>	
-	Sửa chữa ,nâng cấp nhà học trường Mầm Non Tân Long	UBND xã Tân Long	800,000	
-	Cổng GT và các hạng mục phụ trợ trên tuyến trụ sở UBND xã đi trạm y tế xã Tân Long	UBND xã Tân Long	100,000	
11.7	Xã Nghĩa Bình		2.213,898	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>2.213,898</i>	
-	Nhà Văn hóa xã Nghĩa Bình	UBND Xã Nghĩa Bình	2.213,898	
11.8	Xã Nghĩa Hành		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>400,000</i>	
-	Đường bê tông GTNT từ xóm 10 Nghĩa Hành đến QL Hồ Chí Minh	UBND xã Nghĩa hành	400,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>600,000</i>	
-	Nhà văn hóa cộng đồng và các hạng mục phụ trợ xã Nghĩa Hành	UBND Xã Nghĩa Bình	600,000	
11.9	Xã Nghĩa Hoàn		2.436,460	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.645,000</i>	
-	Cải tạo nhà học 2 phòng và XD một số hạng mục phụ trợ -Trường MN xã Nghĩa Hoàn	UBND xã Nghĩa hoàn	1.645,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>791,460</i>	
-	XD chợ Cửa xã Nghĩa Hoàn	UBND xã Nghĩa hoàn	791,460	
11.10	Xã Giai Xuân		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Dự án sân vận động UBND xã Giai Xuân	UBND xã Giai Xuân	1.000,000	
11.11	Xã Nghĩa Phúc		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Sửa chữa Nhà văn hóa xã Nghĩa Phúc	UBND xã Nghĩa phúc	19,000	
-	Nhà sinh hoạt cộng đồng xóm Nghĩa Hồng xã Nghĩa Phúc	UBND xã Nghĩa phúc	250,000	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Sửa chữa, nâng cấp các hạng mục phụ trợ - Trường TH Nghĩa Phúc 3	UBND xã Nghĩa phúc	731,000	
11.12	Xã Tân Hương		2.100,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Trạm y tế xã Tân Hương	UBND xã Tân Hương	1.250,000	
-	Sửa chữa đường liên xóm từ xóm 6 đi xóm 15 phục vụ đời sống nhân sinh xã Tân Hương	UBND xã Tân Hương	850,000	
11.13	Xã Phú Sơn		2.100,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>50,000</i>	
-	XD đường giao thông NTM xóm Nam Sơn xã Phú Sơn	UBND xã Phú Sơn	20,000	
-	Sửa chữa đường xóm Hùng Sơn đoạn nhà anh Tiến Cường đi Khe Dầu xã Phú Sơn	UBND xã Phú Sơn	30,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.050,000</i>	
-	Xây dựng Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ xã Phú Sơn	UBND xã Phú Sơn	2.050,000	
11.14	Xã Tân Hợp		2.100,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>466,840</i>	
-	Sửa chữa, nâng cấp sân trường; Bồn hoa và Nhà xe - Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học & THCS Tân Hợp	UBND xã Tân Hợp	466,840	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.633,160</i>	
-	Đường giao thông từ ngã ba Tân Lập đi UBND xã Tân Hợp	UBND xã Tân Hợp	1.633,160	
11.15	Xã Tiên Kỳ		2.100,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Sửa chữa đường xóm 12 đi xóm 6 xã Tiên Kỳ (giai đoạn 2)	UBND xã Tiên Kỳ	1.195,000	
-	Cầu tràn liên hợp xóm 8 xã Tiên Kỳ, Tân Kỳ	UBND xã Tiên Kỳ	204,200	
-	Nhà học 2 tầng, 12 phòng trường THCS Tiên Kỳ	UBND xã Tiên Kỳ	700,800	
11.16	Xã Đồng Văn		2.100,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Cầu tràn liên hợp Thung Mòn xã Đồng Văn	UBND xã Đồng văn	1.500,000	
-	Nhà học 2 tầng, 12 phòng trường tiểu học Đồng Văn 1	UBND xã Đồng văn	150,000	
-	Sửa chữa đường vào trụ sở UBND xã Đồng Văn	UBND xã Đồng văn	450,000	
XII	Tổng huyện Nghĩa Đàn		19.536,460	
12.1	Xã Nghĩa Thịnh		2.100,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>800,000</i>	
-	Nhà làm việc 2 tầng UBND xã	UBND xã Nghĩa Thịnh	800,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.300,000</i>	
-	XD nhà văn hóa đa chức năng xã Nghĩa Thịnh	UBND xã Nghĩa Thịnh	1.300,000	
12.2	Xã Nghĩa Lạc		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Mương xuống trường Tiểu học xã	UBND xã Nghĩa Lạc	138,000	
-	Kênh mương cánh đồng Mèn	UBND xã Nghĩa Lạc	73,000	
-	Sân vận động xã Nghĩa Lạc	UBND xã Nghĩa Lạc	106,000	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - DT xã	UBND xã Nghĩa Lạc	683,000	
12.3	Xã Nghĩa Lợi		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Sửa chữa nâng cấp đập Chao xã Nghĩa Lợi	UBND xã Nghĩa Lợi	550,000	
-	Nhà học 2 tầng 10 phòng trường THCS Nghĩa Lợi	UBND xã Nghĩa Lợi	450,000	
12.4	Xã Nghĩa Mai		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Trụ sở làm việc Đảng ủy-HĐND-UBND và các đoàn thể xã Nghĩa Mai, huyện Nghĩa Đàn	UBND xã Nghĩa Mai	1.000,000	
12.5	Xã Nghĩa Thọ		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Duy tu bảo dưỡng đường giao thông nội Đồng Lãng xóm Men, xã Nghĩa Thọ, huyện Nghĩa Đàn	UBND xã Nghĩa Thọ	96,921	
-	Sửa chữa nâng cấp hệ thống mương tưới tiêu xã Nghĩa Thọ, huyện Nghĩa Đàn	UBND xã Nghĩa Thọ	800,000	
-	Đường giao thông nội đồng xóm Men xã Nghĩa Thọ	UBND xã Nghĩa Thọ	103,079	
12.6	Xã Nghĩa Hiếu		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Công trình sửa chữa nâng cấp các hạng mục phụ trợ Trụ sở Xã Nghĩa Hiếu, huyện Nghĩa Đàn	UBND xã Nghĩa Hiếu	541,173	
-	Công trình trường mầm non cụm sơn mọng Xã Nghĩa Hiếu, Huyện Nghĩa Đàn	UBND xã Nghĩa Hiếu	458,827	
12.7	Xã Nghĩa Khánh		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Xây dựng trường mầm non cụm 2 Nghĩa Khánh, huyện Nghĩa Đàn	UBND xã Nghĩa Khánh	600,000	
-	Xây dựng trụ sở xã Nghĩa Khánh, huyện Nghĩa Đàn	UBND xã Nghĩa Khánh	400,000	
12.8	Xã Nghĩa Bình		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Sân vận động xã Nghĩa Bình	UBND xã Nghĩa Bình	500,000	
-	Đài tượng niệm liệt sỹ xã Nghĩa Bình	UBND xã Nghĩa Bình	500,000	
12.9	Xã Nghĩa Long		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Kiên cố hóa 4 phòng học Trường mầm non xã Nghĩa Long	UBND xã Nghĩa Long	1.000,000	
12.10	Xã Nghĩa Hồng		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Nghĩa Hồng, Huyện Nghĩa Đàn	UBND xã Nghĩa Hồng	1.000,000	
12.11	Xã Nghĩa Minh		1.000,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Nâng cấp, sửa chữa 01 phòng học, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non xã Nghĩa Minh	UBND xã Nghĩa Minh	1.000,000	
12.12	Xã Nghĩa Phú		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Nhà học 2 tầng 10 phòng trường Tiểu học Nghĩa Phú, huyện Nghĩa Đàn	UBND xã Nghĩa Phú	1.000,000	
12.13	Xã Nghĩa Trung		2.436,460	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>500,000</i>	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Trạm y tế xã Nghĩa Trung	UBND xã Nghĩa Trung	500,000	
*	Dự án khởi công mới		1.936,460	
-	Đường GTNT liên xã nối từ xóm Đồng Nheo đi xóm Đồng Cạn xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn	UBND xã Nghĩa Trung	1.936,460	
12.14	Xã Nghĩa Lộc		1.000,000	
*	Dự án hoàn thành		1.000,000	
-	Nhà học 2 tầng 8 phòng và 4 phòng chức năng trường tiểu học Nghĩa Lộc 2, huyện Nghĩa Đàn	UBND xã Nghĩa Lộc	1.000,000	
12.15	Xã Nghĩa An		1.000,000	
*	Dự án chuyển tiếp		1.000,000	
-	Đường giao thông nông thôn nối từ tỉnh lộ 545 đến tỉnh lộ 531 xã Nghĩa An, huyện Nghĩa Đàn (giai đoạn 2)	UBND xã Nghĩa An	800,000	
-	Nâng cấp sửa chữa kênh mương đập Gián thuộc cánh đồng Gián, xã Nghĩa An	UBND xã Nghĩa An	200,000	
12.16	Xã Nghĩa Thắng		1.000,000	
*	Dự án khởi công mới		1.000,000	
-	Trường Mầm non xã Nghĩa Thắng, huyện Nghĩa Đàn	UBND xã Nghĩa Thắng	1.000,000	
12.17	Xã Nghĩa Yên		1.000,000	
*	Dự án hoàn thành		509,460	
-	Nâng cấp sửa chữa phòng học thực hành trường THCS xã Nghĩa Yên, huyện Nghĩa Đàn	UBND xã Nghĩa Yên	509,460	
*	Dự án chuyển tiếp		490,540	
-	Trụ sở làm việc Đảng ủy-HĐND- UBND và các đoàn thể xã Nghĩa Yên, huyện Nghĩa Đàn	UBND xã Nghĩa Yên	490,540	
XIII	Tổng huyện Thanh Chương		37.472,920	
13.1	Xã Ngọc Lâm		2.100,000	
*	Dự án khởi công mới		2.100,000	
-	Sửa chữa nâng cấp đường liên xã từ bản Tạ Xiềng đi bản Chà Luân	UBND xã Ngọc Lâm	2.100,000	
13.2	Xã Thanh An		2.100,000	
*	Dự án chuyển tiếp		2.100,000	
-	Đầu tư XD Nhà Văn hóa cộng đồng xã Thanh An	UBND xã Thanh An	2.100,000	
13.3	Xã Thanh Mai		2.100,000	
*	Dự án hoàn thành		2.100,000	
-	Nâng cấp, cấp phối đường giao thông liên thôn đoạn từ trụ chính đi thôn 6 và thôn 4 xã Thanh Mai	UBND xã Thanh Mai	124,000	
-	Nhà làm Việc HĐND - UBND xã Thanh Mai	UBND xã Thanh Mai	1.976,000	
13.4	Xã Thanh Sơn		2.100,000	
*	Dự án chuyển tiếp		2.100,000	
-	Bê tông hóa đường giao thông bản Cao Sơn xã Thanh Sơn	UBND xã Thanh Sơn	700,000	
-	Sửa chữa, nâng cấp đập Cơn Cam xã Thanh Sơn	UBND xã Thanh Sơn	200,000	
*	Dự án khởi công mới		1.200,000	
-	Xây dựng trường THCS Kim Lâm xã Thanh Sơn	UBND xã Thanh Sơn	1.200,000	
13.5	Xã Thanh Khê		2.100,000	
*	Dự án chuyển tiếp		530,000	
-	Đường GTNT từ xóm bảo Đức đi Vĩnh Long	UBND xã Thanh Khê	530,000	
*	Dự án khởi công mới		1.570,000	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Nâng cấp, sửa chữa mương từ cống UBND xã đi xóm nam Lĩnh	UBND xã Thanh Khê	750,000	
-	Đường GTNT từ xóm Lai Nhã đi Cổng Tùng	UBND xã Thanh Khê	820,000	
13.6	Xã Thanh Hà		2.100,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.420,000</i>	
-	Trạm y tế xã Thanh Hà	UBND xã Thanh Hà	500,000	
-	Đường GTNT từ chợ rồng đi UBND xã	UBND xã Thanh Hà	35,000	
-	Đường GTNT từ xóm 4 đến trụ sở xã thanh hà	UBND xã Thanh Hà	149,000	
-	Đường GTNT liên xã thuộc xóm 7 xã thanh hà	UBND xã Thanh Hà	736,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>680,000</i>	
-	Sân vận động xã	UBND xã Thanh Hà	680,000	
13.7	Xã Thanh Đức		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>179,660</i>	
-	Cầu ruộng Cưa xóm 6	UBND xã Thanh Đức	90,810	
-	Cầu Sừng Bò xóm 6	UBND xã Thanh Đức	88,850	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>820,340</i>	
-	Tu sửa trường THCS xã Thanh Đức	UBND xã Thanh Đức	500,000	
-	Cầu qua khe Miến Điện xóm 3/2	UBND xã Thanh Đức	320,340	
13.8	Xã Thanh Thủy		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>530,000</i>	
-	Đường GTNT từ cống UBND xã đến đường Hồ Chí Minh	UBND xã Thanh Thủy	530,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>470,000</i>	
-	Đường GTNT tuyến cống trường học	UBND xã Thanh Thủy	470,000	
13.9	Xã Thanh Mỹ		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>201,000</i>	
-	Đường giao thông từ ngã ba ông Bảo đi thôn 2 xã Thanh Mỹ - TC-NA	UBND xã Thanh Mỹ	201,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>799,000</i>	
-	Đường nhựa liên thôn (thôn 5 đi thôn 13)	UBND xã Thanh Mỹ	799,000	
13.10	Xã Thanh Tùng		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>901,000</i>	
-	Xây dựng nâng cấp trạm Y tế xã Thanh Tùng	UBND xã Thanh Tùng	901,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>99,000</i>	
-	Xây dựng Trường Trung học cơ sở xã Thanh Tùng	UBND xã Thanh Tùng	99,000	
13.11	Xã Thanh Xuân		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Đường giao thông Khe Nu nối tiếp đường mòn Hồ Chí Minh xã Thanh Xuân, huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Xuân	1.000,000	
13.12	Xã Thanh Liên		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>740,000</i>	

12/11

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Xây dựng sân vận động xã	UBND xã Thanh Liên	450,000	
-	Xây dựng chợ giăng xã Thanh Liên	UBND xã Thanh Liên	130,000	
-	Xây dựng nhà bia	UBND xã Thanh Liên	160,000	
*	Dự án khởi công mới		260,000	
-	Cải tạo sửa chữa 6 phòng học trường THCS xã Thanh Liên (đầy 2)		260,000	
13.13	Xã Thanh Tiên		1.000,000	
*	Dự án hoàn thành		1.000,000	
-	Đường giao thông 3 Km	UBND xã Thanh Tiên	522,000	
-	Trụ sở làm việc Đảng ủy HĐND-UBND và các đoàn thể	UBND xã Thanh Tiên	478,000	
13.14	Xã Thanh Văn		1.000,000	
*	Dự án hoàn thành		1.000,000	
-	Xây dựng nâng cấp sân vận động xã Thanh Văn	UBND xã Thanh Văn	500,000	
-	Xây dựng trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND - UBND và các đoàn thể	UBND xã Thanh Văn	500,000	
13.15	Xã Thanh Hưng		1.000,000	
*	Dự án chuyển tiếp		1.000,000	
-	Sửa chữa nâng cấp đường giao thông xã Thanh Hưng từ Quốc lộ 46 đi xã Xuân Sơn huyện Đô Lương (Trung tâm xã vào xóm Thanh Hồ xã Thanh Hưng)	UBND xã Thanh Hưng	200,000	
-	Công trình chợ Rạng xã Thanh Hưng	UBND xã Thanh Hưng	800,000	
13.16	Xã Thanh Đồng		1.000,000	
*	Dự án hoàn thành		492,540	
-	Sân vận động trung tâm xã Thanh Đồng	UBND xã Thanh Đồng	492,540	
*	Dự án chuyển tiếp		203,460	
-	Cải tạo xây dựng trường Tiểu học xã Thanh Đồng	UBND xã Thanh Đồng	203,460	
*	Dự án khởi công mới		304,000	
-	Nhà thực hành trường THCS Đồng Tường	UBND xã Thanh Đồng	304,000	
13.17	Xã Thanh Dương		1.000,000	
*	Dự án chuyển tiếp		250,000	
-	Đường Bại biển đi Thanh Lương	UBND xã Thanh Dương	250,000	
*	Dự án khởi công mới		750,000	
-	Nâng cấp sân vận động xã	UBND xã Thanh Dương	750,000	
13.18	Xã Thanh Giang		1.000,000	
*	Dự án hoàn thành		1.000,000	
-	Nâng cấp cải tạo sân vườn UBND xã	UBND xã Thanh Giang	147,000	
-	Nhà văn hóa xã Thanh Giang	UBND xã Thanh Giang	553,000	
-	Nâng cấp, mở rộng sân vận động xã Thanh Giang	UBND xã Thanh Giang	300,000	
13.19	Xã Thanh Lương		1.000,000	
*	Dự án khởi công mới		1.000,000	
-	Nâng cấp đường giao thông Nông thôn tuyến từ cầu trắm đi xóm 10 xã Thanh Lương, huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Lương	1.000,000	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
13.20	Xã Thanh Phong		1.436,460	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.436,460</i>	
-	Nhà học 2 tầng 10 phòng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Thanh Phong	UBND xã Thanh Phong	536,460	
-	Đường GTNT liên xóm từ Quốc lộ 7B đến xóm 6A, 7A, 8A	UBND xã Thanh Phong	450,000	
-	Đường GTNT liên xóm từ Quốc lộ 7B đến xóm 4A, 9A, 8B	UBND xã Thanh Phong	450,000	
13.21	Xã Phong Thịnh		2.436,460	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>203,000</i>	
-	Đường Nghĩa trang Liệt Sỹ Xã Phong Thịnh	UBND xã Phong Thịnh	203,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>570,000</i>	
-	Xây dựng nhà học thực hành trường THCS	UBND xã Phong Thịnh	570,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.663,460</i>	
-	Cải tạo nâng cấp đường Anh Hạnh-Mỏ côi	UBND xã Phong Thịnh	1.163,460	
-	Nâng cấp sân vận động	UBND xã Phong Thịnh	500,000	
13.22	Xã Ngọc Sơn		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Đường GTNT trục đường xã từ xóm 5 vào xóm 1 xã Ngọc Sơn	UBND xã Ngọc Sơn	1.000,000	
13.23	Xã Xuân Trường		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>500,000</i>	
-	Trả nợ XD trụ sở UBND xã	UBND xã Xuân Trường	500,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>500,000</i>	
-	Xây dựng sân vận động xã	UBND xã Xuân Trường	500,000	
13.24	Xã Võ Liệt		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>300,000</i>	
-	Xây dựng nhà học 10 phòng 2 tầng trường TH Võ Liệt 2	UBND xã Võ Liệt	300,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>700,000</i>	
-	Xây dựng TTVH cộng đồng xã Võ Liệt	UBND xã Võ Liệt	700,000	
13.25	Xã Thanh Ngọc		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>259,000</i>	
-	Xây dựng mới kênh xóm Ngọc Minh (điểm đầu Cổng Bà Tuy, điểm cuối xứ đồng Cùm Kiêng)	UBND xã Thanh Ngọc	259,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>741,000</i>	
-	Xây dựng Sân vận động xã Thanh Ngọc	UBND xã Thanh Ngọc	741,000	
13.26	Xã Thanh Hương		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Sửa chữa, nâng cấp tuyến mương trạm bơm Cây Sanh đến Lò Ngói xóm 2	UBND xã Thanh Hương	400,000	
-	Cải tạo, nâng cấp nhà học 2 phòng trường mầm non xã Thanh Hương (CS 2)	UBND xã Thanh Hương	600,000	
13.27	Xã Thanh Chi		1.000,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Kênh mương trạm bơm Rú Đãi xã Thanh Chi (Tuyến: Thị tứ đi trường THCS Thanh Chi)	UBND xã Thanh Chi	1.000,000	
13.28	Xã Thanh Lâm		1.000,000	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
*	Dự án hoàn thành		400,000	
-	Sửa chữa, nâng cấp tuyến mương Đồng Cù từ Trạm bơm Nghi Văn đi Đồng Dung xã Thanh Lâm	UBND xã Thanh Lâm	400,000	
*	Dự án khởi công mới		600,000	
-	Sửa chữa, nâng cấp Đường giao thông Tuyến từ cửa nhà Lê Hùng đi trường Tiểu học	UBND xã Thanh Lâm	600,000	
13.29	Xã Thanh Long		1.000,000	
*	Dự án hoàn thành		500,000	
-	Sửa chữa, nâng cấp kênh mương ông Hơ từ xóm 4 đi xóm 5, 6, 7	UBND xã Thanh Long	500,000	
*	Dự án khởi công mới		500,000	
-	Xây dựng nhà hiệu bộ và hạ tầng Trường mầm non xã Thanh Long	UBND xã Thanh Long	500,000	
XIV	Tổng huyện Hưng Nguyên		18.132,920	
14.1	Xã Hưng Xá		1.000,000	
*	Dự án hoàn thành		1.000,000	
-	Cải tạo, nâng cấp mương tưới	UBND xã Hưng Xá	330,000	
-	Trạm y tế xã Hưng Xá	UBND xã Hưng Xá	250,000	
-	Hạ tầng kỹ thuật trung tâm VH-TT xã Hưng Xá	UBND xã Hưng Xá	420,000	
14.2	Xã Hưng Xuân		1.000,000	
*	Công trình hoàn thành quyết toán		1.000,000	
-	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ xã Hưng Xuân	UBND xã Hưng Xuân	1.000,000	
14.3	Xã Hưng Lam		1.000,000	
*	Dự án khởi công mới		1.000,000	
-	Nhà văn hóa đa chức năng xã Hưng Lam	UBND xã Hưng Lam	1.000,000	
14.4	Xã Hưng Phú		1.000,000	
*	Dự án hoàn thành		500,000	
-	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND và các đoàn thể xã Hưng Phú	UBND xã Hưng Phú	500,000	
*	Dự án chuyển tiếp		500,000	
-	Công trình Đường giao thông nội đồng chùa Bù De	UBND xã Hưng Phú	500,000	
14.5	Xã Hưng Khánh		1.000,000	
*	Dự án hoàn thành		800,000	
-	Trụ sở Đảng ủy - HĐND-UBND xã Hưng Khánh	UBND xã Hưng Khánh	523,000	
-	Xây dựng sân, đường nội bộ, bồn hoa, cổng, hàng rào, mương thoát nước, nhà xe, san lấp và đường vào trụ sở UBND xã Hưng Khánh	UBND xã Hưng Khánh	277,000	
*	Dự án chuyển tiếp		200,000	
-	Cải tạo nâng cấp sân vận động xã Hưng Khánh	UBND xã Hưng Khánh	200,000	
14.6	Xã Hưng Nhân		2.436,460	
*	Dự án hoàn thành		413,460	
-	Mương xóm 1	UBND xã Hưng Nhân	413,460	
*	Dự án chuyển tiếp		2.023,000	
-	Khuôn viên trạm y tế	UBND xã Hưng Nhân	513,000	
-	Nhà trạm y tế	UBND xã Hưng Nhân	1.010,000	

197

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Nạo vét, sửa chữa kênh Hưng Nhân	UBND xã Hưng Nhân	500,000	
14.7	Xã Hưng Lợi		1.000,000	
*	Dự án hoàn thành		700,000	
-	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông xã Hưng Lợi	UBND xã Hưng Lợi	700,000	
*	Dự án chuyển tiếp		300,000	
-	nâng cấp khuôn viên trường tiểu học và trường mầm non	UBND xã Hưng Lợi	300,000	
14.8	Xã Hưng Phúc		1.000,000	
*	Dự án hoàn thành		400,000	
-	Đường giao thông xóm 4,5,8 xã Hưng Phúc	UBND xã Hưng Phúc	400,000	
*	Dự án chuyển tiếp		300,000	
-	Nâng cấp, sửa chữa kênh tiêu T18 nhánh qua xóm 3 và kênh tưới 12-2 qua xóm 2, xóm 8 và xóm 9 xã Hưng Phúc	UBND xã Hưng Phúc	300,000	
*	Dự án khởi công mới		300,000	
-	Trạm bơm và hệ thống kênh tưới xã Hưng Phúc.	UBND xã Hưng Phúc	300,000	
14.9	Xã Hưng Thông		1.000,000	
*	Dự án khởi công mới		1.000,000	
-	Cải tạo, nâng cấp 1,5km đường trục xã Hưng Thông (giai đoạn 2)	UBND xã Hưng Thông	1.000,000	
14.10	Xã Hưng Thắng		1.000,000	
*	Dự án hoàn thành		1.000,000	
-	Nhà học 3 phòng Trường mầm non xã Hưng Thắng	UBND xã Hưng Thắng	541,000	
-	Cải tạo nhà văn hóa đa chức năng và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Hưng Thắng	200,000	
-	Nâng cấp sân vận động xã Hưng Thắng	UBND xã Hưng Thắng	259,000	
14.11	Xã Hưng Đạo		1.000,000	
*	Dự án hoàn thành			
-	Đường Giao thông nông thôn từ quốc lộ 46 qua xã Hưng Đạo đi xã Nam Cát, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	UBND xã Hưng Đạo	1.000,000	
14.12	Xã Hưng Tây		1.000,000	
*	Dự án chuyển tiếp		1.000,000	
-	Xây dựng Trường THCS xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên	UBND xã Hưng Tây	1.000,000	
14.13	Xã Hưng Yên Bắc		1.000,000	
*	Dự án khởi công mới		1.000,000	
-	Nhà văn hóa đa chức năng xã Hưng Yên Bắc	UBND xã Hưng Yên Bắc	1.000,000	
14.14	Xã Hưng Yên Nam		1.000,000	
*	Dự án khởi công mới		1.000,000	
-	Xây dựng nhà văn hóa đa chức năng xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên	UBND xã Hưng Yên Nam	1.000,000	
14.15	Xã Hưng Trung		1.000,000	
*	Dự án khởi công mới		1.000,000	
-	Xây dựng nhà văn hóa đa chức năng xã Hưng Trung, huyện Hưng Nguyên	UBND xã Hưng Trung	1.000,000	
14.16	Xã Hưng Thịnh		1.696,460	
*	Dự án hoàn thành		700,000	

Handwritten signature

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Xây dựng đường giao thông nông thôn xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên	UBND xã Hưng Thịnh	500,000	
-	Xây dựng mương tưới xóm 12, xóm 13 xã Hưng Thịnh	UBND xã Hưng Thịnh	200,000	
*	Dự án khởi công mới		996,460	
-	Mở rộng, nâng cấp đường liên hương từ đường tỉnh 542B đi xóm Xuân Am, xã Hưng Thịnh	UBND xã Hưng Thịnh	996,460	
XV	Tổng huyện Kỳ Sơn		42.000,000	
15.1	Xã Mỹ Lý		2.100,000	
*	Dự án khởi công mới		2.100,000	
-	Đường giao thông từ bản Phà Chiềng - Bản Huồi Pún	UBND xã Mỹ Lý	1.330,000	
-	Nhà Văn hóa cộng đồng bản Xốp Tụ	UBND xã Mỹ Lý	770,000	
15.2	Xã Bắc Lý		2.100,000	
*	Dự án khởi công mới		2.100,000	
-	Nhà văn hoá bản Nhọt kho	UBND xã Bắc Lý	1.100,000	
-	Nhà Văn hoá bản Na Kho	UBND xã Bắc Lý	1.000,000	
15.3	Xã Mường Lống		2.100,000	
*	Dự án khởi công mới		2.100,000	
-	Đường GTNT vào bản Tham Pạng	UBND xã Mường Lống	1.201,000	
-	Nhà cộng đồng bản Tham Hang	UBND xã Mường Lống	899,000	
15.4	Xã Huồi Tụ		2.100,000	
*	Dự án khởi công mới		2.100,000	
-	Trường mầm non bản Huồi Khe	UBND xã Huồi Tụ	1.000,000	
-	Nhà công vụ trường THCS Huồi Tụ	UBND xã Huồi Tụ	1.100,000	
15.5	Xã Na Loi		2.100,000	
*	Dự án khởi công mới		2.100,000	
-	Bê tông hoá đường giao thông Từ Na Loi đi Piêng Lau	UBND xã Na Loi	2.100,000	
15.6	Xã Đọc Mạy		2.100,000	
*	Dự án khởi công mới		2.100,000	
-	Đường vào khu sản xuất bản Phà Tả	UBND xã Đọc Mạy	2.100,000	
15.7	Xã Keng Đu		2.100,000	
*	Công trình khởi công mới		2.100,000	
-	Nâng cấp đường GT từ bản Huồi Phuôn 2 đi bản Khe Linh	UBND xã Keng Đu	2.100,000	
15.8	Xã Phà Đánh		2.100,000	
*	Công trình hoàn thành		55,000	
-	Nâng cấp đường giao thông nông thôn vào bản Piêng Hòm xã Phà Đánh, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Phà Đánh	55,000	
*	Dự án khởi công mới		2.045,000	
-	Xây mới công trình nước sinh hoạt cụm Xốp Nhúc thuộc bản Kẹo Lục 1	UBND xã Phà Đánh	1.000,000	
-	Trường tiểu học bản Huồi Nhúc	UBND xã Phà Đánh	1.045,000	
15.9	Xã Nậm Cắn		2.100,000	
*	Dự án khởi công mới		2.100,000	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Cầu qua khe Nậm Cắn	UBND xã Nậm Cắn	130,000	
-	Sân vận động xã Nậm Cắn	UBND xã Nậm Cắn	770,000	
-	Xây mới nhà văn hoá bản Huổi Pốc	UBND xã Nậm Cắn	1.200,000	
15.10	Xã Tây Sơn		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Đường GTNT từ Vàng Lũ đến bản Đồng Dưới xã Tây Sơn	UBND xã Tây Sơn	2.100,000	
15.11	Xã Tà Cạ		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Xây dựng trường mầm non bản Cánh	UBND xã Tà Cạ	1.050,000	
-	Xây dựng mới công trình nước sinh hoạt bản Bình Sơn I	UBND xã Tà Cạ	650,000	
-	Nâng cấp kênh mương thủy lợi bản Hoà Sơn	UBND xã Tà Cạ	400,000	
15.12	Xã Mường Típ		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Đường vào khu sản xuất bản Vàng Phao	UBND xã Mường Típ	2.100,000	
15.13	Xã Mường Ải		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Đường vào khu vực sản xuất Nhà Nang	UBND xã Mường Ải	1.700,000	
-	Sửa chữa Nhà văn hóa Bản Púng	UBND xã Mường Ải	400,000	
15.14	Xã Na Ngoi		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Thủy lợi bản Tổng Khư	UBND xã Na Ngoi	1.200,000	
-	Nhà sinh hoạt cộng đồng bản Buộc Mú 2	UBND xã Na Ngoi	900,000	
15.15	Xã Chiêu Lưu		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Nước sinh hoạt bản Khe Tang	UBND xã Chiêu Lưu	1.079,000	
-	Nâng cấp nước sinh hoạt bản Khe Nằn	UBND xã Chiêu Lưu	800,000	
-	Tu sửa nhà sinh hoạt cộng đồng bản Lưu Hòa	UBND xã Chiêu Lưu	221,000	
15.16	Xã Hữu Lập		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Nâng cấp đường giao thông nông thôn bản Chà Lẩn - Noọng Ó	UBND xã Hữu Lập	1.500,000	
-	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt bản Noọng Ó	UBND xã Hữu Lập	600,000	
15.17	Xã Bảo Nam		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Nâng cấp đường giao thông từ ngã ba bản Hín Pén đến ngã ba đường đi Huổi Hốc và Lưu Tân	UBND xã Bảo Nam	2.100,000	
15.18	Xã Bảo Thắng		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Trường tiểu học bản Ca Da	UBND xã Bảo Thắng	1.600,000	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Cầu dân sinh bản Thà Lạng	UBND xã Bảo Thắng	500,000	
15.19	Xã Hữu Kiệm		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Nhà văn hoá xã Hữu Kiệm	UBND xã Hữu Kiệm	1.770,000	
-	Sân thể thao bản Đình Sơn 1	UBND xã Hữu Kiệm	330,000	
15.20	Xã Nậm Cắn		2.100,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.450,000</i>	
-	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Nậm Cắn	UBND xã Nậm Cắn	1.080,000	
-	Xây công trình nước nậm khiên I	UBND xã Nậm Cắn	370,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>650,000</i>	
-	Xây dựng điểm Trường MN, TH Sơn Thành	UBND xã Nậm Cắn	650,000	
XVI	Tổng huyện Tương Dương		32.500,000	
16.1	Xã Tam Đình		2.100,000	
*	<i>Trả nợ các công trình</i>		<i>60,000</i>	
-	Trả nợ công trình: Đường giao thông vào khu du lịch sinh thái bản Quang Phúc, xã Tam Đình	UBND Xã Tam Đình	60,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.040,000</i>	
-	Cải tạo, nâng cấp Trường MN Tam Đình	UBND Xã Tam Đình	600,000	
-	Nước sinh hoạt cho 3 bản: Quang Phúc, Quang Yên; Quang Thịnh	UBND Xã Tam Đình	1.440,000	
16.2	Xã Tam Thái		1.000,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Đập thủy lợi Na Can, xã Tam Thái	UBND Xã Tam Thái	1.000,000	
16.3	Xã Tam Hợp		2.100,000	
*	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Đường giao thông từ trung tâm xã Tam Hợp đi bản Phồng	UBND Xã Tam Hợp	2.100,000	
16.4	Xã Thạch Giám		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Đường GT bản Chấn - Bản Mác	UBND Xã Thạch Giám	2.100,000	
16.5	Xã Xá Lượng		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Nhà văn hóa cộng đồng bản Hợp Thành	UBND Xã Xá Lượng	300,000	
-	Xây dựng sân vận động xã Xá Lượng	UBND Xã Xá Lượng	1.000,000	
-	Đường điện KVA04 bản Khe Ngẫu	UBND Xã Xá Lượng	800,000	
16.6	Xã Lưu Kiền		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Xây dựng nhà ký túc học sinh bán trú THCS xã Lưu Kiền	UBND xã Lưu Kiền	1.000,000	
-	Xây dựng trường THCS Lưu Kiền	UBND xã Lưu Kiền	1.100,000	
16.7	Xã Lượng Minh		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	

KQA

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Công trình đường Giao thông từ Bản Đưa đi Bản Chăm Puông	UBND Xã Lương Minh	2.100,000	
16.8	Xã Yên Na		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Nước sinh hoạt các bản Xốp Pu, Na Pu, Huồi Cụt, Xiềng Nửa, Cỏ Pháo	UBND Xã Yên Na	2.100,000	
16.9	Xã Yên Tĩnh		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Trường THCS xã Yên Tĩnh	UBND Xã Yên Tĩnh	2.100,000	
16.10	Xã Yên Hòa		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Đường GT Xiềng Líp - Xốp Kha, xã Yên Hòa	UBND Xã Yên Hòa	2.100,000	
16.11	Xã Yên Thắng		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Cầu dân sinh Khe Tộm, bản Văng Lin, xã Yên Thắng	UBND Xã Yên Thắng	200,000	
-	Đường GT Trung Thắng - Văng Lin	UBND Xã Yên Thắng	1.900,000	
16.12	Xã Nga My		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Đường giao thông bản Na Ka - Xốp Kho	UBND Xã Nga My	2.100,000	
16.13	Xã Xiềng My		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Sửa chữa đường GT vào trung tâm xã Xiềng My	UBND Xã Xiềng My	2.100,000	
16.14	Xã Hữu Khuông		2.100,000	
*	<i>Trả nợ các công trình</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Trả nợ công trình: Đường giao thông từ trung tâm xã Hữu Khuông đi bản Púng Bón	UBND Xã Hữu Khuông	2.100,000	
16.15	Xã Nhôn Mai		2.100,000	
*	<i>Công trình mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Đường giao từ từ Quốc lộ 16 vào Bản Huồi Cọ, xã Nhôn Mai	UBND Xã Nhôn Mai	2.100,000	
16.16	Xã Mai Sơn		2.100,000	
*	<i>Trả nợ các công trình</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Trả nợ công trình: Đường vào ký túc xã trường THCS xã Mai Sơn	UBND Xã Mai Sơn	170,000	
-	Trả nợ công trình: Cầu Huồi Xá, xã Mai Sơn	UBND Xã Mai Sơn	1.930,000	
XVII	Tổng huyện Yên Thành		52.516,684	
17.1	Xã Hậu Thành		2.591,460	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>548,300</i>	
-	Công trình 8 phòng làm việc trụ sở UBND xã Hậu Thành	UBND xã Hậu thành	548,300	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>2.043,160</i>	
-	Công trình 2 tầng 12 phòng trường Tiểu học xã Hậu Thành	UBND xã Hậu Thành	2.043,160	
17.2	Xã Tiến Thành		2.436,460	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>500,460</i>	
-	Xây dựng phòng học, nhà đa chức năng, các công trình phụ trợ cụm 2 trường mầm non xã Tiến Thành, huyện Yên Thành	UBND xã Tiến Thành	500,460	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.936,000</i>	

Handwritten signature

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Nâng cấp tuyến đường từ Cầu Máng đi Đồng Tròn xã Tiến Thành, huyện Yên Thành	UBND xã Tiến Thành	1.936,000	
17.3	Xã Nhân Thành		1.591,460	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.591,460</i>	
-	Công trình: Nhà học 03 tầng 15 phòng Trường Tiểu học xã Nhân Thành huyện Yên Thành	UBND xã Nhân Thành	1.591,460	
17.4	Xã Viên Thành		490,460	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>490,460</i>	
-	Nhà học 4 phòng trường Mầm non xã Viên Thành	UBND xã Viên Thành	490,460	
17.5	Xã Hoa Thành		2.390,460	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>200,000</i>	
-	Sửa chữa, nâng cấp tuyến mương tưới nước vùng đồng Lùm Hoa xã Hoa Thành, huyện Yên Thành	UBND xã Hoa Thành	200,000	
*	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>2.190,460</i>	
-	Trạm Y tế xã Hoa Thành	UBND xã Hoa Thành	2.190,460	
17.6	Xã Nam Thành		1.591,460	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.591,460</i>	
-	Nhà làm việc UBND xã Nam Thành	UBND xã Nam Thành	1.000,000	
-	Nâng cấp tuyến huyện lộ 538 - cầu Sỏi, Nam Thành	UBND xã Nam Thành	591,460	
17.7	Xã Hùng Thành		2.436,460	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>2.436,460</i>	
-	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông đoạn từ đường 22 đến Trạm Y tế xã Hùng Thành	UBND xã Hùng Thành	1.000,000	
-	Xây dựng Trường Trung học cơ sở xã Hùng Thành, huyện Yeenn Thành	UBND xã Hùng Thành	1.436,460	
17.8	Xã Mỹ Thành		1.267,898	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>700,000</i>	
-	Đường vào SVD, mương thoát nước nhà vệ sinh sân vận động xã Mỹ Thành	UBND xã Mỹ Thành	100,000	
-	Đường GTNT từ đường Mỹ Thượng đi khu di tích lịch sử Quốc gia đình Tru Pháp	UBND xã Mỹ Thành	200,000	
-	Đường GTNT từ QL 7 đi giếng Cây Phượng	UBND xã Mỹ Thành	100,000	
-	Đường GTNT từ đình Tru Pháp đi xóm 11	UBND xã Mỹ Thành	200,000	
-	Nhà học 2 lớp, bếp, công trình phụ trợ trường Mầm non cụm 1	UBND xã Mỹ Thành	100,000	
*	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>567,898</i>	
-	Cải tạo nâng cấp công, tường rào, nhà xe trường Tiểu học	UBND xã Mỹ Thành	200,000	
-	Cải tạo nâng cấp đường giao thông huyện lộ Mỹ- Minh đoạn qua xã Mỹ Thành	UBND xã Mỹ Thành	367,898	
17.9	Xã Tăng Thành		2.591,460	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>2.591,460</i>	
-	Nhà giao dịch một cửa xã Tăng Thành	UBND xã Tăng Thành	2.591,460	
17.10	Xã Trung Thành		1.113,898	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.113,898</i>	
-	Xây dựng nhà thí nghiệm, các công trình phụ trợ trường THCS và tiểu học xã Trung Thành, huyện Yên Thành	UBND xã Trung Thành	1.113,898	
17.11	Xã Bắc Thành		2.591,460	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.183,726</i>	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Thư viện trường tiểu học Bắc Thành	UBND xã Bắc Thành	883,726	
-	Nâng cấp đường GTNT Mã Nghè xã Bắc Thành, huyện Yên Thành	UBND xã Bắc Thành	300,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.407,734</i>	
-	Sửa chữa nhà học 2 tầng Trường THCS	UBND xã Bắc Thành	1.407,734	
17.12	Xã Hợp Thành		2.591,460	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>991,460</i>	
-	Trạm Y tế xã Hợp Thành	UBND xã Hợp Thành	991,460	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.600,000</i>	
-	Xây dựng sân vận động xã	UBND xã Hợp Thành	1.600,000	
17.13	Xã Liên Thành		2.390,460	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>2.390,460</i>	
-	Công trình cấp nước sinh hoạt xã Liên Thành	UBND xã Liên Thành	2.390,460	
17.14	Xã Đại Thành		2.436,460	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>2.436,460</i>	
-	Sân vận động xã Đại Thành, huyện Yên Thành	UBND xã Đại Thành	1.500,000	
-	Nâng cấp, cải tạo nhà ăn, nhà vệ sinh, nhà xe, cổng, tường rào và mái che trường mầm non xã Đại Thành, huyện Yên Thành	UBND xã Đại Thành	636,460	
-	Nâng cấp, cải tạo nhà 2 tầng và xây mới các công trình phụ trợ trường tiểu học xã Đại Thành	UBND xã Đại Thành	300,000	
17.15	Xã Phú Thành		691,460	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>691,460</i>	
-	Đường GTNT xóm Tiên Bồng xã Phú Thành đi Diễn Liên	UBND xã Phú Thành	691,460	
17.16	Xã Xuân Thành		490,460	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>490,460</i>	
-	Đường GTNT từ Quý tín dụng đi quốc lộ 7B	UBND xã Xuân Thành	290,000	
-	Đường GTNT từ xóm 2 đi xóm 1 xã Xuân Thành	UBND xã Xuân Thành	200,460	
17.17	Xã Đô Thành		691,460	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>691,460</i>	
-	Trường mầm non xã Đô Thành	UBND xã Đô Thành	691,460	
17.18	Xã Đồng Thành		1.067,898	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.067,898</i>	
-	Cải tạo nâng cấp tuyến đường giao thông nối từ quốc lộ 48E đến tỉnh lộ 538	UBND xã Đồng Thành	600,898	
-	Cải tạo nâng cấp tuyến đường giao thông từ Đồng Xuân đi Đồng Trỏ	UBND xã Đồng Thành	467,000	
17.19	Xã Phúc Thành		1.591,460	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>791,460</i>	
-	Nâng cấp cải tạo các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học số 2 xã phúc thành	UBND xã Phúc Thành	400,000	
-	Nhà Học chức năng trường THCS xã phúc thành	UBND xã Phúc Thành	391,460	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>800,000</i>	
-	Đường GTNT liên xã đoạn từ trạm điện 2 đi xã Hùng thành	UBND xã Phúc Thành	800,000	
17.20	Xã Kim Thành		2.390,460	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
*	Dự án hoàn thành		1.350,000	
-	Nhà văn hóa xã Kim Thành	UBND xã Kim Thành	1.350,000	
*	Dự án chuyển tiếp		390,460	
-	Nhà học 8 phòng trường tiểu học	UBND xã Kim Thành	390,460	
*	Dự án khởi công mới		650,000	
-	Sân vận động trung tâm xã	UBND xã Kim Thành	650,000	
17.21	Xã Bảo Thành		1.067,898	
*	Dự án hoàn thành		1.067,898	
-	Nhà học 2 tầng 8 phòng trường THCS xã Bảo Thành	UBND xã Bảo Thành	1.067,898	
17.22	Xã Công Thành		2.213,898	
*	Dự án chuyển tiếp		2.213,898	
-	Nâng cấp đường giao thông nông thôn trục chính của xã để phục vụ dân sinh thuộc giáo xứ Ngọc Long, xã Công Thành, huyện Yên	UBND xã Công Thành	2.213,898	
17.23	Xã Vĩnh Thành		1.113,898	
*	Dự án hoàn thành		1.023,898	
-	Sửa chữa nâng cấp tuyến mương Nhà nghe xóm Bắc Tháp xã Vĩnh Thành	UBND xã Vĩnh Thành	1.023,898	
*	Dự án chuyển tiếp		90,000	
-	Tuyến đường liên xã nối từ đường 533 thuộc xóm Vĩnh Phúc đi xóm Vĩnh Tiến, xóm Phú Văn, xóm Văn Điển xã Vĩnh Thành đến xã Long Thành	UBND xã Vĩnh Thành	90,000	
17.24	Xã Tây Thành		536,460	
*	Dự án khởi công mới		536,460	
-	Nâng cấp trường Tiểu học xã Tây Thành	UBND xã Tây Thành	536,460	
17.25	Xã Long Thành		1.591,460	
*	Dự án hoàn thành		1.000,000	
-	Đường giao thông nông thôn từ tỉnh lộ 534 xóm Vạn Thành đi vào khu di tích lịch sử Quốc gia Hoàng Tá Thốn xóm Vạn Trảng, xã	UBND xã Long Thành	1.000,000	
*	Dự án chuyển tiếp		591,460	
-	Nâng cấp tuyến đường Trung Long đoạn từ Quốc lộ 48E đi qua trụ sở UBND xã Long Thành	UBND xã Long Thành	591,460	
17.26	Xã Hồng Thành		2.436,460	
*	Dự án khởi công mới		2.436,460	
-	Tu sửa 8 phòng trường tiểu học, nhà bảo vệ trường tiểu học và mầm non xã Hồng Thành	UBND xã Hồng Thành	936,460	
-	Xây dựng tường bao, sân nền sân vận động xã Hồng Thành	UBND xã Hồng Thành	1.500,000	
17.27	Xã Thịnh Thành		2.436,460	
*	Dự án khởi công mới		2.436,460	
-	Tuyến đường xã từ ngã 3 xóm Mỹ thịnh đi xóm Trường thịnh	UBND xã Thịnh Thành	2.436,460	
17.28	Xã Thọ Thành		490,460	
*	Dự án khởi công mới		490,460	
-	Cải tạo nhà học 02 tầng 16 phòng trường THCS Hồ Tông Thốc, xã Thọ Thành	UBND xã Thọ Thành	490,460	
17.29	Xã Minh Thành		1.267,898	
*	Dự án khởi công mới		1.267,898	
-	Đường GTNT từ chùa cây nhận đi xóm 8 xã Minh Thành	UBND xã Minh Thành	1.267,898	
17.30	Xã Quang Thành		1.436,460	
*	Dự án hoàn thành		1.436,460	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Nhà học 2 tầng 8 phòng trường mầm non xã Quang Thành	UBND xã Quang Thành	436,460	
-	Xây bờ bao, khuôn viên trường Tiểu Học xã Quang Thành	UBND xã Quang Thành	1.000,000	
17.31	Xã Tân Thành		2.390,460	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.390,460</i>	
-	Đường GTNT tuyến ngã ba Vàng Lái đi ngã ba trường Tiểu học	UBND xã Tân Thành	2.390,460	
17.32	Xã Văn Thành		53,898	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>53,898</i>	
-	Xây dựng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Văn Thành	UBND xã Văn Thành	53,898	
17.33	Xã Lăng Thành		46,460	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>46,460</i>	
-	Sân vận động, đường giao thông nông thôn phục vụ nông thôn mới xã Lăng Thành	UBND xã Lăng Thành	46,460	
XVIII	Tổng huyện Anh Sơn		24.909,380	
18.1	Xã Bình Sơn		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	XD 6 phòng học trường Mầm non xã Bình Sơn	UBND xã Bình Sơn	1.552,000	
-	Đường GTNT khu vực trung tâm xã Bình Sơn	UBND xã Bình Sơn	548,000	
18.2	Xã Cao Sơn		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Xây dựng chợ Cây Nhãn, xã Cao Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Cao Sơn	2.100,000	
18.3	Xã Lạng Sơn		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Đường giao thông từ Cầu Cây trung đến nhà Sáu Trúc thôn 3 xã Lạng Sơn	UBND xã Lạng Sơn	2.100,000	
18.4	Xã Tam Sơn		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Nâng cấp, sửa chữa đường vào trung tâm xã Tam Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Tào Sơn	2.100,000	
18.5	Xã Thành Sơn		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Xây dựng mương thoát nước từ Trường Mầm non đến Nhà bia tưởng niệm xã Thành Sơn	UBND xã Thành Sơn	400,000	
-	Mương dẫn nước Làng cũ Thôn 8	UBND xã Thành Sơn	1.000,000	
-	Mương dẫn nước Làng cũ Thôn 6	UBND xã Thành Sơn	700,000	
18.6	Xã Thọ Sơn		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Đường GTNT đoạn từ Trạm điện đến cửa Ông Bính thôn 9, xã Thọ Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Thọ Sơn	300,000	
-	Đường GTNT đoạn từ cửa Anh Báu đến cửa Anh Lê Ân thôn 4, xã Thọ Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Thọ Sơn	1.800,000	
18.7	Xã Phúc Sơn		1.000,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Đường GT Thôn 3 đi thôn 2	UBND xã Phúc Sơn	200,000	
-	Đường giao thông từ bản Vều 4 đi xã Phúc Sơn	UBND xã Phúc Sơn	300,000	

191

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Đường GT từ bản Bọp vào bản Châu Tam xã Phúc Sơn	UBND xã Phúc Sơn	500,000	
18.8	Xã Cẩm Sơn		1.000,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Đường GTNT từ thôn 1.5 đi thôn Tân Tiến	UBND xã Cẩm Sơn	1.000,000	
18.9	Xã Hùng Sơn		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Trụ sở làm việc UBND xã Hùng Sơn - Hạng mục nhà làm việc 2 tầng	UBND xã Hùng Sơn	1.000,000	
18.10	Xã Hội Sơn		1.000,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Cải tạo nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Hội Sơn	800,000	
-	Đường giao thông nội đồng đoạn từ sân bóng thôn 1 đến đường vào Nghĩa trang Bàu Toán		200,000	
18.11	Xã Đình Sơn		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Nhà học 05 phòng trường Mầm non	UBND xã Đình Sơn	700,000	
-	Nhà học 05 phòng trường Tiểu học	UBND xã Đình Sơn	100,000	
-	Đường liên thôn: Thôn 3 - thôn 4 - thôn 5	UBND xã Đình Sơn	200,000	
18.12	Xã Vĩnh Sơn		2.436,460	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>491,460</i>	
-	xây dựng nhà làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Vĩnh Sơn	UBND xã Vĩnh Sơn	491,460	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.945,000</i>	
-	Dự án đường GTNT đoạn từ cầu rú trở thôn 5 vào thôn 6 xã Vĩnh Sơn	UBND xã Vĩnh Sơn	800,000	
-	Chợ nông thôn xã Vĩnh Sơn	UBND xã Vĩnh Sơn	795,000	
-	Khu tập trung xử lý rác thải xã Vĩnh Sơn	UBND xã Vĩnh Sơn	350,000	
18.13	Xã Thạch Sơn		2.436,460	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>795,000</i>	
-	XD nhà bếp, cổng ra vào, bờ rào, trường mầm non xã Thạch Sơn	UBND xã Thạch Sơn	795,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.641,460</i>	
-	Xây dựng sân vận động xã Thạch Sơn	UBND xã Thạch Sơn	1.641,460	
18.14	Xã Khai Sơn		2.436,460	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.436,460</i>	
-	Nâng cấp, tu sửa chợ nông thôn xã Khai Sơn (giai đoạn 2)	UBND xã Khai Sơn	400,000	
-	Tu sửa Trạm Y tế xã Khai Sơn	UBND xã Khai Sơn	250,000	
-	Cải tạo nhà văn hoá xã và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Khai Sơn	786,460	
-	Xây dựng sân vận động trung tâm xã Khai Sơn	UBND xã Khai Sơn	1.000,000	
XIX	Tổng huyện Quỳ Hợp		34.300,000	
19.1	Xã Châu Tiến		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Bê tông hóa đường liên xóm Bàn Tền - Bàn Phảy - Bàn Cánh-cầu dân sinh, xã Châu Tiến	UBND xã Châu Tiến	2.100,000	
19.2	Xã Châu Lộc		2.100,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>572,000</i>	
-	Trụ sở UBND xã Châu Lộc	UBND xã Châu Lộc	392,000	
-	Công trình nghĩa trang liệt sỹ xã Châu Lộc	UBND xã Châu Lộc	180,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.528,000</i>	
-	Xây dựng trạm y tế xã Châu Lộc	UBND xã Châu Lộc	600,000	
-	Đường giao thông xóm Cầu đá	UBND xã Châu Lộc	400,000	
-	Đường giao thông xóm Na tỷ	UBND xã Châu Lộc	350,000	
-	Nâng cấp hội quán xóm Chô	UBND xã Châu Lộc	178,000	
19.3	Xã Đồng Hợp		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Nhà làm việc 2 tầng khối dân xã Đồng Hợp	UBND xã Đồng Hợp	856,000	
-	Sân vận động xã Đồng Hợp	UBND xã Đồng Hợp	144,000	
19.4	Xã Văn Lợi		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Xây dựng công trình nước sạch xóm Xuân Sơn, xã Văn Lợi	UBND xã Văn Lợi	300,000	
-	Xây dựng Trạm y tế xã Văn Lợi.	UBND xã Văn Lợi	1.000,000	
-	Xây dựng phòng học, nhà bếp và các công trình phụ trợ Trường Mầm non Văn Lợi.	UBND xã Văn Lợi	400,000	
-	Duy tu, sửa chữa nhà văn hóa cộng đồng xóm Nam Lợi, xã Văn Lợi	UBND xã Văn Lợi	300,000	
-	Đường giao thông nông thôn xóm Thắng Lợi, xã Văn Lợi	UBND xã Văn Lợi	100,000	
19.5	Xã Nam Sơn		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Kênh mương Na Bàn bản Tăng	UBND xã Nam Sơn	400,000	
-	Kênh mương bản Quảng	UBND xã Nam Sơn	350,000	
-	Đập thủy lợi Na Bàn bản Hầm	UBND xã Nam Sơn	450,000	
-	Sửa chữa, nâng cấp nhà cộng đồng 04 xóm bản (Cà Vạt, bản Quảng, bản Khiết, Chà Hàng)	UBND xã Nam Sơn	400,000	
-	Cầu dân sinh bản Tăng	UBND xã Nam Sơn	500,000	
19.6	Xã Nghĩa Xuân		1.000,000	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Trạm y tế xã Nghĩa Xuân, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.	UBND xã Nghĩa Xuân	1.000,000	
19.7	Xã Châu Thành		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Đập và kênh mương thủy lợi xóm Chăm Hiêng	UBND xã Châu Thành	600,000	

Handwritten signature

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Xây mới 02 phòng học trường Tiểu học cụm Tiến Thành	UBND xã Châu Thành	1.000,000	
-	Đường giao thông nông thôn bản Cò	UBND xã Châu Thành	500,000	
19.8	Xã Châu Đình		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Xây dựng 8 phòng học nhà 2 tầng Trường tiểu học	UBND xã Châu Đình	1.730,000	
-	Xây dựng kênh mương Bản Còi	UBND xã Châu Đình	370,000	
19.9	Xã Yên Hợp		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Xây dựng nhà văn hóa xóm Đồng Mông	UBND xã Yên Hợp	550,000	
-	Xây dựng nhà văn hóa xóm Bọ	UBND xã Yên Hợp	550,000	
-	Xây dựng nhà văn hóa xóm Trọng Cánh	UBND xã Yên Hợp	550,000	
-	Xây dựng Nhà văn hóa xóm Dế	UBND xã Yên Hợp	450,000	
19.10	Xã Liên Hợp		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>534,000</i>	
-	Nhà văn phòng và nhà đa chức năng trường Mầm non xã Liên Hợp	UBND xã Liên Hợp	164,000	
-	Công trình hàng rào trường Mầm non xã Liên Hợp	UBND xã Liên Hợp	370,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>466,000</i>	
-	Xây dựng đường giao thông bê tông xóm Duộc - xóm Quăn	UBND xã Liên Hợp	466,000	
19.11	Xã Tam Hợp		1.000,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Bê tông hóa tuyến đường Bắc Sơn đi bảo An Tam Hợp đi Tân Thắng Đồng Hợp	UBND xã Tam Hợp	1.000,000	
19.12	Xã Châu Hồng		2.100,000	
*	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Xây mới tuyến mương bản Huống- Bản Hy	UBND xã Châu Hồng	1.000,000	
-	Cải tạo, nâng cấp nhà Văn hóa xã	UBND xã Châu Hồng	1.100,000	
19.13	Xã Châu Thái		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Nhà Văn hóa cộng đồng xóm bản Xàn	UBND xã Châu Thái	460,000	
-	Sửa chữa nâng cấp cụ Đồng Minh, trường mầm non xã Châu Thái	UBND xã Châu Thái	600,000	
-	Nhà Văn hóa cộng đồng xóm bản Tiềm	UBND xã Châu Thái	650,000	
-	Đường giao thông từ nhà ông Bức, bản Chảo đến nhà ông Minh bản Xàn	UBND xã Châu Thái	390,000	
19.14	Xã Châu Lý		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Trường Tiểu học Châu Lý 2	UBND xã Châu Lý	2.100,000	
19.15	Xã Minh Hợp		1.000,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>1.000,000</i>	

NAK

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 2019	Ghi chú
-	Nhà Văn Hóa cộng đồng xã Minh Hợp	UBND xã Minh Hợp	1.000,000	
19.16	Xã Bắc Sơn		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Xây dựng kênh mương bản Vạn, bản Nháo	UBND xã Bắc Sơn	1.100,000	
-	Xây dựng nhà văn hóa bản Hiêng, bản Mánh	UBND xã Bắc Sơn	1.000,000	
19.17	Xã Thọ Hợp		1.000,000	
*	<i>Dự án hoàn thành</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Nhà văn hóa đa chức năng xã Thọ Hợp	UBND xã Thọ Hợp	533,540	
-	Sửa chữa, nâng cấp kênh mương tiêu úng xóm Cốc mằm	UBND xã Thọ Hợp	249,460	
-	Xây dựng nâng cấp, sửa chữa công trình phụ trợ Trường mầm non xã Thọ Hợp	UBND xã Thọ Hợp	217,000	
19.18	Xã Châu Quang		1.000,000	
*	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>1.000,000</i>	
-	Trung tâm hoạt động thể thao cộng đồng xã Châu Quang	UBND xã Châu Quang	1.000,000	
19.19	Xã Hạ Sơn		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Xây dựng Nhà Văn hóa cộng đồng xã Hạ Sơn	UBND xã Hạ Sơn	1.535,000	
-	Duy tu 8 nhà văn hóa xóm (Xóm Xiêm, Cồn Tô, Xuân Sơn, xóm Mốn, Cồn Sơn, xóm Sết, xóm Long, Đồng Nang)	UBND xã Hạ Sơn	565,000	
19.20	Xã Châu Cường		2.100,000	
*	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>2.100,000</i>	
-	Sửa chữa nâng cấp sân trường và 02 phòng học cụm Đại Cường xã Châu Cường	UBND xã Châu Cường	600,000	
-	Sửa chữa 02 phòng học Mầm non cụm bản Khi, xã Châu cường	UBND xã Châu Cường	650,000	
-	Sửa chữa nhà Bác sỹ, phòng trực, trạm xá xã châu Cường	UBND xã Châu Cường	350,000	
-	Đường liên xóm bản Thẩm đi bản Nhạ	UBND xã Châu Cường	500,000	

NGH